



**BÁO CÁO 20**  
**THƯỜNG NIÊN 16**



**PHÁT TRIỂN  
NHANH - BỀN VỮNG - HIỆU QUẢ**

## MỤC LỤC

06

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

08

MỘT SỐ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

09

GIẢI THƯỞNG, THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

10

NHỮNG DẤU ẤN QUAN TRỌNG NĂM 2016

12

THÔNG TIN CHUNG VỀ MB

44

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

50

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

53

QUẢN TRỊ CÔNG TY

60

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



2016 tiếp tục là một năm nhiều biến động, khó khăn và thách thức với nền kinh tế trong nước và thế giới. Tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 3,1%, giảm so với mức dự báo 3,3% trước đó và với mức 3,2% của năm 2015. Ở Việt Nam, tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch đề ra, ở mức 6,2%, thấp hơn mức tăng trưởng 6,7% của năm 2015. Những diễn biến bất lợi của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đã tác động tới một số ngành như du lịch, kinh tế biển, khai khoáng và nông nghiệp..., gián tiếp ảnh hưởng tới sự tăng trưởng kinh tế.

Khép lại năm 2016, với việc nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật và của Ngân hàng nhà nước, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường, nhất quán với phương châm **"Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả"**, với sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành, sự kết nối chặt chẽ từ Hội sở tới các đơn vị trên toàn hệ thống, MB đã đạt được những kết quả ấn tượng mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Cụ thể, sau 5 năm triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015, tổng tài sản tăng gần 2 lần, dư nợ tăng gấp 2,5 lần, huy động vốn tăng 2,2 lần; lợi nhuận trước thuế tăng gấp 1,4 lần; kiểm soát rủi ro chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%... Trong năm 2016, MB nâng giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MBB của nhà đầu tư nước ngoài từ 10% lên 20%, góp phần tăng tính thanh khoản cổ phiếu MBB, hoàn thành phương án chi trả cổ tức của năm 2015 và ổn định cơ cấu cổ đông.

Năm 2016, mô hình tập đoàn với ngân hàng mẹ và các công ty thành viên của MB được củng cố vững chắc hơn với sự tham gia của 2 công ty thành viên mới có vốn góp của đối tác nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm nhân thọ (MB Ageas Life) và tài chính tiêu dùng (MCredit), đồng thời góp phần giúp MB hiện thực hóa mục tiêu phát triển sang những lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, đa dạng hóa nguồn thu, tăng năng lực quản trị và gia tăng giá trị vốn góp của cổ đông.

Bên cạnh sự tăng trưởng ấn tượng và bền vững trên các mặt hoạt động kinh doanh, MB đã triển khai có hiệu quả các dự án nâng cao năng lực quản trị điều hành, hoàn thiện chính sách quản trị nội bộ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo cơ sở vững chắc cho việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất. Với việc chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, MB luôn có một nguồn nhân lực chất lượng cao, đầy đủ năng lực đáp ứng với yêu cầu của hoạt động kinh doanh. MB cũng hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển MB giai đoạn 2017 - 2021 trên cơ sở kế thừa những nền tảng, giá trị được tạo dựng từ chiến lược giai đoạn trước, vận dụng sáng tạo những tư vấn của Mc.Kinsey, sẵn sàng chuẩn bị cho sự phát triển đột phá trong thời gian sắp tới.

Không chỉ chú trọng đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, MB luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội, tích cực chung tay chia sẻ với cộng đồng thông qua các chương trình từ thiện, an sinh xã hội trên cả nước với tổng giá trị đóng góp trong năm 2016 khoảng 43 tỷ đồng.

Với những nỗ lực không ngừng, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông, uy tín thương hiệu được cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao. Năm 2016, MB vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Chính Phủ, của Bộ Quốc Phòng, của Ngân hàng Nhà nước, các giải thưởng uy tín do các tổ chức quốc tế và trong nước trao tặng như "Doanh nghiệp Văn hóa thời kỳ hội nhập", "Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu 2016", "Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016", "Ngân hàng ứng dụng CNTT an toàn, hiệu quả"...

Năm 2017, nền kinh tế thế giới được dự báo tăng trưởng cải thiện so với 2016, hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ dẫn ổn định bởi những yếu tố tích cực từ môi trường kinh tế vĩ mô, tỷ giá ổn định và tỷ lệ lạm phát được kiểm soát, chương trình tái cơ cấu các TCTD vẫn được Chính phủ quan tâm triển khai quyết liệt.

Chuẩn bị cho giai đoạn chiến lược mới 2017 - 2021, MB tập trung đổi mới nhằm tạo sự bứt phá, vươn lên tầm cao mới. Xác định phương châm 2017 "**Tăng trưởng đột phá, Hiệu quả - An toàn**", Ngân hàng sẽ tập trung các chuyển dịch chiến lược trong giai đoạn tới. Trong đó, trọng tâm thực hiện đề án Ngân hàng số, kiện toàn hệ thống quy định, chính sách nội bộ trong đó tăng cường các công cụ quản trị hiệu quả, giám sát và kiểm soát chặt chẽ chất lượng, phát triển mô hình liên kết với Viettel và đẩy mạnh hoạt động bán chéo trong tập đoàn thông qua việc thiết kế các sản phẩm tích hợp mang lại nhiều giá trị gia tăng hơn cho khách hàng.

Sẵn sàng đón nhận những vận hội và cả những thách thức mới của năm 2017, với bản lĩnh, sự sáng tạo, sức mạnh đoàn kết, tinh thần như những ngày đầu khởi nghiệp của tập thể Ban lãnh đạo và CBNV, sự ủng hộ, giúp đỡ của các cơ quan quản lý, cổ đông, khách hàng, MB sẽ giữ vững vị thế trong TOP 5 Ngân hàng hàng đầu về hiệu quả tại Việt Nam.



**LÊ HỮU ĐỨC**  
Chủ tịch HĐQT

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

### ■ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**3.651 tỷ đồng**

↑ 13% so với năm 2015

### ■ TỔNG HUY ĐỘNG VỐN (DÂN CƯ & TCKT)

**194.812 tỷ đồng**

↑ 7% so với năm 2015

### ■ CAR **12.5%**

### ■ TỔNG DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG

**150.738 tỷ đồng**

↑ 24% so với năm 2015

### ■ TỔNG TÀI SẢN

**256.259 tỷ đồng**

↑ 16% so với năm 2015

### SỐ LIỆU HỢP NHẤT (05 NĂM GẦN NHẤT)

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tổng tài sản	175.610	180.381	200.489	221.042	256.259
Vốn chủ sở hữu	13.530	15.707	17.148	23.183	26.588
Trong đó: Vốn điều lệ	10.000	11.256	11.594	16.000	17.127
Tiền gửi của TCKT và cá nhân	117.747	136.089	167.609	181.565	194.812
Tổng dư nợ cho vay	74.479	87.743	100.569	121.349	150.738
Thu nhập lãi thuần	6.664	6.124	7.036	7.319	7.979
Tổng thu nhập hoạt động	7.813	7.659	8.307	8.772	9.855
Tổng chi phí hoạt động	2.697	2.746	3.114	3.449	4.175
Lợi nhuận từ HĐKD trước dự phòng	5.117	4.914	5.193	5.323	5.681
Chi phí dự phòng rủi ro	2.027	1.892	2.019	2.102	2.030
Lợi nhuận trước thuế	3.090	3.022	3.174	3.221	3.651
Lợi nhuận sau thuế	2.320	2.286	2.503	2.512	2.884
ROE (LNST/VCSH bình quân)	19,5%	15,6%	15,2%	12,5%	11,6%
ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân)	1,5%	1,3%	1,3%	1,2%	1,21%
Điểm giao dịch (*)	183	209	224	231	268
Số cán bộ nhân viên (ngân hàng và công ty con)	5.806	6.128	6.939	7.810	10.656
EPS	2.457	2.145	2.073	1.902	1.706

(\*) Tính riêng ngân hàng

## GIẢI THƯỞNG THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

### THE ASIAN BANKER TRANSACTION BANKING AWARD 2016 - THE BEST FX BANK IN VIETNAM (NGÂN HÀNG CÓ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH NGOẠI HỐI TỐT NHẤT VIỆT NAM)

"The Best FX Bank in Vietnam" thuộc hệ thống danh hiệu "The Asian Banker Transaction Banking Award" - Ngân hàng giao dịch tốt nhất tại mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ dựa trên những tiêu chí do The Asian Banker đưa ra và được bình chọn "khắt khe nhất, uy tín và minh bạch". Giải thưởng dành cho các ngân hàng có dịch vụ tài trợ thương mại, thanh toán và quản lý tiền mặt tốt nhất đã trở thành đấu trường uy tín cho tất cả các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Năm 2016 là năm đầu tiên The Asian Banker đưa vào bình xét danh hiệu cho dịch vụ ngoại hối, và MB đã nhận danh hiệu ngân hàng cung cấp sản phẩm ngoại hối tốt nhất Việt Nam năm 2016.

### TOP 50 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM

Theo Brand Finance - hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới, thương hiệu MB đứng vị trí thứ 21 trong 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2016. Brand Finance cũng định giá thương hiệu của MB có giá trị khoảng 79 triệu USD, mức đánh giá AA-. Đây là năm thứ hai liên tiếp, MB đón nhận danh hiệu này.

### TOP 1000 DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ LỚN NHẤT VIỆT NAM NĂM 2016 (V1000)

MB xếp thứ 16 trong tổng bảng xếp hạng và xếp thứ 4 so với ngành Ngân hàng. Bảng xếp hạng V1000 là giải thưởng năm ghi nhận và tôn vinh các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt, tuân thủ pháp luật, chính sách về thuế và đóng góp thuế thu nhập lớn nhất trong 04 năm liên tiếp cho Ngân sách Quốc gia.

### GIẢI THƯỞNG STRAIGHT THROUGH PROCESSING (STP)

Giải thưởng STP là một giải thưởng cao quý về chất lượng dịch vụ thanh toán quốc tế do Ngân hàng JP-Morgan Chase Bank ( Mỹ) hiện nay là ngân hàng đại lý hàng đầu cung cấp dịch vụ thanh toán bù trừ cho các ngân hàng trên thế giới trao tặng, ghi nhận MB là ngân hàng có lệnh thanh toán được thực hiện chính xác, không phải xử lý bằng tay, từ đó các khoản chuyển tiền thanh toán quốc tế được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí xử lý.

### TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Năm 2016 là năm thứ 10 liên tiếp MB nằm trong bảng xếp hạng VNR500- top 500 doanh nghiệp lớn nhất VN- theo mô hình fortune 500 được công bố bởi báo Vietnamnet dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.

### GIẢI THƯỞNG "BEST SME BANK OF THE YEAR IN VIETNAM"

Tôn vinh Ngân hàng có những hoạt động mạnh mẽ, quyết liệt và thiết kế những gói sản phẩm tiên phong

trên thị trường cho khách hàng Doanh nghiệp do tạp chí The Asian Banker trao tặng

### GIẢI THƯỞNG "BEST CRM PROJECT IN VIETNAM"

Tôn vinh Ngân hàng có những cải tiến lớn về mặt công nghệ nhằm quản lý nhất dữ liệu thông tin khách hàng do tạp chí The Asian Banker trao tặng

### GIẢI THƯỞNG "BEST LENDING PLATFORM IMPLEMENTATION PROJECT IN VIETNAM"

Tôn vinh Ngân hàng có nền tảng và cải tiến quy trình cho vay khách hàng thuận tiện trong thời gian ngắn và mang lại hiệu quả cao do tạp chí The Asian Banker trao tặng.





## NHỮNG DẤU ẤN QUAN TRỌNG CỦA MB NĂM 2016

01

MB hoàn thành và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng tài sản đạt 256.259 tỷ đồng, tăng 16%; Vốn điều lệ đạt 17.127 tỷ đồng. ROA đạt 1.21%, ROE đạt 11.6%. Nợ xấu được kiểm soát ở mức 1.32%.

02

Xây dựng Chiến lược phát triển MB giai đoạn 2017 - 2021, tập trung vào các trọng tâm chuyển dịch với mục tiêu đến năm 2021 nằm trong Top 5 hệ thống NHTM Việt Nam về hiệu quả kinh doanh.

03

Công tác chuyên môn hóa, tập trung hóa trong hoạt động được thực hiện hoàn chỉnh từ khâu vận hành, thẩm định đến phê duyệt tạo tính đồng nhất, rút ngắn thời gian cung cấp dịch vụ.

04

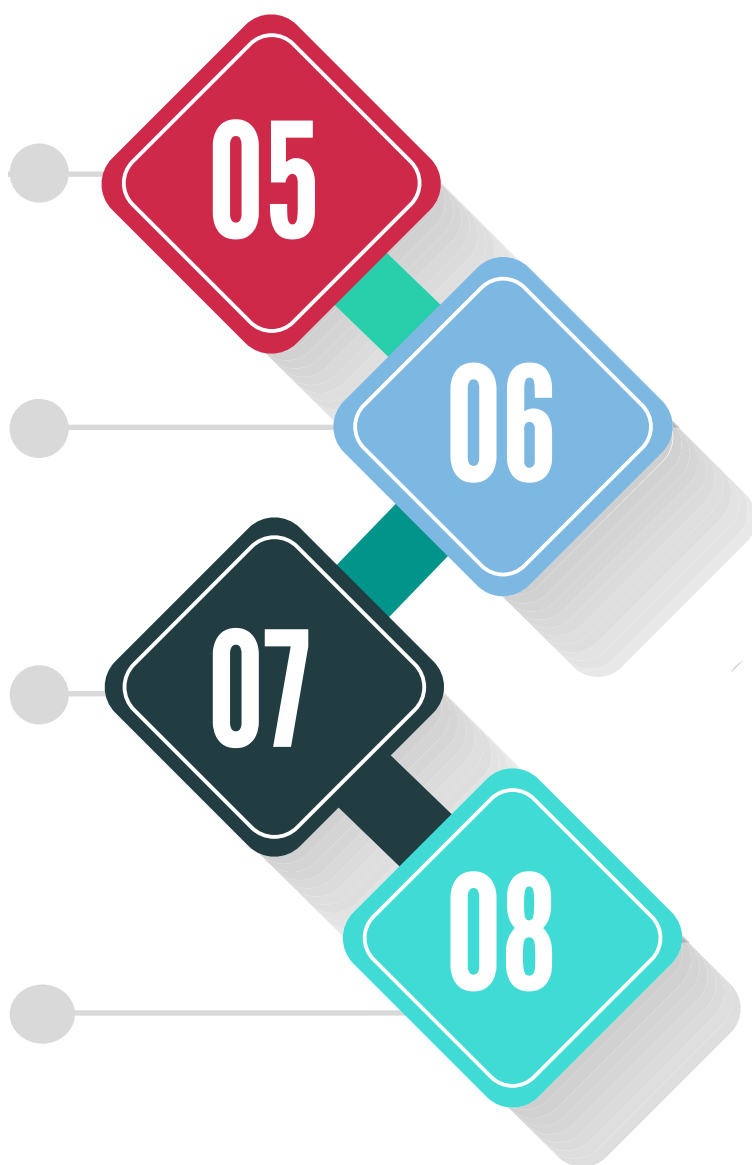
Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 được tổ chức thành công, thông qua nhiều nội dung quan trọng, định hướng cho hoạt động giai đoạn chiến lược tiếp theo, giữ vững mục tiêu MB tiếp tục nằm trong TOP 5 Ngân hàng hàng đầu về hiệu quả.

Hoàn thiện mô hình tập đoàn tài chính đa năng với việc thành lập và đi vào hoạt động 2 công ty thành viên là Mcredit trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng và MB Ageas Life chuyên về giải pháp bảo hiểm nhân thọ.

Tổ chức thành công kỷ niệm 20 năm thành lập MB Khu vực phía Nam. MB đã khẳng định vị thế của mình tại khu vực với hơn 2.000 nhân sự tại hơn 80 điểm giao dịch, phục vụ hơn 600.000 khách hàng.

Tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng ngân hàng bán lẻ, tăng tỷ trọng cho vay khách hàng cá nhân lên 31% trong tổng cho vay khách hàng. Nhiều giải pháp đẩy nhanh năng lực kinh doanh mảng dịch vụ cũng được thực hiện, tăng thu dịch vụ và bảo lãnh đạt 27%.

MB vinh dự đạt được gần 80 danh hiệu cao quý của Chính phủ, Bộ QP, NHNN, các tổ chức trong nước và quốc tế tiêu biểu như Cờ thi đua của Chính phủ lần thứ 8 liên tiếp, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ quốc phòng lần thứ 4, Cờ thi đua của Ngân hàng nhà nước lần thứ 7 liên tiếp... cùng nhiều giải thưởng trong nước & quốc tế uy tín khác.





## THÔNG TIN CHUNG

---

Quá trình hình thành & phát triển

---

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

---

Cơ cấu bộ máy quản lý

---

Tổ chức & Nhân sự

---

Chiến lược phát triển

---

Quản trị rủi ro

---

Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường & Xã hội

---

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Sau gần 23 năm phát triển, MB khẳng định vị thế của một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, với các chỉ số hiệu quả luôn nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường.

1994  
2004

Từ ý tưởng ban đầu là xây dựng một tổ chức tín dụng phục vụ doanh nghiệp quân đội trong nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thời kỳ tiền hội nhập, ngày 4/11/1994, Ngân hàng TMCP Quân đội được thành lập với số vốn gần 20 tỷ đồng, 25 nhân sự và một điểm giao dịch duy nhất tại 28A Điện Biên Phủ, Hà Nội.

Mười năm đầu (1994-2004), là giai đoạn mang tính "mở lối" định hình phương châm hoạt động, xác định chiến lược kinh doanh và xác định thương hiệu. Kiên định với mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, MB áp dụng linh hoạt các giải pháp hợp lý để từng bước tích lũy kinh nghiệm và năng lực tài chính, từng bước khẳng định vai trò và có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của nền kinh tế, góp phần thực hiện nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng của Quân đội. MB đã vững vàng vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 và là ngân hàng cổ phần duy nhất có lãi trong năm này; năm 2004, tròn 10 năm thành lập, tổng vốn huy động của MB tăng gấp trên 500 lần, tổng tài sản trên 7.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 500 tỷ và khai trương trụ sở mới tại số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

2005  
2009

Giai đoạn này đánh dấu bước chuyển mình quan trọng, tạo nền tảng để vươn lên phát triển mạnh mẽ trong những năm tiếp theo. Trong giai đoạn này, MB áp dụng một loạt các giải pháp đổi mới tổng thể từ mở rộng quy mô hoạt động, phát triển mạng lưới, đầu tư công nghệ, tăng cường nhân sự, hướng mạnh về khách hàng với việc tách bạch chức năng quản lý và chức năng kinh doanh giữa Hội sở và Chi nhánh, tổ chức lại đơn vị kinh doanh theo nhóm khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ... có thể nói, giai đoạn 2005 - 2009 đã tạo cơ sở vững chắc để MB đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược sau này, góp phần đưa MB trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu Việt Nam hiện nay.

Năm 2009, đánh dấu 15 năm phát triển, MB vinh dự nhận Huân chương Lao động Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

# 2010 2016

Năm 2010 là bước ngoặt quan trọng đưa MB ghi dấu ấn trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam sau này. MB bắt đầu nghiên cứu xây dựng chiến lược giai đoạn mới 2011 - 2015, với kỳ vọng đưa MB vào TOP 3 ngân hàng TMCP không do nhà nước nắm cổ phần chi phối. Đây cũng là giai đoạn hết sức khó khăn của nền kinh tế. Dưới tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, ngành Ngân hàng thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ, nhiều ngân hàng suy giảm lợi nhuận, thậm chí phải sát nhập, bán lại với giá 0 đồng. Trong bối cảnh đó, MB kiên định với chiến lược phát triển bền vững, an toàn đã vươn lên dẫn đầu về nhiều chỉ tiêu tài chính quan trọng, hoàn thành mục tiêu nằm trong TOP 3 trước 2 năm - vào năm 2013.

Với những thành quả đã đạt được, năm 2014, MB vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất. Đến năm 2015, tiếp tục được Phong tặng danh hiệu Anh Hùng Lao động.

Năm 2016 là bước đệm chuyển giao giữa hai giai đoạn chiến lược 2011 - 2015 và 2017 - 2021. Trong năm này, MB tiếp tục thành lập hai công ty thành viên mới trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ là MB Ageas Life và tài chính tiêu dùng là Mcredit, kiện toàn mô hình tập đoàn tài chính đa năng. Những nền tảng vững chắc MB đã xây dựng trong những năm qua sẽ tạo đà phát triển vững chắc cho MB trong giai đoạn mới.

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT & NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

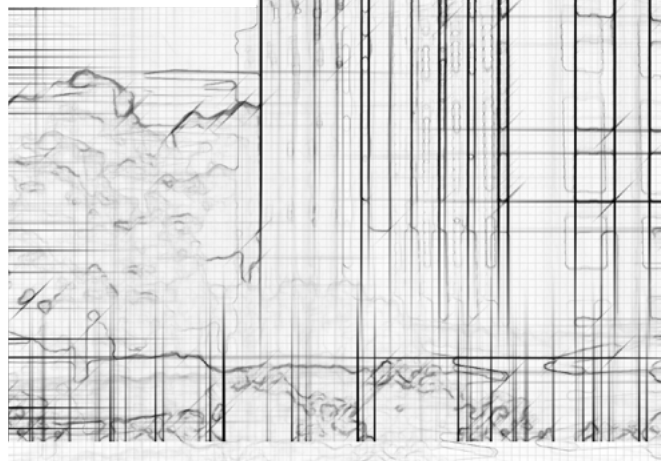
Tên đầy đủ bằng tiếng Việt	:	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội
Tên viết tắt	:	Ngân hàng Quân đội (MB)
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh	:	Military Commercial Joint-stock Bank
Ngày thành lập	:	04/11/1994
Vốn điều lệ	:	17.127.409.090.000 đồng
Mã chứng khoán	:	MBB

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100283873 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/09/1994, thay đổi lần thứ 40 ngày 10/11/2016.

Trụ sở chính	:	Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	:	04 62661088
Fax	:	04 62661080
Email	:	info@mbbank.com.vn
Website	:	www.mbbank.com.vn

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động chính của ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.



THÔNG TIN CHUNG  
ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2016

MB CÓ **01** TRỤ SỞ CHÍNH TẠI 21 CÁT LINH, ĐỒNG ĐÀ, HÀ NỘI  
& **268** ĐIỂM GIAO DỊCH ĐƯỢC NHNN CẤP PHÉP ĐI VÀO

HOẠT ĐỘNG TRONG ĐÓ CÓ:

**02** CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI TẠI LÀO VÀ CAMPUCHIA

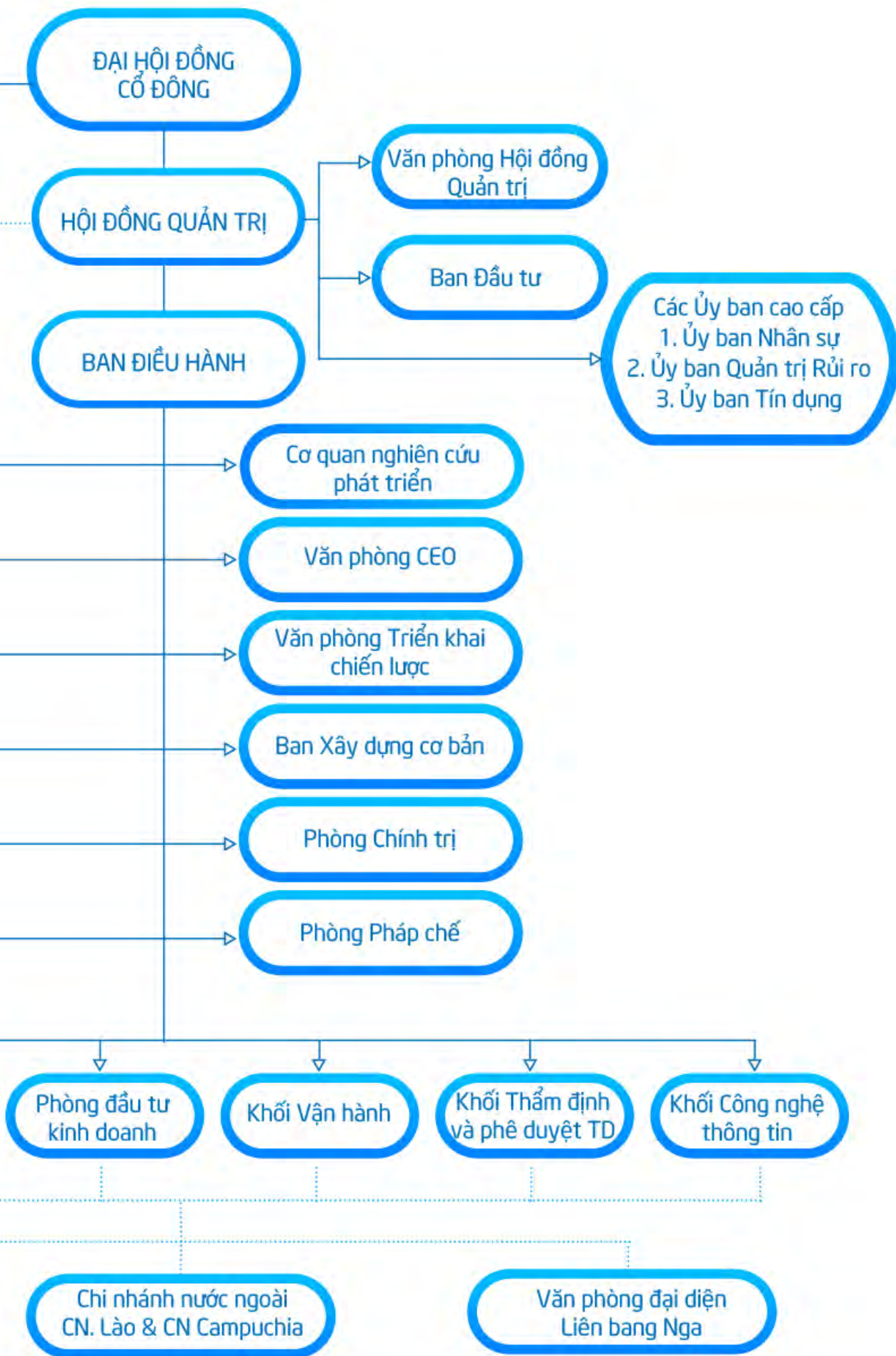
**89** CHI NHÁNH TRONG NƯỚC

**176** PHÒNG GIAO DỊCH

**01** VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI NƯỚC NGOÀI







## CÔNG TY THÀNH VIÊN

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Tên tiếng Anh : MB Securities Joint Stock Company  
 Tên viết tắt : MBS  
 Trụ sở chính : Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
 Vốn điều lệ : 1.221.242.800.000 VND.

so với năm 2015, thị phần môi giới cũng ghi dấu ấn với việc giữ vị trí Top 5 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất. Hoạt động quản lý, kiểm soát rủi ro luôn được chú trọng và thực hiện chặt chẽ.

MBS có vốn điều lệ 1.221 tỷ VND (trong đó, MB chiếm tỷ lệ 79,52%), hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực môi giới, dịch vụ ngân hàng đầu tư và kinh doanh chứng khoán.

Với các nỗ lực trong hoạt động kinh doanh, trong năm 2016 MBS đã được nhận Giải thưởng dành cho Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 - 2016 do HNX trao tặng.

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên ra đời tại Việt Nam.

Trong năm 2017, MBS tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực quản trị và điều hành kinh doanh, cải tiến hệ thống công nghệ, cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng cường uy tín, thương hiệu MBS với Khách hàng.

Trong năm 2016, hoạt động kinh doanh của MBS có tăng trưởng tốt với doanh thu đạt 514,4 tỷ đồng, tăng 31,6% so với năm trước. Trong đó, doanh thu dịch vụ ngân hàng đầu tư tăng trưởng đột phá với doanh thu tăng gấp 07 lần

### CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MTV MB



Tên tiếng Anh : Financial One Member Limited Liability Company Military Commercial Joint Stock Bank  
 Tên viết tắt : M FINANCE  
 Trụ sở chính : Tầng 12 tòa nhà TNR Tower, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Giấy Chứng nhận ĐKKD: 0107349019 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01/11/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp.  
 Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VND.

Mcredit đã triển khai hoạt động kinh doanh trên toàn khu vực Hà Nội với hai sản phẩm chủ đạo là cho vay tiền mặt và cho vay trả góp.

Mcredit được thành lập ngày 10/03/2016 với vốn điều lệ 500 tỷ đồng do MB sở hữu 100% vốn, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính tín dụng tiêu dùng.

MB đã ký hợp đồng liên doanh với đối tác Shinsei Bank (Một ngân hàng Nhật Bản có công ty Shinsei Financial đứng thứ 3 thị trường tài chính tiêu dùng Nhật Bản và sở hữu công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng) để hợp tác xây dựng một công ty tài chính tiêu dùng hoạt động trên nền tảng công nghệ hiện đại, kết hợp thế mạnh của hai ngân hàng. Liên doanh MB - Shinsei dự kiến sẽ tạo nên dấu ấn khác biệt, mang đến những trải nghiệm mới, giá trị mới cho các Khách hàng trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng tại Việt Nam.

Năm 2016, Mcredit tập trung hoàn thiện bộ máy khung quản trị phục vụ hoạt động kinh doanh và chính thức khai trương ra mắt hoạt động vào ngày 24/12/2016. Đến nay,

Trong năm 2017, Công ty đặt mục tiêu đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lõi, nâng cao chất lượng dịch vụ, nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và trở thành một trong những công ty tài chính tiêu dùng hoạt động hiệu quả tại Việt Nam.

## CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MBAMC)



Tên gọi tắt : Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Quân Đội  
Tên tiếng Anh : Military Bank Assets Management Company Limited  
Tên viết tắt : MBAMC., Ltd  
Trụ sở chính : Tầng G2, nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội

Giấy Chứng nhận ĐKKD: 0105281799 ngày 11/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp  
Vốn điều lệ: 1.082.689.080.000 VND

MBAMC là Công ty TNHH một thành viên do MB sở hữu 100% vốn điều lệ. MBAMC hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực xử lý nợ, quản lý khai thác tài sản và định giá tài sản.

Tính đến hết năm 2016, Công ty đã đạt được những kết quả ấn tượng về hoạt động kinh doanh lãi, riêng giá trị xử lý nợ trực tiếp tăng trưởng 78% so với năm 2015.

Năm 2017, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lãi, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng cũng như của MB. Hoạt động xử lý nợ tiếp tục là thế mạnh kinh doanh và được lựa chọn là hoạt động đột phá trong thực thi giải pháp chiến lược của Công ty. Bên cạnh đó, hai hoạt động cốt lõi khác là khai thác tài sản và thẩm định giá tài sản tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, tăng độ tin cậy và hướng đến chuyên nghiệp. Hiện thực hóa mục tiêu chiến lược đến 2020, MBAMC trở thành Top 3 Công ty AMC thuộc các ngân hàng TMCP hoạt động tại Việt Nam và là Công ty AMC có chất lượng dịch vụ tốt nhất, đặc biệt hiệu quả nhất trong hoạt động xử lý nợ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MBLAND



Tên tiếng Anh : MB Real Estate Stock Company  
Tên viết tắt : Tổng công ty MBLand  
Trụ sở chính : Tầng 4, tháp A, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6 Đô thị mới Cầu Giấy, phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
Giấy Chứng nhận ĐKKD: 0102631822 ngày 5/09/2014 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp  
Vốn điều lệ : 653.730.980.000 VND.

MBLand được MBAMC thành lập năm 2008 trên cơ sở phương án khai thác tài sản xử lý nợ của MBAMC cho MB. Đến thời điểm 31/12/2016, tỷ lệ sở hữu của MBAMC tại MBLand là 65% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chính là kinh doanh bất động sản, quản lý các dự án trụ sở lớn cho MB. Sau 09 năm hình thành và phát triển, MBLand đã dẫn

khẳng định được vị thế, tên tuổi của mình trên thị trường bất động sản. Công ty định hướng phát triển thành đơn vị bất động sản chuyên nghiệp, và nằm trong số những doanh nghiệp kinh doanh bất động sản hoạt động hiệu quả hàng đầu Việt Nam.

Năm 2016, với việc trở thành Chủ đầu tư của các dự án bất động sản như dự án Golden Field Mỹ Đình, Dự án Resilient Field - Nha Trang... MBLand đang chuyển dần từ đơn vị kinh doanh dịch vụ bất động sản sang nhà đầu tư bất động sản chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, MBLand cũng đóng vai trò tổng thầu cho dự án công trình trụ sở của MB. Năm 2017, MBLand tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh, đồng thời chú trọng xây dựng nền tảng quản trị rủi ro nhằm thực thi chiến lược phát triển bền vững và hiệu quả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB



Tên tiếng Anh : MB Capital Management Joint Stock Company  
Tên viết tắt : MB Capital  
Trụ sở chính : Tầng 8, Số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội  
Vốn điều lệ : 323.795.000.000 VND.

MB Capital hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản ủy thác đầu tư. MB Capital hiện đang quản lý một quỹ thành viên với đối tác Nhật, hai quỹ mở (một quỹ mở trái phiếu và một quỹ mở cổ phiếu), quản lý danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư

tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tổng tài sản MB Capital quản lý tính đến cuối năm 2016 đạt 1.310 tỷ đồng.

Năm 2016, MB Capital kỷ niệm tròn 10 năm thành lập và được Bộ Tài chính, UBCK NN trao tặng bằng khen vì đã có nhiều đóng góp cho thị trường chứng khoán và ngành quản lý quỹ Việt Nam.

Trong kế hoạch năm 2017, công ty sẽ chú trọng phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng giá trị tài sản quản lý đồng thời với việc nâng cao hiệu quả các quỹ và danh mục đầu tư, duy trì Top 3 công ty quản lý quỹ về hiệu quả hoạt động.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI



BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI

Tên tiếng Anh : Military Insurance Corporation  
 Tên viết tắt : MIC  
 Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Giấy phép hoạt động: 43/GPĐC21/KDBH ngày 03/11/2016 do Bộ Tài chính cấp

Vốn điều lệ : 800.000.000.000 VND

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (tiền thân là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội) được thành lập theo Quyết định số 871/BQP ngày 22/2/2007 của Quân ủy Trung ương và Giấy phép số 43GP/KDBH ngày 08/10/2007 của Bộ Tài chính.

Bên cạnh những sản phẩm đặc thù phục vụ riêng cho các đơn vị trong quân đội, MIC chú trọng phát triển và cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho nhiều đối tượng khách hàng và đã khẳng định được hình ảnh, thương hiệu trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam. Trải qua

hơn 9 năm xây dựng và phát triển, MIC đã phát triển mạnh mẽ với mạng lưới rộng khắp với 55 công ty thành viên tại hầu khắp các tỉnh, thành trên cả nước. Năm 2016, Doanh thu phí bảo hiểm gốc của MIC tăng trưởng 23,7%, đạt hơn 1.700 tỷ đồng và là công ty có thị phần bảo hiểm phi nhân thọ lớn thứ 6 tính theo doanh thu phí bảo hiểm.

Là một trong số các cổ đông sáng lập MIC, được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, năm 2016 MB đã tăng tỷ lệ sở hữu tại MIC và đưa MIC trở thành công ty con của MB. Hiện tại, MB đang sở hữu 55.667.925 cổ phiếu MIC, tương đương tỷ lệ sở hữu 69,58%.

Năm 2017, mục tiêu của MIC tiếp tục duy trì vị Top 6 về thị phần bảo hiểm phi nhân thọ với tăng trưởng đột phá trong doanh thu bảo hiểm rút ngắn khoảng cách về doanh thu với Top 5 công ty trong ngành. Đồng thời, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư theo hướng bền vững, cải tiến hệ thống công nghệ thông tin và chất lượng dịch vụ để tăng khả năng cạnh tranh trong ngành.

## CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS



MB ageas life

Tên Tiếng Anh: MB Ageas Life Insurance Company Limited  
 Tên viết tắt: MB Ageas Life  
 Trụ sở chính: Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội  
 Giấy phép thành lập và hoạt động: 74/GP/KDBH ngày 21/07/2016 do Bộ Tài chính cấp.  
 Vốn điều lệ: 1.100.000.000.000 VND

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas được thành lập trên cơ sở hợp tác liên doanh giữa Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tập đoàn bảo hiểm Ageas (Vương quốc Bỉ) và Công ty BHNT Muang Thai Life Assurance (Thái Lan). MB Ageas Life được Bộ tài chính cấp phép hoạt động vào ngày 21/07/2016, với vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng (trong đó MB chiếm tỷ lệ là 61%). Công ty kinh doanh trong các lĩnh vực: Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe và Đầu tư tài chính.

MB Ageas Life chính thức ra mắt thương hiệu vào 16/01/2017. Trọng tâm chiến lược của MB Ageas Life là hướng tới khách hàng, từ đó đem lại những sản phẩm, dịch vụ đa dạng, phù hợp nhất từng phân khúc khách hàng với tiêu chí mang lại một cuộc sống tươi đẹp, hạnh phúc cho người dân Việt Nam. Mục tiêu đến năm 2020, MB Ageas Life sẽ thực hiện khát vọng trở thành Công ty bảo hiểm nhân thọ đứng đầu về thị trường trong hoạt động bảo hiểm qua ngân hàng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, công ty sẽ đi tiên phong trong lĩnh vực công nghệ thông tin trên thị trường Bảo hiểm nhân thọ.

Năm 2017, bên cạnh việc nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường, đột phá trong hoạt động kinh doanh, MBAL chú trọng kiện toàn hệ thống văn bản quản trị, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong hoạt động kinh doanh và vận hành công ty theo chiến lược phát triển nhanh và bền vững.

## QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN - TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

- ▶ Triển khai chiến lược hoạt động các Công ty thành viên đến năm 2020, gắn kết với chiến lược hoạt động chung của cả Tập đoàn MB Group;
- ▶ Hoàn thành tái cấu trúc bộ máy quản trị, bổ sung và tăng cường nhân lực quản lý điều hành;
- ▶ Triển khai hoạt động quản trị tập đoàn trong các mảng Tài chính, Quản trị rủi ro, Pháp chế, Công nghệ thông tin, Mạng lưới, Nhân sự, Truyền thông nhằm củng cố và hỗ trợ toàn diện hoạt động của các Công ty thành viên, đảm bảo theo đúng định hướng đã đề ra.
- ▶ Hỗ trợ phát triển các nguồn lực kinh doanh: Nguồn nhân lực, Cơ sở hạ tầng trụ sở, Công nghệ; Thực hiện đầu tư tăng vốn điều lệ, cấp bổ sung Nguồn vốn kinh doanh;
- ▶ Phối hợp chặt chẽ hoạt động thường xuyên giữa các Công ty với MB, chia sẻ các nguồn lực kinh doanh dùng chung của hệ thống; đẩy mạnh hoạt động bán chéo phát triển dịch vụ của cả MBGroup;

## ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ ĐỊNH HƯỚNG TẬP ĐOÀN

Hiện nay, MB đang hướng tới hoạt động theo mô hình Tập đoàn (MB Group) với công ty mẹ là Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội và các công ty thành viên thuộc các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm... Theo đó, các công ty thành viên tận dụng tối đa lợi thế Tập đoàn, hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Năm 2017, MB-Group đẩy mạnh việc cung cấp các giải pháp tài chính, đầu tư, bảo hiểm trọn gói cho Khách hàng trên cơ sở tích hợp tối đa sản phẩm dịch vụ của các đơn vị thành viên trong tập đoàn; đồng thời, mỗi lĩnh vực hoạt động chính của các Công ty thành viên trong MBGroup sẽ là các vệ tinh cung cấp các sản phẩm hỗ trợ cùng với các dịch vụ của Ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, MB đã và đang xây dựng chiến lược chung của Tập đoàn hướng tới các hoạt động cụ thể như sau:

- ▶ Phát triển đồng bộ các Công ty thành viên theo định hướng chiến lược kinh doanh Tập đoàn.
- ▶ Đầu tư tăng năng lực tài chính và phát triển các nguồn lực kinh doanh; phát triển đối tác cổ đông chiến lược; Tiếp tục tìm kiếm các đối tác chiến lược để phát triển kinh doanh các Công ty, lựa chọn cổ đông chiến lược thực hiện đa sở hữu và tái cơ cấu vốn hiệu quả và tạo giá trị thương hiệu cho các Công ty;
- ▶ Thiết lập và tăng cường cơ chế phối hợp đầu tư, kinh doanh hiệu quả; đẩy mạnh hoạt động bán chéo, tận dụng tối đa lợi thế của tập đoàn.

## ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NĂM 2017

- ▶ Xây dựng và ban hành Quy chế đầu tư nhằm quản lý chung việc phân bổ nguồn vốn đầu tư tập đoàn;
- ▶ Quản lý danh mục đầu tư hiệu quả đảm bảo tuân thủ các giới hạn đầu tư theo Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Ngân hàng nước;
- ▶ Nghiên cứu các khoản đầu tư chiến lược mới, đem lại giá trị gia tăng trong các sản phẩm dịch vụ cung cấp trọn gói cho khách hàng nhằm tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

## TỐI ƯU CHỨC NĂNG QUẢN TRỊ VÀ HOÀN THIỆN THEO THÔNG LỆ QUỐC TẾ

Năm 2016 là năm tiền đề cho khát vọng và mục tiêu cao hơn, xa hơn của MB trong giai đoạn chiến lược 2017- 2021. Cùng với những định hướng mới trong chiến lược kinh doanh, MB đã thực thi nhiều giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro với mục tiêu đồng hành cùng kinh doanh, đáp ứng xu hướng của thị trường tài chính cũng như yêu cầu tuân thủ Basel II của NHNN. Quản trị rủi ro thực thi toàn diện và kiểm soát hiệu quả các loại rủi ro trên toàn tập đoàn, đóng góp tích cực vào kết quả chung của toàn ngân hàng, hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, quản trị tốt chất lượng danh mục, kiểm soát các giới hạn an toàn tuân thủ quy định.

Mô hình kinh doanh theo hướng tập trung hóa và chuyên môn hóa tiếp tục được củng cố và chuyên sâu. Trách nhiệm giữa các chức năng kinh doanh, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ được phân tách rõ ràng. Sự phân tách này được thể hiện rõ nét trong hoạt động tín dụng: chức năng thẩm định/phê duyệt/ vận hành tập trung tại Hội sở, độc lập với kinh doanh được xác định là một điểm vượt trội so với thị trường hiện nay, giúp MB giải phóng nguồn lực tối đa cho lực lượng kinh doanh, nhưng vẫn kiểm soát được rủi ro khi quy mô kinh doanh và khối lượng khách hàng ngày càng lớn. Chức năng quản trị rủi ro tiếp tục được tối ưu và hoàn thiện theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quản lý toàn diện các loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của ngân hàng (rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro

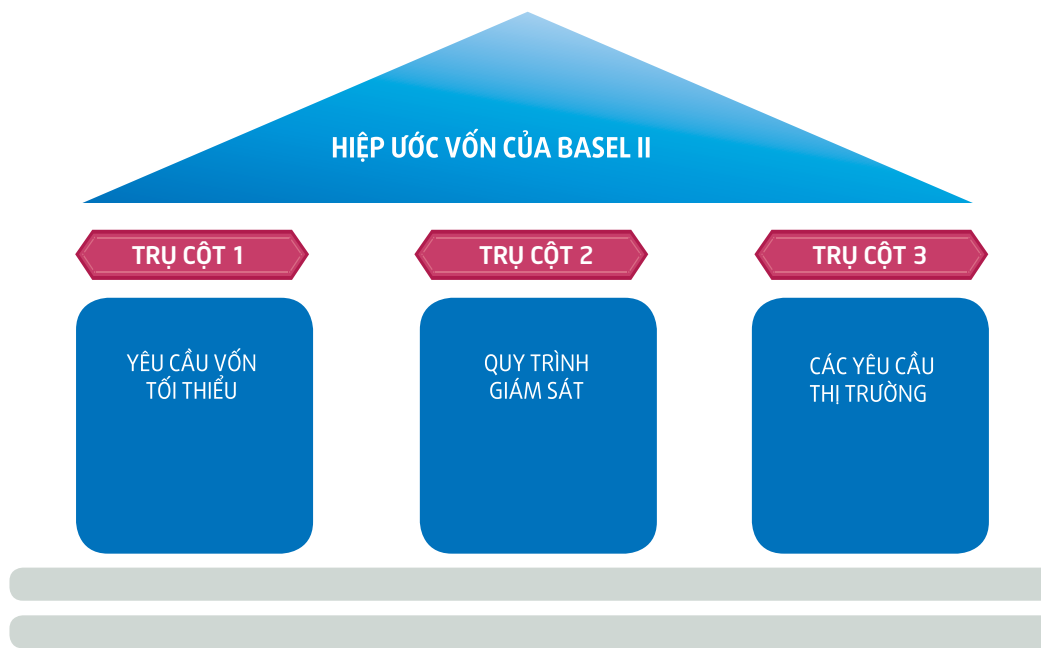
thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro công nghệ, rủi ro pháp lý, ...).

Khung quản trị rủi ro toàn hàng từng bước được kiện toàn, phù hợp với chiến lược kinh doanh giúp định hướng hoạt động kinh doanh phù hợp với mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đề ra, hoạt động kinh doanh của ngân hàng theo đúng định hướng, an toàn và hiệu quả. Khẩu vị rủi ro toàn hàng, các chính sách, quy định về quản trị rủi ro đối với các rủi ro trọng yếu trong ngân hàng đã được ban hành phù hợp với thông lệ quốc tế và thường xuyên được rà soát điều chỉnh phù hợp với thực tiễn kinh doanh, giúp tối ưu hóa nguồn lực ngân hàng, cân bằng rủi ro và lợi nhuận. Năm 2016, MB tiếp tục hoàn thiện và ban hành thêm nhiều văn bản quan trọng như Khung quản trị rủi ro công nghệ, Khung quản trị và quy định về đo lường rủi ro thị trường, thanh khoản, lãi suất trên sổ ngân hàng; Kịch bản hệ thống văn bản/ chính sách quản lý tài sản đảm bảo... Ngoài ra, MB cũng đã thực hiện hướng dẫn và triển khai kịp thời các yêu cầu của NHNN, ban hành hệ thống các văn bản quy định/ hướng dẫn nội bộ khác đáp ứng chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý và thực tiễn kinh doanh của MB. Đối với công tác quản trị rủi ro tập đoàn, MB đã tổ chức kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên rủi ro của các công ty thành viên; Tham gia mạnh mẽ vào quá trình tái cấu trúc đơn vị; Nghiên cứu và tổ chức xây dựng mô hình quản trị rủi ro tập đoàn, xây dựng hệ thống chính

sách quản trị rủi ro tại các công ty thành viên phù hợp với quan điểm quản trị của tập đoàn và thực tế từng công ty. Nhờ đó, MB luôn được đánh giá là một trong những ngân hàng mạnh về quản trị rủi ro và có hoạt động an toàn, tuân thủ tốt trong nhiều năm qua.

Các mô hình/công cụ đo lường các loại rủi ro khác nhau đã được MB xây dựng và ứng dụng mạnh mẽ trong công tác quản trị và ra quyết định kinh doanh. Các mô hình/công cụ đo lường rủi ro của MB (mô hình xếp hạng tín dụng, VaR, khe hở thanh khoản, khe hở tái định giá, công cụ Thu thập dữ liệu tổn thất LDC; Tỷ đánh giá rủi ro và các biện pháp kiểm soát RCSA; Chỉ số rủi ro chính KRI, tính toán tài sản có rủi ro và phân bổ vốn dựa trên hiệu quả sau rủi ro,...) đã hỗ trợ MB trong việc chủ động giám sát, đo lường và cảnh báo sớm rủi ro hoạt động có thể phát sinh, hướng tới cân bằng thu nhập - rủi ro.

Công nghệ được ứng dụng mạnh mẽ trong hoạt động quản trị rủi ro (ví dụ: các phần mềm, ứng dụng về xếp hạng tín dụng, quản lý tài sản bảo đảm, thu hồi nợ, quản lý hạn mức, thu thập dữ liệu tổn thất, phòng chống rửa tiền, phòng chống gian lận, quản lý rủi ro thị trường, ...), phù hợp với xu hướng số hóa các quy trình nghiệp vụ, sản phẩm của ngành ngân hàng nói chung và chiến lược của MB nói riêng. Việc ứng dụng các công nghệ này là sự hỗ trợ hiệu quả cho công tác giám sát rủi ro tại MB, giúp tăng cường hiệu lực thực thi của Khung chính sách đã được xây dựng.



Một điểm đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro của MB giúp các thành quả MB đạt được luôn là “sự phát triển bền vững” phải kể đến văn hóa quản trị rủi ro. Văn hóa quản trị rủi ro của MB được nhận thức và thực thi đầy đủ trong toàn ngân hàng từ mô hình tổ chức, quy trình cho đến nguồn lực. Văn hóa quản trị rủi ro được tiếp thu mạnh mẽ và được hình thành rõ nét trong tổ chức, thúc đẩy phương pháp kinh doanh dựa trên đánh giá rủi ro, đảm bảo các đơn vị hiểu rõ về rủi ro và những biện pháp kiểm soát, quản trị rủi ro trước khi ra quyết định kinh doanh cụ thể. Qua đó, ngân hàng có thể nắm bắt các cơ hội kinh doanh, kiểm soát rủi ro phù hợp với chính sách và khẩu

vị rủi ro của MB, cân bằng giữa rủi ro và thu nhập đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng định hướng đề ra.

Trong thời gian tới, với xu hướng ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số vào lĩnh vực ngân hàng sẽ đòi hỏi năng lực quản trị rủi ro tiếp tục chuyển mình để đảm bảo quản trị hiệu quả những rủi ro phát sinh từ mô hình kinh doanh mới. Trước những thách thức này, MB đã xác định rõ chiến lược Quản trị rủi ro giai đoạn 2017- 2021. Theo đó MB không chỉ hướng tới tuân thủ Basel II theo yêu cầu của Ngân hàng nhà nước, mà còn đảm bảo củng cố và nâng cao năng lực quản trị rủi ro của MB, đảm bảo vị thế vượt trội trên thị

trường. Với những nỗ lực trong thời gian qua, sự bài bản trong triển khai và sự ủng hộ cao của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo ngân hàng, sự quyết tâm đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên..., quản trị rủi ro tại MB chắc chắn sẽ có những bước tiến mới, thay đổi mạnh mẽ về chất và thể hiện tốt vai trò là một trong hai nền tảng vững chắc giúp MB khẳng định vị thế trên thị trường và là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, năng động trong kinh doanh và chắc chắn trong công tác phòng ngừa và hạn chế rủi ro.”



## XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA CHIẾN LƯỢC MB 2017 - 2021

Tiếp nối thành công đã đạt được của giai đoạn chiến lược 2011-2015, năm 2016 MB tiếp tục mời nhà tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới McKinsey tư vấn chiến lược giai đoạn 2017-2021. Đến hết tháng 7/2016, MB đã hoàn thành xong dự án tư vấn chiến lược với đối tác Mckinsey và đang tiếp tục bắt tay vào việc xây dựng, triển khai nội dung chi tiết của chiến lược MB giai đoạn 2017 - 2021.

Trong năm 2016, bên cạnh việc triển khai xây dựng chiến lược giai đoạn mới, MB cũng tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dự án trọng điểm của Ngân hàng đảm bảo tiến độ, chất lượng như: Dự án CRM, Dự án CRA, dự án BPM, dự án Cơ chế giá vốn nội bộ (FTP), dự án Phân bổ chi phí (PBCP), dự án kho dữ liệu (DWH), dự án Mô hình đo lường rủi ro tín dụng.

MB tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức đối với chức năng quản trị tập đoàn đối với 7 đơn vị hội sở, mô hình tổ chức ngân hàng 100% vốn nước ngoài. Ban hành, hiệu chỉnh các quy chế, chính sách cải tiến chế độ lương thưởng, đãi ngộ nhằm quản trị thành tích theo năng lực và năng suất lao động. Quy hoạch, quản lý TOP 50 năm 2016, đội ngũ chuyên gia của ngân hàng.

Hoàn thành xây dựng chiến lược Thương hiệu MB giai đoạn 2017-2021 và phê duyệt Bộ Cẩm nang nhận diện thương hiệu, đào tạo, nâng cao nhận diện thương hiệu MB cho toàn bộ cán bộ quản lý trên toàn hệ thống. Bộ cẩm nang văn hóa MB được phê duyệt; xuất bản cẩm nang văn hóa và trang cấp mới poster 6 giá trị cốt lõi tại 100% các điểm giao dịch; 100% nhân viên được đào tạo đầy đủ về văn hóa MB., nhiều chương trình tìm hiểu Văn hóa MB được tổ chức và lồng ghép nội dung trong các cuộc thi như Chiến dịch "MB 22 năm lan tỏa niềm tin", chương trình "Rung chuông vàng", "Thi chức danh", "MB trong tôi" trên chuyên trang MB22.com.vn.

Hoạt động tổ chức kinh doanh tiếp tục được đẩy mạnh triển khai trong năm 2016. Các chỉ tiêu phát triển khách hàng mới đều hoàn thành vượt mức kế hoạch (KHCN hoàn thành 128%, SME hoàn thành 110%). Nhiều chương trình kinh doanh lớn được triển khai như Chương trình Thi đua cho vay ô tô; thi đua Giám Đốc bán hàng giỏi; thi đua Leo núi cùng Visa... của Khối KHCN, chiến dịch Mai Vàng, chiến dịch SME Racing; chiến dịch SME Booming của Khối SME. Hoạt động bán hàng trên kênh liên kết cũng được triển khai mạnh mẽ, tổng số user lũy kế của Ngân hàng

giao dịch năm 2016 là trên 8 triệu user (bao gồm cả thị trường 2 chi nhánh nước ngoài). Triển khai nhiều chương trình thúc đẩy kinh doanh để phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử trong năm 2016 như: Chương trình giao dịch giờ vàng, Chương trình chuyển khoản nhanh tay nhận ngay tiền mặt cùng Bankplus, Ưu đãi thanh toán hóa đơn qua ebanking....

Tổ chức kinh doanh CIB tiếp tục được kiện toàn, triển khai quy hoạch các nhóm khách hàng theo các ngành trọng điểm, triển khai các chương trình thúc đẩy kinh doanh tăng thu dịch vụ, cơ cấu lại danh mục khách hàng đảm bảo tăng lãi suất cho vay và cải thiện thu nhập. Tổ chức tuyển dụng và đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng FDI. Xây dựng định hướng phát triển dịch vụ IB, ký kết hợp đồng tư vấn quy mô lớn với các đối tác.

Với vị thế hiện nay, trong giai đoạn tiếp theo, tham vọng của MB là tiếp tục tăng trưởng nhanh hơn thị trường. **Định vị MB nằm trong Top 5 hệ thống ngân hàng Việt Nam về hiệu quả kinh doanh. Giai đoạn 2017-2021, Ngân hàng Quân đội phát triển trên 3 trụ cột gồm: Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành, Ngân hàng số và 2 nền tảng chiến lược gồm: Quản trị rủi ro vượt trội và Văn hóa thực thi nhanh.** Để trở thành một ngân hàng ổn định, thuận tiện và đột phá sáng tạo trong thời gian tới, MB sẽ tập trung triển khai các chuyển dịch chiến lược then chốt.

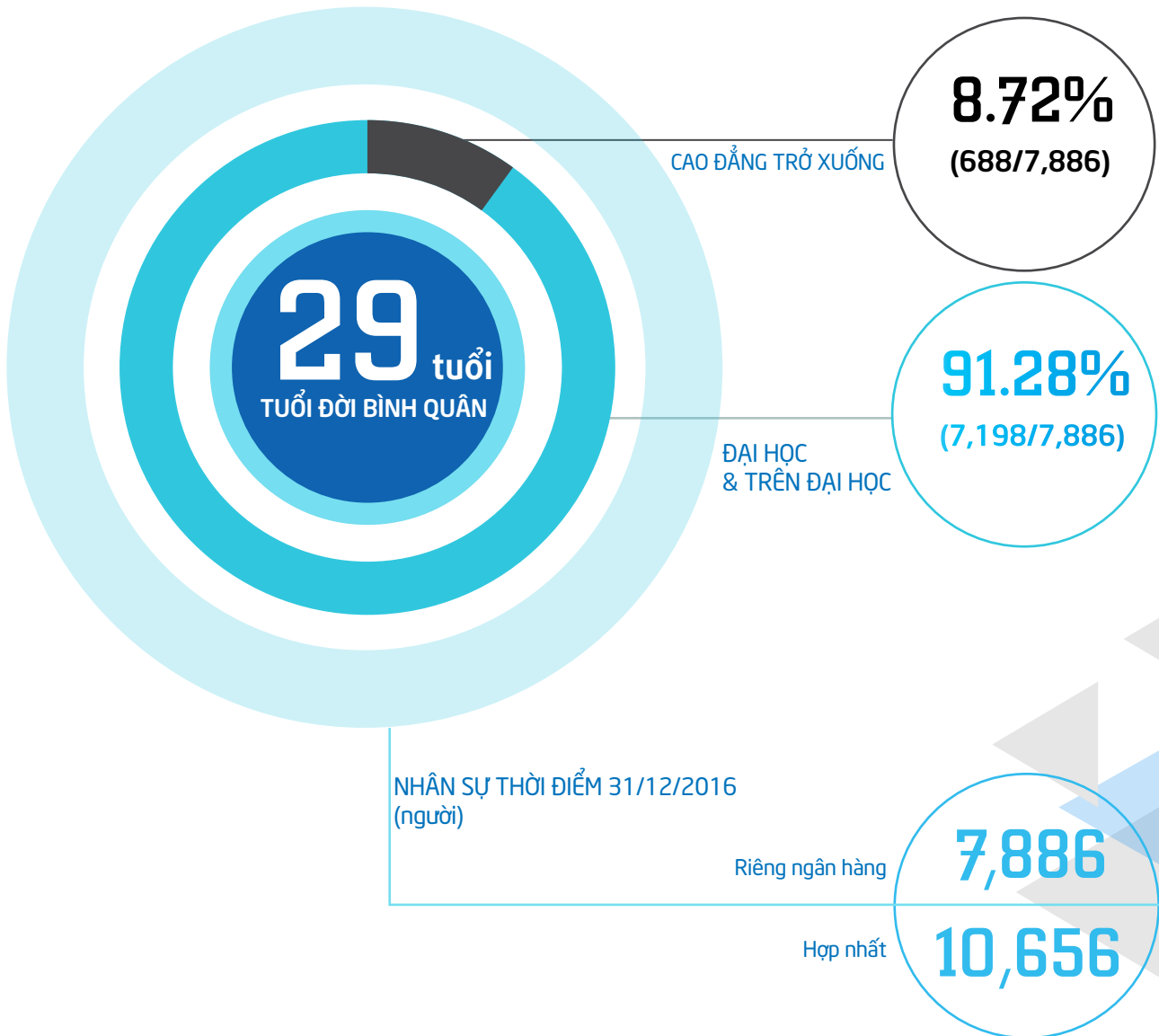
Để thực hiện được các chuyển dịch mang tính định hướng này, con người và văn hóa MB là những đòn bẩy quyết định. Tư duy cần chuyển dịch từ tư duy tổ chức cục bộ sang tổ chức và hành động, bao quát với các phân khúc khách hàng và hành trình khách hàng tương ứng ở vị trí tâm điểm của mọi hoạt động. Duy trì và phát huy các giá trị văn hóa cốt lõi nhằm giữ chân và thu hút những nhân tài giỏi trên thị trường ngân hàng; đồng thời kiên định, thống nhất theo những mục tiêu trọng tâm của chiến lược giai đoạn 2017-2021, không ngừng sáng tạo, khác biệt và đổi mới trong cách thức triển khai sẽ là yếu tố quyết định giúp MB khẳng định thương hiệu và phát triển bền vững.

THU NHẬP BÌNH QUÂN  
NGƯỜI NĂM 2016



**17,31** triệu đồng/người  
(hợp nhất)

**18,32** triệu đồng/người  
(riêng ngân hàng)



### ÔNG LÊ HỮU ĐỨC CHỦ TỊCH HĐQT

Thượng tướng Lê Hữu Đức, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, tốt nghiệp tiến sỹ tại Học viện Quốc phòng. Ông có 20 năm giữ các chức vụ chủ chốt tại Quân chủng phòng không - Không quân. Là Chủ tịch HĐQT MB từ năm 2011 đến nay, Ông đã ghi dấu ấn đậm nét về chỉ đạo xây dựng mô hình quản trị, định hướng chiến lược và phương thức quản lý của mình tại MB. Đồng thời, Ông cũng chỉ đạo rất quyết liệt hoạt động tái cơ cấu toàn diện các công ty thành viên, mang lại kết quả rất tích cực cho các công ty. Ông cũng là người cùng cổ bản sắc quân đội trong văn hóa doanh nghiệp MB với phương châm "Kỷ luật nghiêm - Thương tôn pháp luật - Hiệu quả - An toàn - Không sợ cạnh tranh - Có trách nhiệm với xã hội"



*(\*) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong năm  
Không có thay đổi trong năm.*



### ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học KTQD, Thạc sỹ Điện tử - Viễn thông - ĐH Tổng hợp Sydney (Úc), Kỹ sư vô tuyến điện - Học viện thông tin Ulianop (Nga). Ông đã có nhiều năm gắn bó và đóng góp quan trọng vào sự thành công và phát triển của Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel). Tham gia HĐQT MB từ năm 2009, Ông Hùng là cầu nối gắn kết giữa MB và Viettel trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ với hàm lượng công nghệ cao. Khuyến khích CBNV phát huy tính sáng tạo, ham học hỏi và luôn đổi mới là yếu tố thành công đã và đang được Ông truyền lại cho MB. Hiện Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng là Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư quốc tế Viettel; Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex); Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả. Thiếu tướng Nguyễn Mạnh Hùng hiện là Ủy viên BCH Trung ương Đảng Khóa XII.



### ÔNG LƯU TRUNG THÁI PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Lưu Trung Thái tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii - Mỹ. Ông Thái đã có gần 20 năm gắn bó với MB và nhiều năm liền nắm giữ các vị trí quan trọng của MB như Phụ trách Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Nhân sự, Phó Tổng Giám đốc. Từ năm 2011 đến 04/2014, ông được giao trọng trách Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) và để lại nhiều dấu ấn mạnh mẽ trong quá trình tái cơ cấu công ty. Ngày 24/04/2013, Ông được tín nhiệm bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2009 - 2014 và chính thức được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 09/2013. Ông Thái đảm nhiệm các chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT MB; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bưu chính Viettel, Chủ tịch HĐQT Công ty Tài chính TNHH MTV MB (từ 04/02/2016 đến ngày 12/01/2017).



### ÔNG LÊ CÔNG THÀNH VIÊN HĐQT

Thiếu tướng Lê Công tốt nghiệp cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán, tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội và là Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính. Ông gia nhập MB từ 1995 và trước đó đã có 16 năm công tác tại Bộ Quốc phòng. Từ năm 1997 - 2010, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MB. Ngày 01/01/2010, Ông được HĐQT tín nhiệm để bệch làm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Ông Lê Công được đánh giá là một trong những Tổng Giám đốc NHTM có uy tín, đạt được nhiều thành công và được NHNN đánh giá cao trong những năm qua. Năm 2013, với những thành tích và đóng góp trong quá trình công tác, Ông vinh dự được thăng quân hàm Thiếu tướng, đứng trong hàng ngũ các tướng lĩnh quân đội tham gia mặt trận kinh tế. Ghi nhận những cống hiến của Ông đối với sự phát triển của Ngân hàng, năm 2014, ông vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3. Hiện Ông là Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc MB; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa dầu Quân đội.

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG**  
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân kinh tế Praha Tiệp Khắc. Ông đã có nhiều kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp với vai trò Thành viên HĐQT Tổng Công ty 28. Hiện tại, ngoài vai trò là Thành viên HĐQT MB, Ông là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 28.



**ÔNG NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM**  
THÀNH VIÊN HĐQT

Thiếu tướng Nguyễn Đăng Nghiêm tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đại học Hàng Hải. Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm tại nhiều vị trí quan trọng trong Quân cảng Sài Gòn. Ông Nghiêm đã tham gia HĐQT MB từ năm 2009 và đã có nhiều đóng góp giúp tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa MB và Tân Cảng. Ngoài vai trò Thành viên HĐQT MB, Ông giữ chức vụ là Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Cát Lái; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Cảng - Cái Mép.



**ÔNG NGUYỄN VĂN HUỆ**  
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ông Nguyễn Văn Huệ tốt nghiệp thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ĐH Kinh tế Quốc Dân. Ông Huệ đã từng giữ những chức vụ quan trọng tại Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng như Trưởng phòng Kế hoạch Ngân sách, Chi Cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp. Với những kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - doanh nghiệp, Ông Huệ đã đóng góp cho MB nhiều ý kiến xây dựng và hỗ trợ MB phát triển các mối quan hệ với các khách hàng, đối tác.



**ÔNG HÀ TIẾN DŨNG**  
THÀNH VIÊN HĐQT

Thiếu tướng Hà Tiến Dũng tốt nghiệp Học viện Gagarin, cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Hà Tiến Dũng có gần 17 năm ở các cương vị quản lý cấp cao tại Tổng Công ty Bay dịch vụ Việt Nam (nay là Tổng Công ty Trục thăng Việt Nam). Ông đã tham gia HĐQT MB từ năm 2009 và hiện là Tư lệnh binh đoàn 18; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Trục thăng Việt Nam - Công ty TNHH; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần địa ốc MB (MB Land); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại Hải Âu.





### BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Nguyễn Thị Ngọc tốt nghiệp Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học California Miramar. Bà Ngọc là một trong những thành viên gia nhập MB từ những ngày đầu. Bà Ngọc đã trải qua nhiều lĩnh vực công tác tại MB từ quản lý dự án đầu tư, kế hoạch, pháp chế và là người lãnh đạo Văn phòng HĐQT từ khi thành lập văn phòng. Bà Ngọc có nhiều đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị công ty của MB tiên tiến, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Bà Ngọc hiện là Thành viên HĐQT MB chuyên trách, Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MBCapital).



### BÀ NGUYỄN THỊ THỦY THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Nguyễn Thị Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - ĐH Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ. Bà Thủy là một trong những cán bộ gắn bó lâu năm với MB, là người quản lý, xây dựng chi nhánh Thăng Long trở thành chi nhánh hàng đầu MB, góp phần đào tạo, phát triển nguồn nhân lực tốt cho hệ thống MB với nhiều Giám đốc chi nhánh, cán bộ quản lý trưởng thành từ MB Thăng Long. Bà Thủy hiện là Thành viên HĐQT MB chuyên trách, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas.



### ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Thành tốt nghiệp Thạc sỹ quản lý chính sách công, Viện nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản (GRIPS). Ông Thành đã có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và trên 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý rủi ro, đầu tư tài chính. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng tại Vụ quản lý ngoại hối Ngân hàng nhà nước Việt Nam và Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Kể từ Đại hội cổ đông thường niên MB 2016 (28/04/2016), Ông đã trúng cử là thành viên HĐQT, đồng thời là người đại diện phần vốn góp của SCIC tại MB. Hiện tại Ông đang đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Domesco, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiên phong; Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Tháp Truyền hình Việt Nam; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư SCIC - Bảo Việt.



**BÀ VŨ THỊ HẢI PHƯỢNG**  
**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Bà Vũ Thị Hải Phượng tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng. Bà là một trong 25 cán bộ đầu tiên của MB và đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc PGD, Phó GĐ/GĐ CN lớn nhất của MB (CN Điện Biên Phủ) và Phó Tổng giám đốc. Với vai trò Phó TGD MB, Bà đã thành công trong việc xây dựng tổ chức và chỉ đạo hoạt động các Khối: Khối Doanh nghiệp lớn và các Định chế tài chính (giai đoạn 2008 - 2011), Khối Mạng lưới và Phân phối (2011- 2014). Bà đã có đóng góp lớn trong việc thu hút và phát triển khách hàng lớn cho MB, xây dựng Chiến lược phát triển mạng lưới MB gắn phát triển hệ thống mạng lưới hữu hình với các kênh liên kết khác nhằm phát triển các dịch vụ ngân hàng tiên tiến, hiện đại và tiện ích; đào tạo và dẫn dắt nhiều cán bộ quản lý kế cận cho MB. Được HĐQT tín nhiệm giới thiệu Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2014-2019, bà đã trúng cử vị trí Trưởng ban kiểm soát MB.



**BÀ LÊ MINH HỒNG**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Bà Lê Minh Hồng tốt nghiệp Tiến sỹ Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Hồng nguyên là thành viên HĐQT độc lập của MB nhiệm kỳ 2009 - 2014. Bà từng là cán bộ ngân hàng và nhiều năm giữ vị trí lãnh đạo cấp vụ của Văn phòng Chính phủ, chuyên về đổi mới doanh nghiệp. Am hiểu về tài chính và doanh nghiệp, trong thời gian là thành viên HĐQT độc lập, bà đã có nhiều đóng góp ý kiến hỗ trợ tích cực cho hoạt động của HĐQT. Hiện Bà Hồng là Thành viên Ban kiểm soát MB, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB.



**BÀ NGUYỄN THANH BÌNH**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Praha, Bà Nguyễn Thanh Bình có 30 năm kinh nghiệm quản lý tài chính doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc Phòng. Tại MB, Bà Bình là thành viên Ban Kiểm soát (BKS) MB nhiệm kỳ 2009-2014 và nhiệm kỳ 2014-2019, Trưởng ban kiểm soát Công ty Chứng khoán MBS nhiệm kỳ 2008-2013 và 2013-2018. Với vai trò là thành viên BKS, Bà Bình đã hỗ trợ tích cực BKS kiểm tra hoạt động tài chính của MB; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, sự an toàn trong hoạt động của MB, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh và thực trạng tài chính của MB.



**ÔNG ĐẶNG QUỐC TIẾN**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Ông Đặng Quốc Tiến là Kỹ sư quân sự, Cử nhân kinh tế - Đại học Ngoại Thương; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Pacific Western. Ông Tiến tham gia MB từ khi viết đề án thành lập Ngân hàng và giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc Chi nhánh Tp. HCM, PTGD MB phụ trách KV Phía Nam. Ông Tiến đã có những đóng góp tích cực cho MB nói chung và MB khu vực Phía Nam trong việc xây dựng thành công các mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng lớn, các cơ quan quản lý nhà nước tại địa bàn.





**ÔNG LÊ CÔNG**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Lê Công tốt nghiệp Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính. Ông gia nhập MB từ 1995 và trước đó đã có 6 năm công tác tại Bộ Quốc phòng. Từ năm 1997 - 2010, Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MB. Ngày 04/01/2010, Ông được Hội đồng Quản trị tín nhiệm đề bạt làm Tổng Giám đốc. Ông Lê Công được đánh giá là một trong những Tổng Giám đốc NHTM có uy tín, đạt được nhiều thành công và được NHNN đánh giá cao trong những năm qua. Năm 2013, Ông được thăng quân hàm Thiếu tướng, đứng trong hàng ngũ các tướng lĩnh quân đội tham gia mặt trận kinh tế. Ghi nhận những cống hiến của Ông đối với sự phát triển của Ngân hàng. Năm 2014, ông vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng 3. Hiện Ông là Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc MB; Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Hóa dầu Quân đội.



**ÔNG ĐỖ VĂN HƯNG**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Văn Hưng là cử nhân ngành Ngân hàng - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và cử nhân Anh văn Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông gia nhập MB từ năm 1999 và từng nhiều năm liền giữ các vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Thanh toán quốc tế, Trưởng khối Tổ chức - Nhân sự - Hành chính, Phụ trách Khối Hỗ trợ kinh doanh. Hiện nay, Ông Hưng là Phó Tổng Giám đốc - Bí thư Đảng ủy Ngân hàng Quân đội.



**BÀ PHẠM THỊ TRUNG HÀ**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, Tài chính Ngân hàng, Bà Hà có 19 năm kinh nghiệm làm việc tại MB. Bà từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB như Trưởng phòng Quản lý tín dụng, Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Với những đóng góp xuất sắc cho sự phát triển chung của MB trong thời gian qua, từ tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc quản lý trực tiếp Khối kiểm tra - Kiểm soát nội bộ và Khối quản trị rủi ro. Hiện nay Bà đang phụ trách khối QTRR & Cơ quan Pháp chế của MB & là chủ tịch Hội đồng quản trị MB AMC.



**ÔNG TRẦN MINH ĐẠT**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Trần Minh Đạt tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân và nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại MB từ năm 2008 như Giám đốc chi nhánh Hai Bà Trưng, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ. Tháng 11/2014, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của MB phụ trách công tác thẩm định và phê duyệt tín dụng toàn hệ thống, đồng thời chỉ đạo trực tiếp các hoạt động của Khối Thẩm định.



**ÔNG LÊ HẢI**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Lê Hải tốt nghiệp cử nhân khoa ngân hàng-tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân, thạc sỹ Học viện tài chính, và hiện là nghiên cứu sinh khóa 1 khoa Ngân hàng tài chính - Học viện Hậu Cần. Gia nhập từ năm 1998, Ông từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại ngân hàng như Giám đốc chi nhánh Việt Trì, Giám đốc chi nhánh Điện Biên Phủ, Giám đốc khối SME, giám đốc khối Khách hàng cá nhân. Với những đóng góp quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu khách hàng cá nhân trong hoạt động kinh doanh của MB, từ ngày 02/08/2013, ông Lê Hải chính thức được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách một số mảng kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ lớn tại ngân hàng.



**ÔNG HÀ TRỌNG KHIÊM**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàn thành thạc sỹ chuyên ngành kinh tế - quản trị kinh doanh của trường Đại học KHXH và Nhân Văn, ông Hà Trọng Khiêm gia nhập MB từ năm 1996. Trong 20 năm công tác tại MB, ông Hà Trọng Khiêm đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Giám đốc chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực phía Nam. Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh doanh của MB khu vực phía Nam. Từ ngày 26/11/2015, ông Hà Trọng Khiêm chính thức được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách khu vực phía Nam.



**BÀ NGUYỄN MINH CHÂU**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Châu tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng Tài chính Trường Đại học Kinh tế Paris Dauphine của Pháp và Trường Cao học Quản lý Kinh tế Châu Âu ESCP - EAP. Bà chính thức trở thành thành viên của MB từ tháng 11/2009 với vị trí Phó Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm về hoạt động Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ. Hiện nay, Bà đồng thời là Phó chủ tịch Hội đồng thành viên công ty Tài chính TNHH MTV MB.



**BÀ NGUYỄN THỊ AN BÌNH**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế, bà Bình có nhiều kinh nghiệm trong vấn đề kiểm soát nội bộ. Bà có nhiều năm liên hoạt động trong lĩnh vực này và giữ nhiều chức vụ quan trọng tại MB như Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ, Giám đốc Khối Kiểm soát nội bộ. Dưới sự dẫn dắt của Bà, Khối Kiểm soát nội bộ đã đạt những danh hiệu xuất sắc tại MB và vinh dự được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng bằng khen năm 2009. Hiện nay, Bà là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối vận hành của MB.



**ÔNG LÊ QUỐC MINH**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hoàn thành thạc sỹ trường Đại học Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, ông Lê Quốc Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Gia nhập MB từ năm 2006 với vị trí phó phòng Khách hàng Doanh nghiệp - Sở Giao dịch. Trong suốt quá trình công tác tại MB, ông Lê Quốc Minh đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc chi nhánh Ninh Bình; Phó Giám đốc khối Doanh nghiệp lớn và các định chế tài chính; Giám đốc khối khách hàng lớn. Từ ngày 26/11/2015, ông Lê Quốc Minh chính thức được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.



**BÀ LÊ THỊ LỢI**  
**GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**

Bà Lê Thị Lợi tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Học viện Ngân hàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán. Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB. Tại chi nhánh Điện Biên Phủ bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như Trưởng phòng tài chính kế toán, Phó Giám đốc và đã góp phần đưa chi nhánh này trở thành đơn vị dẫn đầu trong toàn hệ thống MB. Năm 2009, Bà chuyển sang công tác tại Hội sở với vị trí Phó Giám đốc tài chính. Tháng 6/2014, Bà được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính MB.



**ÔNG ƯƠNG ĐÔNG HƯNG**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ông Ưông Đông Hưng là một trong những Lãnh đạo trẻ đã trưởng thành từ môi trường của MB. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế Học viện Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại các chi nhánh trong hệ thống MB như Giám đốc Chi nhánh Trần Duy Hưng và Giám đốc Sở Giao dịch 1, Giám đốc phụ trách kinh doanh khu vực Miền Trung Tây Nguyên. Từ 02/08/2013, Ông được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc MB phụ trách các hoạt động kinh doanh tại miền Trung Tây Nguyên & Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty CP Bảo hiểm Quân đội MIC.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

MB luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định về bảo vệ môi trường.

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

MB luôn chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên (CBNV) thông qua các chính sách, chế độ như: chính sách lương, thưởng, đãi ngộ; chính sách đào tạo, phát triển nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên; chế độ đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho cán bộ nhân viên...

#### Chính sách lương, thưởng và đãi ngộ

Ngoài mức tiền lương và phụ cấp được chi trả hàng tháng, MB còn có các kỳ thưởng thành tích vào các ngày lễ tết, thưởng cho các tập thể/cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có sáng kiến, đóng góp giá trị cho Ngân hàng, chế độ cổ phiếu mua ưu đãi.

Nhằm động viên, quan tâm, gắn kết mỗi cá nhân CBNV với Ngân hàng, tại MB đang áp dụng một số chế độ đãi ngộ dành cho CBNV và gia đình như: tặng quà nhân dịp sinh nhật, tặng quà cho gia đình nhân dịp tết Nguyên đán, tổ chức giao lưu giữa CBNV trong đơn vị, chế độ bảo hiểm sức khỏe kết hợp cho cá nhân

#### Chính sách đào tạo, phát triển nghề nghiệp cho cán bộ nhân viên

MB đặc biệt chú trọng công tác đào tạo bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ nhân viên để từ đó đáp ứng tốt nhất nhu cầu hoạt động ngân hàng, định hướng phát triển kinh doanh của ngân hàng.

Ngoài các khóa đào tạo của hệ thống đã được quy chuẩn theo khung chức danh, Các chương trình cập nhật chuyên môn thường xuyên hay các chương trình phát triển kỹ năng điều hành, quản lý, bán hàng, đàm phán, thuyết trình, ngoại ngữ..., cán bộ nhân viên MB còn tham dự các khóa đào tạo nội bộ tại đơn vị, các khóa đào tạo chuyên gia (CDCS, CPIA, Oracle, ToGap...), chương trình đào tạo nguồn (giám đốc chi nhánh, phó giám đốc kinh doanh, giám đốc phòng giao dịch...), hoặc được hỗ trợ đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở các trường/ học viện bên ngoài và tham quan khảo sát học tập tại nước ngoài. MB luôn chủ động thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo bổ sung nâng cao kiến thức cho người lao động để hoàn thành tốt công việc hoặc phát triển trong tương lai.

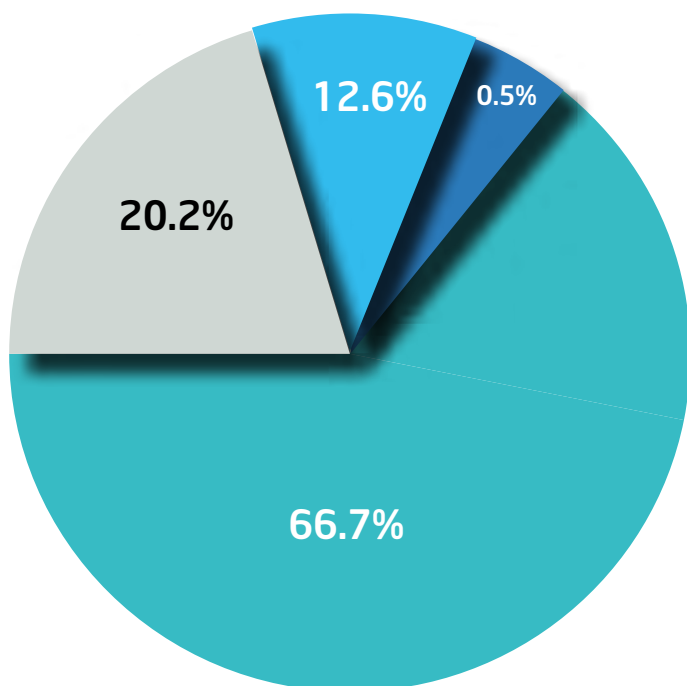
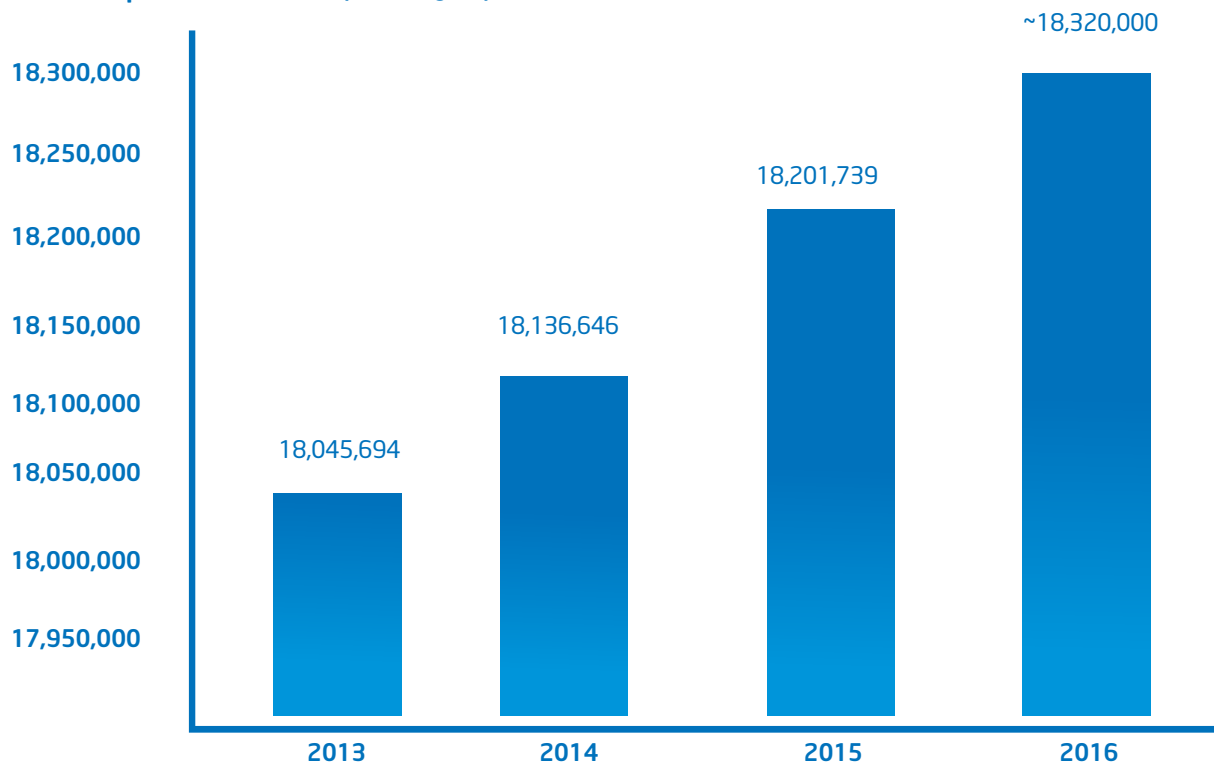
#### Chế độ đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho Cán bộ nhân viên

Cán bộ nhân viên MB được hưởng các chế độ: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ làm việc, nghỉ lễ tết, gia nhập công đoàn ... theo quy định hiện hành. Hàng năm, người lao động đều được hưởng các chế độ phúc lợi khác như: khám sức khỏe định kỳ, đi thăm quan, nghỉ mát, được hưởng trợ cấp khi đau ốm...

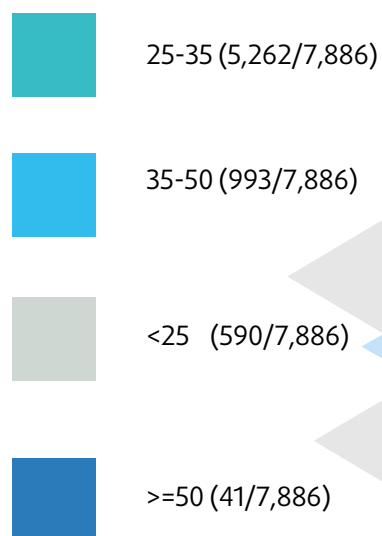
#### Một số chỉ tiêu đào tạo năm 2016:

Ngân sách chi cho đào tạo	7.8 tỷ VND
Số lượt đào tạo	48,661 lượt
Số giờ đào tạo	226,416 giờ
Chi phí đào tạo/ người	1 triệu VND
Số lượt đào tạo/ người	6.2 lượt
Số giờ đào tạo/ người	28.7 giờ

## THU NHẬP BÌNH QUÂN (tính riêng MB)



### ĐỘ TUỔI







## TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

# TẬN TÂM VÌ CỘNG ĐỒNG

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, Đảng ủy MB; Phát huy truyền thống, văn hóa MB, công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa của MB đã được triển khai tích cực, thể hiện trách nhiệm của MB với cộng đồng và xã hội. Tổng kinh phí dành cho các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động vì cộng đồng năm 2016 là hơn 43 tỷ đồng.

Là doanh nghiệp vinh dự được mang tên Quân đội nhân dân Việt Nam Anh hùng, MB luôn dành sự quan tâm cho các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tri ân các Mẹ Việt Nam anh hùng, các Anh hùng liệt sĩ, các gia đình thương binh, các cán bộ chiến sĩ trong Quân đội, các địa phương là căn cứ Cách mạng trong kháng chiến.

Năm 2016, MB đã xây dựng và tặng 19 nhà tình nghĩa cho các gia đình

liệt sĩ, thương binh; Tặng 5 nhà Đồng đội cho các cán bộ quân đội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa Bộ Quốc phòng 848 triệu đồng; Ủng hộ Hội hỗ trợ gia đình liệt sĩ 200 triệu đồng; Thăm và tặng quà cho Trung tâm và 60 thương binh nặng tại trung tâm điều dưỡng thương binh Long Đất; Ủng hộ xây dựng Khu di tích cứ điểm 689 Khe Sanh Quảng Trị 1 tỷ đồng.

Bên cạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, MB triển khai các hoạt động an sinh xã hội, tài trợ xây dựng 3 trường học cho các địa phương khó khăn như: trường mầm non Hoa Mai, Sơn La 2,5 tỷ đồng; Trường tiểu học xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa 2,78 tỷ đồng; Trường THCS xã Lệ Mỹ, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ 1 tỷ đồng.

Tài trợ cho lĩnh vực y tế góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng đã được MB triển khai gồm các hoạt động: tài trợ kinh phí mua máy móc thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An 2 tỷ đồng; Hỗ trợ kinh phí xây dựng Trung tâm y tế Hoài Nhon, tỉnh Bình Định 1 tỷ đồng.

Phát huy đạo lý thương người như thể thương thân, lá lành đùm lá rách, MB đã có các hoạt động hỗ trợ giúp đỡ người nghèo, giúp đỡ đồng bào bị thiên tai lũ lụt. Năm 2016, MB đã ủng hộ các Quỹ vì người nghèo các địa phương như: Phú Thọ, Hà Nam, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Bình, TP Hồ Chí Minh với tổng số tiền ủng hộ là 1.380 triệu đồng. Đặc biệt đợt lũ lụt tháng 10 vừa qua tại các tỉnh Miền Trung đã gây thiệt hại về người và của cho nhà nước và nhân dân, mỗi cán bộ



nhân viên MB đã ủng hộ 1 ngày lương giúp đỡ đồng bào Miền Trung. MB đã ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình 3,6 tỷ đồng góp phần giúp đỡ đồng bào khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống.

MB tham gia các chương trình xây dựng nông thôn mới, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và phát triển nông thôn: ủng hộ xây dựng nông thôn mới tỉnh Cao Bằng 1 tỷ đồng, hỗ trợ Ban thanh niên Quân đội thực hiện chương trình xây dựng 70 km đường bê tông giao thông nông thôn.

Nhiều hoạt động khác như Tặng sổ tiết kiệm, trao học bổng cho trẻ em nghèo, trẻ em khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên nghèo, sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập; hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam; tặng quần áo, sách vở cho học sinh vùng cao;

chương trình Tết cho người nghèo... đã được MB thực hiện bằng trách nhiệm và sự tận tâm với xã hội, cộng đồng.

Những hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa và hoạt động vì cộng đồng của MB trong năm qua còn thể hiện trách nhiệm, tình cảm sâu sắc của cán bộ, nhân viên MB với Tổ quốc với Quân đội và nhân dân. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động vì cộng đồng, thượng hiệu, hình ảnh MB ngày càng tỏa sáng. MB được biết đến không chỉ là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả phát triển bền vững góp phần xây dựng Quân đội vững mạnh, phát triển kinh tế đất nước, mà còn là doanh nghiệp có trách nhiệm cao với cộng đồng và xã hội.





## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**





## ▶ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Thực hiện định hướng 2016 của HĐQT với phương châm “**Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả**”, Ban điều hành đã tập trung lãnh đạo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh, tiếp tục triển khai các sáng kiến chiến lược theo kế hoạch, đã đạt được kết quả khả quan trong năm 2016.

### 1. Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Kết quả 2016	so với 2015	so với KH
1	Tổng tài sản	Tăng 10 -12%	256,259	115.9%	105.4%
2	Vốn điều lệ	17,100	17,127	107%	100.2%
3	Tiền gửi của khách hàng	Tăng 5-10%	194,812	107.3%	102.2%
4	Dư nợ cho vay KH	Tăng ~ 20%	150,738	124.0%	103.5%
5	Tỷ lệ nợ xấu	<2%	1.32%		
6	Lợi nhuận trước thuế	3,611	3,651	113.4%	101.1%
	trong đó riêng ngân hàng	3,550	3,711	117.8%	104.5%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	~10%	Dự kiến ~ 11%		

Nguồn: BCTC riêng lẻ, BCTC hợp nhất 2016; đơn vị: tỷ VNĐ

MB đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2016 theo cam kết với Đại hội cổ đông, tổng tài sản đạt 256.259 tỷ, tăng 15,9% so với năm 2015, vượt 5,4% kế hoạch; huy động vốn đạt 194.812 tỷ, tăng 7,3% so với năm 2015, vượt 2,2% kế hoạch; dư nợ đạt 150.738 tỷ, tăng 24% so với 2015, vượt 3,5% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 3.651 tỷ, tăng 13,3% so với 2015, trong đó riêng ngân hàng đạt 3.711 tỷ, tăng 17,8% so với 2015, vượt 4,5% kế hoạch; nợ xấu kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu ~ 1,32%, hiệu quả hoạt động của ngân hàng (ROE ~ 12,55%; ROA ~ 1,27%).

Dư nợ KHCN tăng trưởng ~ 44% so với 2015 chiếm tỷ trọng ~ 30% (năm 2015: 26%). Thu dịch vụ và bảo lãnh ~ 1.475 tỷ, tăng 27% so với 2015.

Kinh doanh trên thị trường 2: kinh doanh trái phiếu quy mô ~ 45.420 tỷ (tăng trưởng 16%), thu nhập từ các mảng FX trading, kinh doanh MM, Commodity, sản phẩm hàng hóa phái sinh đều hoàn thành vượt kế hoạch.

Về huy động vốn: chú trọng nguồn không kỳ hạn, tiền gửi thanh toán (tỷ trọng đạt 39%). Chi phí huy động tiếp tục được duy trì ở mức tốt, tăng thấp.

Hoạt động kinh doanh: toàn hệ thống có 268 điểm giao dịch được cấp phép. Hầu hết các điểm kinh doanh hoạt động an toàn hiệu quả, nợ xấu kiểm soát tốt.

## 2. Công tác quản lý điều hành

### Công tác tổ chức, nhân sự

- Mô hình tổ chức theo chiến lược: tập trung hóa các mảng vận hành, thẩm định; tăng cường các chức năng quản lý tập đoàn.
- Sửa đổi quy chế lương, đãi ngộ; hoàn thiện hệ thống KPIs đo lường hiệu suất các đơn vị, cá nhân;
- Nhân sự toàn MB Group đạt 10.656 người, trong đó CBNV hoạt động Ngân hàng là 7.886 người.
- Bồi dưỡng qui hoạch Top 50, Top 500. Tổ chức đào tạo cho cán bộ quản lý cấp trung cao, đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng với ~ 823 khóa cho 48.666 lượt người

### Quản lý chất lượng

- Cải cách hành chính mạnh mẽ, triển khai tốt các chương trình hành động theo NQ 19, NQ 35 của Chính Phủ (Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp).
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại sàn giao dịch. Đổi mới phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ tại sàn và tích cực lắng nghe thông tin phản hồi từ khách hàng qua đa kênh.
- Tăng năng lực quản trị rủi ro, ứng dụng theo dự án Basel II: đầu tư phần mềm định giá Tài sản đảm bảo; thẩm định CRA với KHCN, quản lý danh mục nợ cần quản trị, đầu tư phần mềm phòng chống rửa tiền.
- Tin học hóa và tối ưu quy trình thẩm định tập trung, vận hành tập trung: thời gian xử lý/1 hồ sơ bình quân giảm 28% thời gian thẩm định, 11% thời gian phê duyệt. Tin học hóa qui trình thẩm định, quy trình tín dụng KHCN, chuyển tiền quốc tế, thanh toán LC.
- Thực hiện trên 60 triệu giao dịch vận hành an toàn trong năm 2016.

### Công nghệ thông tin

- Triển khai các dự án theo chiến lược như eBanking cho KHCN/DN; BPM; CRA; FTP; DWH; quản lý bán hàng CRM, Basel 2.
- Hệ thống CNTT vận hành tương đối ổn định, thời gian dừng hệ thống được kiểm soát trung bình giảm 84% so với 2011.
- Đáp ứng chuẩn quốc tế về an ninh, an toàn bảo mật thông tin: TIA 942, ISO/IEC 27001:2013; áp dụng chuẩn bảo mật PCI DSS trong lĩnh vực phát hành và chấp nhận thẻ...
- Kiện toàn mô hình tổ chức CNTT đáp ứng yêu cầu triển khai chiến lược. Chú trọng phát triển nhân sự có trình độ chuyên môn cao.

### Công tác quản lý khác

- Tích cực triển khai thu hồi nợ xấu, nợ quản trị, hoàn thiện cơ chế xử lý nợ MB/MB AMC.
- Thực hiện thanh tra pháp nhân năm 2016. Tăng cường kiểm soát tuân thủ tại chi nhánh. Nâng cao khả năng nhận diện sớm phòng ngừa rủi ro hoạt động.

### Công tác Đảng, chính trị

- MB tích cực tham gia các chương trình từ thiện an sinh xã hội có ý nghĩa tiêu biểu như tài trợ xây dựng trường tiểu học Quảng Ngọc - Thanh Hóa, xây dựng 3 ngôi nhà 100 đồng, xây dựng bia tưởng niệm liệt sỹ, xây dựng công viên Đại Tướng Võ Nguyên Giáp... với tổng giá trị trên 43 tỷ đồng.
- Lãnh đạo giữ vững, ổn định Chính trị, thực hiện văn hóa doanh nghiệp. Năm 2016 là một năm thành công của MB về nhiều chương trình hoạt động xã hội, vinh dự được trao nhiều danh hiệu cao quý như Cờ của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thưởng thi đua của Bộ Quốc phòng, Cờ thi đua của NHNN.

### 3. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

- Chất lượng hoạt động của mạng lưới các điểm kinh doanh chưa đồng đều. Vẫn còn điểm kinh doanh lỗ, nợ xấu cao. Một số chi nhánh chưa chuyển dịch bán lẻ mạnh mẽ, còn phụ thuộc vào KH lớn, cho vay dự án trung dài hạn.
- Phát triển khách hàng FDI còn yếu và thiếu chuyên nghiệp, chưa chuyển biến đột phá.
- Chất lượng dịch vụ cần cải thiện. Khách hàng còn phàn nàn về chất lượng phục vụ, thời gian xử lý kéo dài, các thủ tục còn dài, chưa chuyên nghiệp. Cơ cấu thu nhập từ phí, dịch vụ còn thấp.
- Tốc độ xử lý nợ xấu còn chậm, tồn đọng dài, đặc biệt cần giải quyết nhanh nợ xấu ngoại bảng, nợ xấu đã chuyển VAMC.
- Hình ảnh của MB chưa phù hợp với phân khúc khách hàng trẻ, hiện đại.

### ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2017

Thực hiện phương châm chỉ đạo của Hội đồng quản trị năm 2017 là **"Tăng trưởng đột phá, Hiệu quả - An toàn"** giữ vững mục tiêu MB trong TOP 5 ngân hàng hàng đầu về hiệu quả, Ban điều hành xây dựng kế hoạch với 2 mục tiêu trọng tâm:

- (1) Xây dựng và triển khai chiến lược giai đoạn 2017 - 2021;
- (2) Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017
1	Tổng tài sản	Tăng 10%
2	Vốn điều lệ	Tăng 6%
3	Huy động vốn dân cư, tổ chức kinh tế	Tăng 8 ~10 %
4	Dư nợ cho vay	Tăng 16%
5	Tỷ lệ nợ xấu	< 1,5%
6	Lợi nhuận trước thuế	4.532 tỷ
	Lợi nhuận trước thuế (của riêng ngân hàng)	4.300 tỷ
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	~11%

### Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

#### 1. Triển khai chiến lược giai đoạn 2017 - 2021 trên cơ sở kế thừa, cập nhật điều chỉnh chiến lược giai đoạn 2011-2015.

- MB phấn đấu Top 5 về hiệu quả hoạt động, trở thành NH thuận tiện trên cơ sở tư vấn chiến lược của McKinsey.

## 2. Các giải pháp kinh doanh hướng đến tăng hiệu quả

- Thay đổi phương pháp điều hành kinh doanh hướng tới hiệu quả từng khách hàng.
- Nâng cao kỹ năng ra quyết định bán hàng của RM tại Chi nhánh.
- Tăng năng lực phân tích kinh doanh, phân tích cơ sở dữ liệu khách hàng, hoàn thiện các giải pháp tài chính phù hợp với từng phân khúc khách hàng (ứng dụng công nghệ, phân tích từng data).
- Củng cố quan hệ với khách hàng truyền thống, khách hàng Quân đội. Phát triển cơ sở khách hàng mới theo tiêu chí hiệu quả, ưu tiên các doanh nghiệp SME, doanh nghiệp FDI và KHCN đại chúng.
- Củng cố chất lượng sản phẩm, dịch vụ trọng tâm là nhóm các sản phẩm dịch vụ bán lẻ cho KHCN, thanh toán và tài trợ thương mại cho KHDN.
- Tổ chức lại hạ tầng thanh toán trên kênh ngân hàng điện tử, Ban liên kết Viettel, ngân hàng giao dịch (e-MB doanh nghiệp, thẻ điện tử, BankPlus+, thanh toán ...).
- Đầu tư chuyển dịch nhanh NH ứng dụng số, hợp tác mạnh mẽ với Viettel kỹ thuật số hướng tới khách hàng.
- Đẩy mạnh bán chéo (bancas), nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho tổ chức/ cá nhân (IB). Tăng gấp đôi doanh thu năm 2016.
- Tăng quy mô hoạt động trên thị trường liên ngân hàng, tích cực tham gia các giao dịch trên các thị trường thú cấp, từng bước củng cố năng lực để trở thành nhà tạo lập thị trường;
- Phát triển dịch vụ công với Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội tại tất cả các chi nhánh/PGD.
- Củng cố năng lực kết nối kinh doanh giữa ngân hàng/công ty trong MB Group.

## 3. Các giải pháp quản lý trọng tâm

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bồi dưỡng năng lực nhóm qui hoạch top 50, 100, 500. Đào tạo lực lượng bán hàng. Cải tiến cơ chế lương, đãi ngộ gắn với hiệu quả kinh doanh. Tăng năng suất lao động và lợi nhuận/người (10%).
- Đơn giản hóa thủ tục, qui trình nội bộ. Ứng dụng số hóa trong xử lý giao dịch, vận hành, thẩm định... rút ngắn thời gian khách hàng chờ đợi.
- Cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) nội bộ và SLA với khách hàng.
- Ứng dụng các mô hình lượng hóa rủi ro nhanh để ra quyết định kinh doanh. Tiếp tục hoàn thiện khung QTRR theo Basel 2 trong hoạt động MB.
- Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh. Xây dựng nền tảng NH số, trước hết là ngân hàng giao dịch thuận tiện với khách hàng.
- Tăng năng lực quản lý chất lượng, đảm bảo cam kết chất lượng dịch vụ với khách hàng. Tăng cường kiểm soát tuân thủ chủ động phòng ngừa rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động.
- Hoàn thiện hệ thống đa kênh phân phối tại các CN/PGD, hệ thống ATM/POS, kênh liên kết, kênh điện tử.
- Triển khai đầu tư, cải tạo hình ảnh nhận diện tại Chi nhánh/PGD trong quý II/2017 theo chiến lược điều chỉnh mới.
- Duy trì văn hóa doanh nghiệp, xây dựng con người MB mới, phát huy năng lực của tổ chức Đảng, các tổ chức Quần chúng. Xây dựng tinh thần đoàn kết, kỷ luật, phát huy sức mạnh tổ chức trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp đồng nhất.





## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ QUẢN TRỊ CÔNG TY**



### NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2016

Sau 5 năm triển khai Chiến lược, đến 2016, MB đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ về vị thế trên thị trường, xây dựng năng lực cạnh tranh trên 2 nền tảng là Quản trị rủi ro hàng đầu và thẩm định vượt trội cùng với Văn hóa thực thi nhanh hướng đến khách hàng; đồng thời tạo ra sự chuyển dịch mô hình kinh doanh trên 3 trụ cột Chiến lược là Ngân hàng cộng đồng, Ngân hàng giao dịch và Ngân hàng chuyên nghiệp theo ngành. Theo đó, MBGroup tiếp tục duy trì vị thế các NHTMCP hàng đầu về hiệu quả; có được sự tăng trưởng ổn định, cụ thể sau 5 năm, Tổng Tài sản tăng ~ 2 lần; Dự nợ tăng gấp 2,5 lần; Huy động vốn tăng 2,2 lần; Lợi nhuận trước thuế tăng 1,4 lần; kiểm soát rủi ro chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%.

Với phương châm năm 2016 là "Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả", trong đó trọng tâm phát triển là đầu tư nguồn lực, phát triển bền vững; linh hoạt nắm bắt các cơ hội và tích cực triển khai/hoàn thành các chương trình trọng điểm, HĐQT, BĐH cùng đội ngũ cán bộ nhân viên MB đã xây dựng các kế hoạch kinh doanh bám sát tình hình thị trường, đưa ra các giải pháp linh hoạt, nâng cao hiệu quả hoạt động, trong đó ưu tiên cho việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức và củng cố hệ thống quản trị rủi ro để đảm bảo bộ máy vận hành ổn định, an toàn. HĐQT đã nỗ lực hoàn thành các chương trình, kế hoạch báo cáo ĐHCĐ 2016 như sau:

- Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành triển khai, hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2016.

- Tăng vốn điều lệ lên 17.127 tỷ đồng thông qua việc trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% cho cổ đông hiện hữu. Ngoài ra, tính đến thời điểm hiện tại, MB đã hoàn thành các thủ tục và thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ 6% cho các cổ đông hiện hữu.

- Điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 10% lên 20%, ổn định cơ cấu cổ đông và củng cố quan hệ với một số đối tác chiến lược và cổ đông đã gắn bó như Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam, Tổng Công ty May 28, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

- Hoàn thành Đăng ký Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới cùng với các ngành nghề kinh doanh mới bổ sung theo đúng quy định với các cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, thực hiện công khai minh bạch thông tin, thường xuyên được cập nhật về tình hình hoạt động trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang web của ngân hàng và của các cơ quan quản lý liên quan.

- Hoàn thành đưa 2 công ty mới của MBGroup trong lĩnh vực Bảo hiểm nhân thọ (MB Ageas Life) và Tài chính tiêu dùng (MCredit) đi vào hoạt động. Tiếp tục tái cơ cấu các công ty thành viên được triển khai quyết liệt trên cơ sở xây dựng Chiến lược từng công ty phù hợp với Chiến lược chung, hoàn thành các quy trình, quy chế, tận dụng các tài nguyên như cơ sở khách hàng, bán chéo sản phẩm, phát triển nguồn lực tài chính, công nghệ, phát triển thương hiệu và tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi...Theo đó, các công ty cơ bản đạt kết quả tốt, đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Các dự án chiến lược đầu tư phát triển trụ sở cho Ngân hàng tại các địa bàn trọng điểm như dự án trụ sở chính của MB tại 63 Lê Văn Lương, Hà Nội; dự án trụ sở MB khu vực miền Trung tại 54 Điện Biên Phủ thành phố Đà Nẵng...được tập trung triển khai chất lượng, đẩy nhanh tiến độ cùng với việc mở Văn phòng đại diện tại

Nga giúp tăng cường sự hiện diện MB trong và ngoài nước.

- Việc thành lập ngân hàng 100% vốn của MB tại Lào và Campuchia được MB triển khai tích cực trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng các yếu tố thị trường, làm việc với cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam và nước sở tại để xây dựng để án hiệu quả nhất.

- Xây dựng Chiến lược phát triển MB giai đoạn 2017 - 2021 trên cơ sở kế thừa những nền tảng, giá trị được tạo dựng từ Chiến lược giai đoạn trước, vận dụng sáng tạo những tư vấn của Mc.Kinsey, sẵn sàng chuẩn bị cho sự phát triển đột phá trong thời gian sắp tới.

Công tác quản trị - điều hành được thực hiện theo hướng HĐQT thiết lập các nguyên tắc/tiêu chuẩn/các quy trình/chính sách khung, lõi phù hợp quy định và theo đặc thù hoạt động, thực tế triển khai và phù hợp với thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới, đồng thời quản trị/giám sát việc thực hiện của Ban Điều hành, hạn chế xử lý các sự vụ cụ thể. Để tăng cường giám sát và nâng cao tính tuân thủ, HĐQT đã chỉ đạo việc điều chỉnh/hoàn thiện chế độ thông tin báo cáo tại MB và đối với Người đại diện MB tại các Công ty thành viên, yêu cầu các đơn vị chấp hành nghiêm túc theo quy định, nghị quyết HĐQT. Bên cạnh việc phối hợp tích cực với BKS trong việc chỉ đạo tổ chức các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện/đột xuất/chuyên đề trong MBGroup, HĐQT đề cao cơ chế đối thoại và trao đổi thường xuyên để kịp thời nắm bắt và hỗ trợ Ban Điều hành, những người đại diện MB tại Công ty thành viên và các đơn vị giải quyết vướng mắc, đáp ứng hoạt động kinh doanh. Chính vì vậy, trong năm các cuộc họp Thường trực HĐQT được tổ chức hàng tuần, họp HĐQT và các Ủy ban của HĐQT hàng quý, ngoài ra Chủ tịch HĐQT và

các Thành viên HĐQT tích cực phát huy vai trò và dành nhiều thời gian làm việc trực tiếp với các đơn vị để đánh giá chính xác tình hình hoạt động và định hướng/chỉ đạo phù hợp với thực tế.

Đánh giá hoạt động của BĐH trong năm 2016, công tác điều hành mọi mặt hoạt động của ngân hàng đã được thực hiện theo đúng chỉ đạo, định hướng của HĐQT, từng bước nâng cao năng lực kinh doanh và quản trị điều hành ngân hàng. Công tác phối hợp giữa các thành viên trong MBGroup được tập trung đẩy mạnh, đặc biệt trong việc cung cấp các gói sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng và tận dụng lợi thế về quy mô.

Về công tác nhân sự, năm 2016, HĐQT đã tập trung phát triển đội ngũ nhân sự cấp cao/nhân sự đứng đầu đơn vị có chất lượng; xây dựng nguồn cán bộ có năng lực, tận tâm và sẵn sàng đương đầu với thách thức. HĐQT đã bổ sung một số Giám đốc/Phó Giám đốc Khối kinh doanh và nghiệp vụ chủ chốt tại MB, luân chuyển/bổ nhiệm nhân sự cấp cao tại các công ty thành viên. Đánh

giá chất lượng nhân sự hiện có của MB trên cơ sở so sánh mặt bằng thị trường, nghiên cứu các thông lệ quản trị hiện đại, HĐQT đã chỉ đạo kiên toàn các quy định/chính sách về nhân sự và đào tạo, trong đó chú trọng các cơ chế tạo động lực, nâng cao hiệu quả lao động tại MB và các công ty thành viên.

Với mục tiêu “quản trị rủi ro chặt chẽ”, HĐQT đã định hướng xây dựng và vận hành Mô hình quản trị rủi ro theo 3 vòng bảo vệ tại MB phù hợp với thông lệ quốc tế, quy định pháp luật và hướng đến áp dụng tại các công ty thành viên, thiết chế/củng cố vững vàng các rào chắn để phòng ngừa/nhận diện và giảm thiểu rủi ro trong các mặt hoạt động. Việc triển khai Basel II cũng luôn được MB chú trọng và được áp dụng theo lộ trình cụ thể và MB là 1 trong những NH tiên phong trong việc triển khai Basel II...

Về CNTT và các dự án tăng năng lực, HĐQT đã chỉ đạo đầu tư trọng điểm cho các đề án/dự án tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo an toàn an ninh hệ thống; chú trọng phát triển các sản phẩm dịch

vụ tiện ích có hàm lượng công nghệ cao, đồng thời gia tăng nhiều giá trị cho khách hàng thông qua việc tích hợp với các sản phẩm đặc thù của các công ty thành viên trong lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm. Như vậy, năm 2016, HĐQT MB đã thực hiện tốt vai trò chức năng quản trị điều hành theo đúng các cam kết với Đại hội cổ đông. MB tiếp tục giữ vững sự ổn định nội bộ, quản trị tốt rủi ro, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và duy trì hiệu quả hoạt động. Bằng những kết quả đạt được, MB tiếp tục tạo dựng được lòng tin với khách hàng, cổ đông; khẳng định vị thế của mình trên thị trường và đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chính sách tiền tệ của NHNN VN và vinh dự được nhận nhiều cờ thi đua của Chính Phủ, của Bộ Quốc Phòng, của Ngân hàng Nhà nước, các giải thưởng uy tín do các tổ chức quốc tế và trong nước trao tặng như “Doanh nghiệp Văn hóa thời kỳ hội nhập”, “Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu 2016”, “Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016”, “Ngân hàng ứng dụng CNTT an toàn, hiệu quả”...

## TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kinh tế thế giới năm 2017 được dự báo tăng trưởng khả quan, do các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển cải thiện, đồng thời giá hàng hóa phục hồi. Tuy nhiên vẫn có nhiều diễn biến trên thế giới được xem là rào cản khá lớn đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam như các Chính sách của Tân tổng thống Mỹ theo chiều hướng không thuận lợi cho thương mại, biến động của các ngoại tệ chủ chốt, sự kiện Brexit (sự kiện người dân Anh bỏ phiếu lựa chọn rời khỏi Liên minh Châu Âu) hay việc giảm tốc của nền kinh tế Trung Quốc. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2017 sẽ cải thiện

hơn nhờ những cải cách về thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, giá năng lượng và hàng hóa phục hồi, tạo tiền đề cho khu vực tư nhân. Lạm phát được kiểm soát, giữ vững ổn định theo mục tiêu đề ra. Ngành Công nghiệp chế biến chế tạo với đầu tàu là khối đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục là động lực tăng trưởng, trong khi cầu đầu tư nội địa, cầu tiêu dùng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và tái cơ cấu nền kinh tế còn chậm.

Triển vọng ngành ngân hàng 2017 ổn định với chất lượng tài sản và nguồn vốn dần cải thiện, vận động

cùng chiều với triển vọng tích cực của kinh tế vĩ mô, trong khi tiếp tục xử lý nợ xấu và tái cơ cấu vẫn là nhiệm vụ trọng tâm của ngành. Một số thách thức các ngân hàng đối mặt có thể là (i) giữ vững mặt bằng lãi suất trước các biến động vĩ mô; (ii) thực hiện mục tiêu ổn định tỷ giá trong năm 2017 trong điều kiện một số đồng tiền chủ chốt giảm giá mạnh so với USD.

Để chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới, HĐQT dự kiến một số định hướng chiến lược cụ thể. Theo đó, MB tiếp tục kiên định Tầm nhìn “**Trở thành**

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ngân hàng thuận tiện nhất**” với mục tiêu đến năm 2021 sẽ nằm trong Top 5 hệ thống NHTM Việt Nam về hiệu quả kinh doanh. Để thực hiện các mục tiêu chiến lược này, MB sẽ tập trung triển khai các chuyển dịch đột phá.

Năm 2017, MB chính thức triển khai Chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021, HĐQT thống nhất phương châm “Tăng trưởng đột phá, Hiệu quả - An toàn” để giữ vững mục tiêu MB nằm trong TOP 5 Ngân hàng hàng đầu về hiệu quả. Với các giải pháp chiến lược tập trung trên 2 nền tảng, 3 trụ cột, MB tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, nhằm nâng cao năng lực cốt lõi của ngân hàng. HĐQT định hướng kế hoạch hoạt động năm 2017 cho MB và tất cả các công ty thành viên với nhiều chỉ tiêu thách thức để các đơn vị phấn đấu, tạo động lực cho sự phát triển.

MB và các công ty thành viên đồng lòng, quyết tâm với tinh thần “khởi nghiệp” chủ động, sáng tạo triển khai các giải pháp hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu được giao, phát huy vai trò người đứng đầu trong mọi hoạt động. Trong đó, năm 2017 MB sẽ tập trung tổ chức triển khai Đề án Ngân hàng số, điều chỉnh

mô hình tổ chức và các cơ chế/chính sách/tiêu chuẩn phù hợp với Chiến lược mới (cơ chế tạo động lực cạnh tranh và nâng cao năng suất lao động, tăng năng lực quản trị điều hành, thúc đẩy bán chéo và cơ chế chia sẻ lợi ích...), đảm bảo tiến độ các dự án đầu tư trọng điểm của MB (trụ sở chính của MB tại 63 Lê Văn Lương, Hà Nội; trụ sở MB khu vực miền Trung tại 54 Điện Biên Phủ, Đà Nẵng...). Các công ty thành viên phấn đấu đảm bảo mục tiêu hiệu quả mà MB đang duy trì, tập trung các hoạt động cốt lõi, tăng cường bán chéo với các đơn vị trong MBGroup, góp phần cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói nhiều tiện ích tới khách hàng, giúp gia tăng giá trị cho cổ đông và các nhà đầu tư.

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Đã nêu trong báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị*

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Xác định năm 2016 sẽ là năm nhiều thách thức đối với Ban Kiểm soát khi MB đang trong quá trình rà soát chiến lược kinh doanh 2011-2015 và kiện toàn lại hoạt động theo chiến lược kinh doanh giai đoạn mới cũng như điều kiện thị trường có nhiều khó khăn thách thức, ngay từ đầu năm, Ban Kiểm soát với 04 thành viên đã cùng đánh giá và đưa ra kế hoạch hành động cho cả năm với trọng tâm là đẩy mạnh hơn nữa vai trò giám sát của Ban Kiểm soát trong hoạt động quản trị điều hành, tăng cường hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ định hướng theo rủi ro và không ngừng kiện toàn, nâng cao năng lực của Ban Kiểm soát và kiểm soát, kiểm toán nội bộ trong toàn tập đoàn. Trưởng Ban Kiểm soát thực hiện phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát theo năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên. Định kỳ hàng quý, các thành viên Ban Kiểm soát họp để đánh giá về hoạt động của Ban Kiểm soát trong quý, phương hướng nhiệm vụ cho quý kế tiếp dựa trên kế hoạch năm đã thống nhất, đồng thời đánh giá tình hình hoạt động quản trị điều hành kinh doanh trong quý để kịp thời đưa ra các kiến nghị giúp Hội đồng quản trị và Ban Điều hành nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro. Các nhiệm vụ chính được Ban Kiểm soát triển khai trong năm như:

-Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động quản trị điều hành theo các nội dung: tình hình tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ MB; tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; việc phê duyệt cấp tín dụng đối với Công ty con, công ty liên kết và người có liên quan theo quy định của Pháp luật. Kết quả giám sát cho thấy, trong năm 2016, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã triển khai nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của MB; hoàn thành cơ bản các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội cổ đông bất thường, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh đề ra.

-Định kỳ 6 tháng, 1 năm. Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Cơ quan Kiểm toán nội bộ của MB, Trưởng Ban Kiểm soát các công ty thành viên thực hiện thẩm định báo

cáo tài chính của riêng MB, các công ty thành viên theo đúng quy định Pháp luật, đảm bảo báo cáo công bố thông tin cho cổ đông phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả kinh doanh riêng và hợp nhất của MB. Thông qua công tác thẩm định báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát đã phát hiện và kiến nghị MB, công ty thành viên điều chỉnh các chênh lệch số liệu sau thẩm định và tiếp tục kiện toàn hệ thống kế toán, lập báo cáo tài chính và thông tin, quản trị tài chính.

-Đánh giá vai trò quan trọng của hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với việc hình thành và duy trì môi trường kinh doanh lành mạnh, thượng tôn pháp luật, ngoài công tác thẩm định báo cáo tài chính, Ban Kiểm soát đã định hướng và chỉ đạo triển khai nhiều chương trình kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại MB và các công ty thành viên trong năm 2016, cụ thể: Cơ quan kiểm toán nội bộ MB đã thực hiện, hoàn thành và phát hành hơn 20 báo cáo kiểm toán tại MB và các công ty thành viên; Trưởng Ban Kiểm soát tại các công ty thành viên đã tự chủ trì triển khai hơn 40 chương trình kiểm soát, kiểm toán. Công tác kiểm soát, kiểm toán trong toàn tập đoàn tập trung vào các hệ thống, hoạt động cốt lõi như: đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ; kiểm toán hoạt động Treasury; kiểm toán hoạt động Khối Khách hàng cá nhân; Kiểm toán toàn diện chi nhánh; Kiểm toán các nghiệp vụ lỗi và các đơn vị trọng yếu tại các công ty thành viên...Thông qua kết quả kiểm toán đã kịp thời chỉ ra các tồn tại, hạn chế và kiến nghị chỉnh sửa về hiệu quả hoạt động kinh doanh, hệ thống kiểm soát nội bộ, hoạt động quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin tại MB và các công ty thành viên. Về cơ bản các kiến nghị đã được Hội đồng quản trị và Ban Điều hành ghi nhận và chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện.

-Ban Kiểm soát cùng với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tại MB và các công ty thành viên cũng đã tích cực phối hợp làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra từ các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra như: Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cục thuế Thành phố Hà Nội. Kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy về

cơ bản MB và các công ty thành viên đã tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của Pháp luật, các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước được thực hiện đầy đủ.

-Năm 2016 cũng là năm Ban Kiểm soát tập trung nâng cao năng lực hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ, trong đó việc kiện toàn mô hình tổ chức, bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng và tạo hành lang quy định phù hợp là những trọng tâm trong các chỉ đạo của Ban Kiểm soát, cụ thể:

-Thống nhất Mô hình quản lý trực dọc từ ngân hàng đến các công ty thành viên về hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ tại các công ty; Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại các công ty thành viên đã được kiện toàn lại thông qua việc sát nhập hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ (trừ các công ty có quy định đặc thù như: MBS, MBCapital) và được đặt dưới sự chỉ đạo của của Trưởng Ban Kiểm soát.

-Ban Kiểm soát đã phê duyệt bổ sung chuyên gia kiểm toán cho Cơ quan Kiểm toán nội bộ MB; tiếp tục giới thiệu nhân sự có kinh nghiệm và năng lực tốt đảm nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách tại các công ty thành viên, đồng thời phối hợp với Hội đồng quản trị phê duyệt cơ chế đãi ngộ đối với Trưởng Ban

Kiểm soát tại các công ty thành viên, đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan trong thực thi nhiệm vụ. Trưởng Ban Kiểm soát đã chỉ đạo tổ chức triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho các thành viên Ban Kiểm soát, kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại MB và các công ty thành viên về hoạt động quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ theo COSO; kiểm toán công nghệ thông tin...

-Nhiều quy định kiểm toán nội bộ được phê duyệt ban hành tại MB bao gồm: Sổ tay kiểm toán nội bộ; quy trình lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm; quy trình kiểm toán và quy trình đánh giá chất lượng kiểm toán; hệ thống chức danh và tiêu chuẩn của các kiểm toán viên của Cơ quan Kiểm toán nội bộ MB. Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát tại các công ty thành viên cũng được thông qua làm cơ sở để Ban Kiểm soát tại các công ty thành viên triển khai nhiệm vụ. Phương pháp kiểm toán: Thống nhất thực hiện hoạt động kiểm toán, kiểm soát tại MB và các công ty thành viên theo phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro, tập trung vào các hoạt động cốt lõi và các hệ thống trọng yếu; chuẩn hóa lại phương pháp, tiêu chuẩn, công cụ kiểm toán theo các thông lệ quốc tế.

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

### Thông tin các thành viên Ủy ban

#### Ủy ban Nhân sự:

1)	Ông Lê Hữu Đức	- Chủ nhiệm Ủy ban
2)	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	- Phó Chủ nhiệm Ủy ban
3)	Ông Lưu Trung Thái	- Thành viên Ủy ban
4)	Ông Lê Công	- Thành viên Ủy ban

#### Ủy ban Quản trị rủi ro:

1)	Ông Lưu Trung Thái	- Chủ nhiệm Ủy ban
2)	Bà Nguyễn Thị Thủy	- Thành viên Ủy ban
3)	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	- Thành viên Ủy ban
4)	Ông Lê Công	- Thành viên Ủy ban
5)	Ông Nguyễn Văn Huệ	- Thành viên Ủy ban
6)	Bà Nguyễn Thị Ngọc	- Thành viên Ủy ban

#### Ủy ban Tín dụng:

1)	Ông Lê Hữu Đức	- Chủ nhiệm Ủy ban
2)	Bà Nguyễn Thị Thủy	- Phó Chủ nhiệm Ủy ban
3)	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	- Thành viên Ủy ban
4)	Ông Lưu Trung Thái	- Thành viên Ủy ban
5)	Ông Lê Công	- Thành viên Ủy ban



### Thông tin về tình hình hoạt động của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị trong năm

#### Ủy ban Quản trị rủi ro

Thực hiện các công việc thuộc chuyên đề rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban, gồm: Chỉ đạo xây dựng chính sách tín dụng năm 2016, 2017; Chỉ đạo điều chỉnh hệ thống phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tại MB phù hợp với thực tiễn; Thường xuyên giám sát chất lượng tín dụng của MB; Ban hành khẩu vị rủi ro, Chỉ đạo thực hiện dự án Basel 2 theo các thông lệ quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của NHNN...

#### Ủy ban Nhân sự

Định hướng, chỉ đạo tập trung ban hành bộ mẫu Hợp đồng lao động và Quy định chấm dứt Hợp đồng lao động, Quy chế khen thưởng và Quy chế lương sửa đổi của MB; thực hiện đánh giá thi đua khen thưởng cấp HĐQT năm 2015 và 6 tháng 2016. Ngoài ra, Ủy ban Nhân sự phê duyệt Kế hoạch nhân sự, lương đãi ngộ và tuyển dụng năm 2016 và dành nhiều thời gian để phỏng vấn tuyển chọn nhân sự, bố trí, sắp xếp một số vị trí cán bộ quản lý, phù hợp với mô hình tổ chức và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của MB và các công ty thành viên.

#### Ủy ban Tín dụng

Tập trung đóng góp xây dựng các chính sách liên quan, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tín dụng, đáp ứng hiệu quả hơn nhu cầu kinh doanh của MB như: tham gia tích cực đóng góp ý kiến với Ủy ban Quản trị rủi ro trong quá trình xây dựng Chính sách tín dụng, thiết lập mô hình phê duyệt và hệ thống thẩm quyền, giám sát chất lượng tín dụng; chỉ đạo và định hướng các cơ quan xây dựng hạn mức, quy hoạch các nhóm Khách hàng có quan hệ về sở hữu .... Ngoài ra, Ủy ban Tín dụng thực hiện phê duyệt đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phán quyết của Hội đồng Quản trị liên quan đến cấp tín dụng và ban hành các gói sản phẩm tín dụng phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn, hiệu quả cho MB.

## THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN LÝ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2016, MB đã thực hiện tăng vốn theo kế hoạch

Vốn điều lệ của MB tính đến thời điểm 31/12/2016

**17.127.409.090.000** đồng

Tổng số cổ phiếu niêm yết & lưu hành

**1.712.740.909** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu Quý: *Không có*

\*MB đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 01 đợt cho năm 2016 với tỷ lệ: **6%** trong Quý 1.2017

## TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN, NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẤM GIỮ CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

STT	Họ tên TV HĐQT	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2014	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2015	Tỷ lệ sở hữu 31/12/2016	Ghi chú
1	Lê Hữu Đức	0,007%	0,006%	0,0061%	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	0,018%	0,015%	0,0143%	
3	Lưu Trung Thái	0,025%	0,020%	0,0193%	
4	Lê Công	0,102%	0,089%	0,0875%	
5	Nguyễn Thị Ngọc	0,004%	0,004%	0,0036%	
6	Nguyễn Thị Thủy	0,032%	0,025%	0,0247%	
7	Hà Tiến Dũng	0,013%	0,010%	0,0102%	
8	Nguyễn Văn Hùng	0%	0,0006%	0,0006%	
9	Nguyễn Đăng Nghiêm	0,011%	0,009%	0,0089%	
10	Nguyễn Văn Huệ	0%	0,0006%	0,0006%	
11	Nguyễn Chí Thành	-	0%	0%	Giữ chức vụ TVHĐQT MB từ tháng 04/2016

\* Dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2016

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN TRỞ LÊN)

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	
				Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội	Ngân hàng	120.533.956	7,04%
2	Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	722 Điện Biên Phủ, Phường Bình Thạnh, TP HCM	Dịch vụ vận tải	128.852.571	7,52%
3	Tổng Công ty trực thăng Việt Nam - Công ty trách nhiệm hữu hạn	Số 172 đường Trường Chinh, P.Khuong Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Dịch vụ bay	134.242.638	7,84%
4	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước-Công ty TNHH	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh vốn	168.420.000	9,83%
5	Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)	Số 01 Giang Văn Minh, Hà Nội	Viễn thông	252.630.000	14,75%
6	Nhóm cổ đông lớn nước ngoài			126.872.613	7,41%

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thời điểm 31/12/2016

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
<b>1</b>	<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>316</b>	<b>1.449.348.112</b>	<b>84,62%</b>
A	Trong nước	195	1.109.159.636	64,76%
B	Nước ngoài	121	340.188.476	19,86%
<b>2</b>	<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>20.615</b>	<b>263.392.797</b>	<b>15,38%</b>
A	Trong nước	20.517	261.039.684	15,24%
B	Nước ngoài	98	2.353.113	0,14%
	<b>Tổng</b>	<b>20.931</b>	<b>1.712.740.909</b>	<b>100%</b>

## CỔNG THÔNG TIN GIAO TIẾP VỚI CỔ ĐÔNG

Cổ đông MB có thể tìm hiểu thông tin thông qua mục Nhà Đầu tư trên website: [www.mbbank.com.vn](http://www.mbbank.com.vn) hoặc liên hệ trực tiếp với Phòng Quản lý cổ đông - Văn phòng HĐQT (Địa chỉ liên hệ: Tầng 15 - 21 Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội; Điện thoại: 04. 37623326)

## CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong những năm qua, MB luôn tự hào là một trong những Ngân hàng thương mại tại Việt Nam thực hiện tốt chính sách cổ đông. Đối với cổ đông, MB cam kết: 1) Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất để bảo vệ giá trị cổ phiếu, đảm bảo quyền lợi cổ đông; 2) Cam kết cung cấp các bản báo cáo tài chính chất lượng, chính trực và minh bạch; 3) Cập nhật các cổ đông về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Hiện thực hóa các cam kết của mình, trong năm 2016, MB đã triển khai các chính sách cổ đông trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật và hài hòa lợi ích của các cổ đông. Về cổ tức, MB duy trì được khả năng sinh lời và gia tăng giá trị cho cổ đông một cách bền vững dựa trên các cấu trúc tài chính cũng như cơ cấu thu nhập hợp lý. MB tuân thủ theo nguyên tắc đảm bảo hài hòa thu nhập ổn định và thích đáng cho cổ đông thông qua hoạt động chi trả cổ tức dưới các hình thức khác nhau: tiền mặt và cổ tức bằng cổ phiếu đồng thời duy trì được sức tăng trưởng bền vững, đảm bảo duy trì giá trị phần vốn góp của các cổ đông thông qua việc sử dụng một phần lợi nhuận được giữ lại hàng năm để tái đầu tư cho tương lai và duy trì giá trị của cổ phiếu. Lợi nhuận sau thuế được sử dụng để trích các quỹ dự trữ theo quy định của pháp luật, trả cổ tức và trích các quỹ khác. Về việc cung cấp thông tin cổ đông, MB đã ban hành quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo tuân thủ công bố thông tin theo quy định hiện hành, góp phần duy trì kênh thông tin hai chiều hiệu quả giữa MB và cổ đông, thể hiện tính minh bạch, kịp thời đáp ứng nhu cầu tiếp nhận các thông tin quan trọng của các nhà đầu tư.

Trang website MBB, mục Nhà đầu tư được chỉnh sửa thiết kế giao diện thân thiện, dễ truy xuất, tìm kiếm thông tin với cổ đông. Hiện tại, số lượng cổ đông nước ngoài của MB chiếm tỷ lệ 20%, MB nhận thức được quyền của cổ đông trong việc tiếp nhận

thông tin một cách chính xác, kịp thời và bình đẳng. Chính vì vậy, trong năm 2016, MBB đã xây dựng dự án chuyển ngữ sang Tiếng Anh toàn bộ các thông tin trong Mục nhà đầu tư trên trang website MBB. Hiện tại, dự án bước đầu triển khai ở hạng mục Báo cáo tài chính Quý trong 03 năm gần nhất là 2014, 2015, 2016 đã được cập nhật đầy đủ và tiếp tục triển khai các hạng mục như tài liệu Đại hội cổ đông, phản hồi đáp, tài liệu, biểu mẫu trong các năm tới nhằm cập nhật và hoàn thiện trang web tiếng Anh Mục nhà đầu tư một cách đầy đủ đảm bảo các Nhà đầu tư trong và ngoài nước có điều kiện tiếp cận thông tin dễ dàng và đầy đủ về MBB.

Công tác tiếp xúc với các nhà đầu tư trong và ngoài nước bằng việc gặp gỡ trực tiếp, và tham gia các hội thảo được thực hiện thường xuyên và ngày càng chuyên nghiệp, góp phần thu hút sự quan tâm của cộng đồng các nhà đầu tư tiềm năng tìm kiếm cơ hội đầu tư vào MB, đồng thời nâng cao hình ảnh của MB trên thị trường.

Về các quyền lợi cổ đông khác, MB luôn tạo cơ hội cho cổ đông có quyền như nhau trong việc giám sát hoạt động của công ty, được tham dự và khuyến khích các cổ đông đưa ra các đề xuất cũng như góp ý của mình. Tại MB, MB tự hào vì có rất nhiều các cổ đông nắm giữ cổ phiếu Ngân hàng từ khi thành lập đến nay và thường xuyên đóng góp nhiều ý kiến quý báu đối với hoạt động của MB. Bên cạnh đó, các quyền lợi nhuquyền được đề cử, ứng cử các vị trí tại Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát MB và các quyền mua cổ phần mới khi MB tăng vốn điều lệ và được thực hiện các quyền khác theo đúng quy định của pháp luật được MB tôn trọng và đảm bảo thực hiện nghiêm túc.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

[Thông tin về ngân hàng](#)

---

[Báo cáo của ban điều hành](#)

---

[Các báo cáo tài chính hợp nhất  
Đã được kiểm toán](#)

---

[Báo cáo kiểm toán độc lập](#)

---

[Bảng cân đối kế toán hợp nhất](#)

---

[Báo cáo kết quả hoạt động  
Kinh doanh hợp nhất](#)

---

[Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất](#)

---

[Thuyết minh các báo cáo  
Tài chính hợp nhất](#)

---



## GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG SỐ

0054/NH-GP

Ngày 14 tháng 9 năm 1994

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Trung Thái	Phó Chủ tịch
Ông Lê Công	Phó Chủ tịch (điều chuyển ngày 16/1/2017)
Ông Hà Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/4/2016)
Ông Nguyễn Văn Huệ	Thành viên HĐQT độc lập

## BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lưu Trung Thái	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/1/2017)
Ông Lê Công	Tổng Giám đốc (điều chuyển ngày 16/1/2017)
Ông Đỗ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Trung Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ưông Đông Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lợi	Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Tài chính
Ông Trần Minh Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Trọng Khiêm	Phó Tổng Giám đốc

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Lê Hữu Đức	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
----------------	----------------------------

## TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Số 21 Cát Linh, Quận Đống Đa	Thành phố Hà Nội, Việt Nam
------------------------------	----------------------------

## CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG	Việt Nam
-------------------	----------

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “MB”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 87 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của MB tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Ngân hàng cho rằng MB sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành



Lưu Trung Thái  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "MB"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 03 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 87

### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các công ty con, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 15-02-014/12



**Trần Đình Vinh**  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0339-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

**Phạm Huy Cường**  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 2675-2014-007-1

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền mặt và vàng</b>	<b>4</b>	<b>1.519.952</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>5</b>	<b>10.002.478</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác</b>	<b>6</b>	<b>26.952.799</b>
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		12.885.093
2	Cho vay các TCTD khác		14.263.922
3	Dự phòng rủi ro		(196.216)
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7</b>	<b>925.995</b>
1	Chứng khoán kinh doanh		1.060.665
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(134.670)
<b>V</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>8</b>	<b>53.419</b>
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>148.687.389</b>
1	Cho vay khách hàng	9	150.737.702
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(2.050.313)
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>53.285.920</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		46.225.522
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		8.681.353
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(1.620.955)
<b>IX</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>842.259</b>
3	Đầu tư vào công ty liên kết		108.761
4	Đầu tư dài hạn khác		866.557
5	Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn dài hạn		(133.059)



	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>2.457.844</b>	<b>1.931.689</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	1.514.214	731.085
a	Nguyên giá	2.852.268	1.820.179
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(1.338.054)	(1.089.094)
3	Tài sản cố định vô hình	943.630	1.200.604
a	Nguyên giá	1.404.148	1.574.714
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(460.518)	(374.110)
<b>XI</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>149.175</b>	<b>298.451</b>
a	Nguyên giá	155.728	301.988
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(6.553)	(3.537)
<b>XII</b>	<b>Tài sản Có khác</b>	<b>11.381.270</b>	<b>9.431.279</b>
1	Các khoản phải thu	7.401.546	5.657.166
2	Các khoản lãi, phí phải thu	2.929.142	2.865.221
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.641	1.805
4	Tài sản Có khác - Trong đó: Lợi thế thương mại	1.556.606 84.835	1.121.905 -
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(507.665)	(214.818)
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>256.258.500</b>	<b>221.041.993</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>	-	<b>1.411.052</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>24.712.976</b>	<b>7.509.486</b>
1	Tiền gửi của các TCTD khác	12.836.651	3.483.599
2	Vay các TCTD khác	11.876.325	4.025.887
<b>II</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>194.812.397</b>	<b>181.565.384</b>
<b>V</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>258.170</b>	<b>317.958</b>
<b>VI</b>	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>2.366.953</b>	<b>2.450.058</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>7.519.558</b>	<b>4.604.554</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	2.345.611	1.786.044
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	5.173.947	2.818.510
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>229.670.054</b>	<b>197.858.942</b>
	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>VII</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>26.588.446</b>	<b>23.183.051</b>
1	Vốn của TCTD	17.955.606	16.718.524
a	Vốn điều lệ	17.127.409	16.000.000
c	Thặng dư vốn cổ phần	828.197	718.524
2	Quỹ của TCTD	2.697.000	2.241.691
5	Lợi nhuận chưa phân phối	4.699.337	3.633.134
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	1.236.503	589.702
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>26.588.446</b>	<b>23.183.051</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>256.258.500</b>	<b>221.041.993</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

		31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
I	<b>NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN</b>	<b>115.197.892</b>	<b>89.555.115</b>
1	Bảo lãnh vay vốn	37.093	149.260
2	Cam kết giao dịch hối đoái	36.433.120	16.374.865
	<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	<i>3.930.388</i>	<i>2.699.398</i>
	<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>	<i>5.694.997</i>	<i>4.619.076</i>
	<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	<i>26.807.735</i>	<i>9.056.391</i>
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	27.892.246	36.520.147
5	Bảo lãnh khác	46.232.202	33.754.130
6	Các cam kết khác	4.603.231	2.756.713

Người lập:

Người soát xét:

Người phê duyệt:

  
**Bà Lê Khanh Hằng**  
PT. Phòng Kế toán

  
**Bà Lê Thị Lợi**  
Giám đốc Tài chính

  
**Ông Lưu Trung Thái**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

		Thuyết minh	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	15.552.477	13.537.628
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(7.573.533)	(6.219.098)
I	Thu nhập lãi thuần	24	7.978.944	7.318.530
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	1.297.890	1.527.970
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(615.250)	(984.132)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	682.640	543.838
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	113.354	159.048
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn	27	101.443	134.034
5	Thu nhập từ hoạt động khác		1.019.373	611.262
6	Chi phí hoạt động khác		(142.554)	(86.523)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	876.819	524.739
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	102.157	91.679
VIII	Chi phí hoạt động	30	(4.174.668)	(3.449.129)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		5.680.689	5.322.739
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(2.030.104)	(2.102.068)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		3.650.585	3.220.671
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(766.870)	(707.398)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	(164)	(1.139)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

		Thuyết minh	Năm 2016 Triệu VND	Năm 2015 Triệu VND
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	32	(767.034)	(708.537)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		2.883.551	2.512.134
	Lợi ích của cổ đông thiểu số		(28.252)	16.141
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	33	1.706	1.786

Người lập:

**Bà Lê Khánh Hằng**  
PT. Phòng Kế toán

Người soát xét:

**Bà Lê Thị Lợi**  
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

**Ông Lưu Trung Thái**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

		Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	15.491.948	14.186.748
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(7.041.749)	(6.347.968)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	682.640	543.838
4	Thu thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	301.534	384.083
5	Chi phí khác	(1.538.408)	(1.366.483)
6	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	508.786	458.775
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.210.107)	(1.914.620)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(736.336)	(834.392)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b>		<b>5.458.308</b>	<b>5.109.981</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
9	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(3.479.239)	(1.526.544)
10	Tăng /(giảm) các khoản về kinh doanh chứng khoán	(4.194.635)	8.661.450
11	Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	43.018	(91.051)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(29.288.584)	(20.779.624)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư)	(1.474.413)	(2.196.440)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(1.341.016)	(1.374.738)
<b>Những thay đổi về nợ hoạt động</b>			
15	(Giảm)/tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(1.411.502)	1.411.502
16	Tăng tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	17.135.490	2.905.311
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	13.247.013	13.956.877
18	(Giảm)/Tăng phát hành giấy tờ có giá	(83.105)	450.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



19	(Giảm)/tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(59.788)	93.170
20	Tăng/(giảm) khác về nợ hoạt động	2.105.472	(4.004.187)
21	Chi từ các quỹ của TCTD	(165.843)	(168.288)
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>(3.508.824)</b>	<b>2.447.419</b>
	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1	Mua sắm tài sản cố định	(560.725)	(287.133)
2	Tiền thu/(chi) từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	289.677	(10.459)
4	Mua sắm bất động sản đầu tư	-	(37.905)
8	Tiền thu (chi)/thu từ các khoản đầu tư dài hạn	587.075	(194.722)
9	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	61.686	91.679
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>377.713</b>	<b>(438.540)</b>
1	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	-	4.438.347
2	Cổ tức trả cho cổ đông	(22.185)	(578.414)
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>(22.185)</b>	<b>3.859.933</b>
<b>IV</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>(3.153.296)</b>	<b>5.868.812</b>
<b>V</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>	<b>26.002.366</b>	<b>20.133.554</b>
<b>VII</b>	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 34)</b>	<b>22.849.070</b>	<b>26.002.366</b>

Người lập:

**Bà Lê Khánh Hằng**  
 PT. Phòng Kế toán

Người soát xét:

**Bà Lê Thị Lợi**  
 Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

**Ông Lưu Trung Thái**  
 Tổng Giám đốc

## CÁC THUYẾT MINH NÀY LÀ BỘ PHẬN HỢP THÀNH VÀ CẦN ĐƯỢC ĐỌC ĐỒNG THỜI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÍNH KÈM.

### 1 Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 và Quyết định số 00374/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 50 năm.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 8 tháng 3 năm 2016, Ngân hàng đã thực hiện việc sáp nhập Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà ("SDFC"), theo đó, Ngân hàng tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của SDFC. Việc sáp nhập này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết số 23/NQ-MB-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 10 năm 2015 và được thực hiện theo Quyết định số 145/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 4 tháng 2 năm 2016, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Tại ngày 3 tháng 11 năm 2016, Ngân hàng hoàn tất việc mua thêm 23.186.425 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội, bao gồm 14.183.381 cổ phiếu mua trong đợt Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên để tăng vốn và 9.003.044 cổ phiếu mua trong đợt Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội chào bán ra công chúng đối với số cổ phần chào bán không hết cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên. Tổng số tiền thanh toán là 231.864.250.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội tăng từ 49,77% lên thành 60,09% và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội trở thành công ty con của Ngân hàng từ ngày 3 tháng 11 năm 2016. Ngày 21 tháng 11 năm 2016, Ngân hàng hoàn tất việc mua thêm 7.598.375 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội từ các cổ đông khác, theo đó, tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội tăng lên 69,58%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn cổ phần của Ngân hàng là 17.127.409.090.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 16.000.000.000.000 VND). Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 VND.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 21 Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, chín mươi một (91) chi nhánh (trong đó có hai (2) chi nhánh tại nước ngoài), một trăm bảy mươi sáu (176) phòng giao dịch, một (1) văn phòng đại diện tại nước ngoài được NHNNVN cấp phép thành lập.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là "MB").

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có năm (8) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB AMC")	0105281799 ngày 11 tháng 7 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100,00%
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS")	116/GP-UBCK ngày 9 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Đầu tư và kinh doanh chứng khoán	79,52%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Cap")	06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	90,77%
Công ty Cổ phần Địa ốc MB ("MB Land") (*)	0102631822 ngày 25 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Kinh doanh bất động sản	65,29%
Công ty Cổ phần Việt REMAX (*)	0304136549 ngày 8 tháng 2 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Đầu tư xây dựng công trình khu dân cư, cao ốc văn phòng	65,29%
Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MB ("M Credit")	23/GP-NHNN ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp	Tài chính tiêu dùng	100,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC")	43/GPĐC18/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 21 tháng 1 năm 2016	Bảo hiểm phi nhân thọ	69,58%
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	74/GP/KDBH ngày 21 tháng 07 năm 2016 do Bộ Tài Chính cấp	Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và đầu tư tài chính	61,00%

(\*) Sở hữu gián tiếp qua các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có ba (3) công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Giấy phép hoạt động số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
Công ty Cổ phần Đầu tư VIETASSET (*)	0102749334 ngày 27 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Đầu tư xây dựng	45,00%
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc (*)	4703000542 ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp	Xây dựng công trình	44,39%
Công ty Cổ phần Đầu tư MIC (*)	0105199713 ngày 14 tháng 4 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Kinh doanh bất động sản	47,40%

(\*): Sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, MB có 10.656 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 7.810 nhân viên).

## 2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và nguyên tắc kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của MB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của MB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của MB là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("Triệu VND").

**(e) Hình thức kế toán áp dụng**

MB sử dụng hình thức phần mềm kế toán để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được MB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất****(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của MB trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của MB trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà MB có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi trong tài sản thuần của đơn vị nhận đầu tư tương ứng với phần sở hữu của MB.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà MB được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của MB, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà MB phải chia sẻ vượt quá lợi ích của MB trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà MB có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

***(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất***

Các số dư trong nội bộ MB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của MB tại đơn vị nhận đầu tư. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

***(v) Hợp nhất kinh doanh***

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

***(b) Ngoại tệ******(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái quy định vào ngày kết thúc kỳ kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 tại thuyết minh 44), các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu và được vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

***(ii) Hoạt động ở nước ngoài***

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

***(c) Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá ba tháng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng.

Vàng được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### (d) Chứng khoán kinh doanh

##### (i) Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác, được mua với mục đích bán lại để thu lợi nhuận trong ngắn hạn.

##### (ii) Ghi nhận

MB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày MB trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

##### (iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán nếu giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") thì giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán nếu giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ Đồng theo quy định tại Thông tư số 228/2009-TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết và không được giao dịch trên thị trường OTC được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng giảm giá được xác định khi giá trị ghi sổ của chứng khoán cao hơn giá thị trường. Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Dự phòng rủi ro chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### (iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.



## (e) Chứng khoán đầu tư

### (i) Phân loại

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. MB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, MB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

#### Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà MB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

#### Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

### (ii) Ghi nhận

MB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày MB trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của các chứng khoán này (kể toán tại ngày giao dịch).

### (iii) Đo lường

#### **Chứng khoán vốn**

Chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau đó các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UpCom") là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa được niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường phi tập trung ("OTC") là giá bình quân của ba báo giá từ ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán, các chứng khoán này sẽ được hạch toán theo giá gốc.

Dự phòng rủi ro chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

### **Chứng khoán nợ**

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng giảm giá được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Chứng khoán nợ đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là MB khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư và MB không trích lập dự phòng giảm giá đối với những thay đổi giá trong ngắn hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán chưa niêm yết của doanh nghiệp được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết này được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được đề cập trong Thuyết minh 3(h).

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư sẵn sàng để bán chưa niêm yết của doanh nghiệp) được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán được tính theo giá thị trường của các chứng khoán này. Trong trường hợp không có giá thị trường hoặc giá thị trường không thể được xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi MB mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

#### **(iv) Dừng ghi nhận**

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

#### **(v) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành**

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 11 năm 2013 ("Công văn 8499") và Công văn số 925/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 19 tháng 2 năm 2014 ("Công văn 925"). Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Cho mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ

số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Ngân hàng ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Ngân hàng ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC ("Thông tư 19") và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19 ("Thông tư 14"). Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng phải trích lập số dự phòng cụ thể nói trên và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này. Ngân hàng trích lập dự phòng này định kỳ hàng tháng. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(f) Các khoản đầu tư dài hạn**

##### ***(i) Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà MB có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền chi phối đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà MB được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của MB, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của các công ty liên kết mà MB phải chia sẻ vượt quá lợi ích của MB trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà MB có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho các công ty liên kết.

##### ***(ii) Đầu tư dài hạn khác***

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác mà MB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các đơn vị nhận đầu tư mà MB đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị nhận đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của MB tại đơn vị nhận đầu tư.

Dự phòng giảm giá được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư này đã chấm dứt hoặc MB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các khoản đầu tư này.

**(g) Các hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán**

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

**(h) Cho vay khách hàng**

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng. Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có thời hạn dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay được dùng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của MB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản cho vay này chấm dứt, hay khi MB chuyển giao các khoản cho vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản cho vay được chuyển giao cho bên khác.

Riêng đối với các khoản cho vay được bán cho VAMC, MB tiến hành xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán theo các hướng dẫn trong Công văn 8499 và Công văn 925.

**(i) Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng**

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09") có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở phi hồi tố, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của các khoản cho vay được cho phép tại Điều 11 của Thông tư 02. Phương pháp phân loại các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng dựa trên cả hai yếu tố là định tính và định lượng được NHNNVN phê duyệt trong Công văn số 8738/NHNN-CN ngày 25 tháng 9 năm 2008 ("Công văn 8738").

Theo đó, các khoản cho vay được phân loại theo mức độ rủi ro như sau:

STT	Xếp hạng	Nhóm nợ	Mô tả
1	AAA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn
2	AA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn
3	A	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn
4	BBB	Nhóm 2	Nợ cần chú ý
5	BB	Nhóm 2	Nợ cần chú ý
6	B	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn
7	CCC	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn
8	CC	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ
9	C	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ
10	D	Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn

Theo Điều 10, khoản 3a của Thông tư 02, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- \* Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- \* Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- \* Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- \* Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; và
- \* Ngân hàng đáp ứng được các quy định của NHNNVN về các giới hạn tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, MB có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay như đã được phân loại hiện tại. Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 02 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015. Các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ sau ngày 1 tháng 4 năm 2015 không được giữ nguyên nhóm nợ và được phân loại vào nhóm nợ tương ứng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với MB mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì MB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi MB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối, các ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và của MB.

**(i) Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng ( tiếp theo)**

MB cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng thuộc NHNNVN (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp. MB điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng đối với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với Quý 4, dự phòng cụ thể được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11) trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 02, cụ thể như sau:

\* Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng và tài sản đảm bảo có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá.

\* Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của MB.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

<b>Loại tài sản đảm bảo</b>	<b>Tỷ lệ khấu trừ tối đa</b>
Tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam	100%
Vàng miếng, trừ vàng miếng không có giá niêm yết và các loại vàng khác, tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	95%
Trái phiếu chính phủ, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành; thẻ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	
Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	95%
Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85%
Có thời hạn còn lại trên 5 năm	80%
Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
Chứng khoán do doanh nghiệp khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá (trừ các chứng khoán và giấy tờ có được quy định tại Điểm c, Khoản 6, Điều 12, Thông tư 02), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
Bất động sản	50%
Vàng miếng không có giá niêm yết, vàng khác và các loại tài sản bảo đảm khác	30%



Tài sản đảm bảo nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 02 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải xem như bằng không.

Theo Công văn số 8738, dự phòng chung và dự phòng cụ thể của MB tại cuối kỳ kế toán năm được trích lập dựa trên dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

MB trích lập và duy trì khoản dự phòng chung tại cuối kỳ kế toán năm bằng 0,75% tổng số dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng 11.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các khoản cho vay khách hàng được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay khách hàng đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

***(ii) Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng liên quan đến giao dịch chứng khoán, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng mua bán chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB, công ty con của Ngân hàng***

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được áp dụng tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản phải thu khác như được đề cập trong Thuyết minh 3(o).

***(i) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác***

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2012 ("Thông tư 21") và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 7 tháng 1 năm 2013 ("Thông tư 01") sửa đổi và bổ sung Thông tư 21, tổ chức tín dụng chỉ được phép thực hiện các hoạt động gửi tiền và nhận tiền gửi có kỳ hạn tối đa ba tháng tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác. Các khoản tiền gửi với kỳ hạn trên ba tháng phát sinh sau ngày hiệu lực của các thông tư này được phân loại là cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng cụ thể.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như đề cập trong Thuyết minh 3(h).

#### **(j) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng**

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. MB không lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi MB phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh; trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được đề cập tại Thuyết minh 3(h).

#### **(k) Các công cụ tài chính phái sinh**

##### ***(i) Các hợp đồng ngoại hối***

MB ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của MB.

Các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi hoặc lỗ từ hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn hiệu lực của hợp đồng hoán đổi.

##### ***(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất***

Giá trị cam kết trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền không hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị các cam kết được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như các khoản cam kết kỳ hạn ngoại tệ. Các hợp đồng này được hạch toán tương tự như đối với các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh từ các ảnh hưởng lãi suất được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

**(l) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trích khấu hao ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian trích khấu hao ước tính như sau:

*nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25 năm
*máy móc thiết bị	3 - 4 năm
*phương tiện vận tải	6 năm
*các tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

**(m) Tài sản cố định vô hình****(i) Phần mềm vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(ii) Quyền sử dụng đất***Quyền sử dụng đất có thời hạn*

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất có thời hạn bao gồm giá mua đất và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 30 - 46 năm.

*Quyền sử dụng đất vô thời hạn*

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất vô thời hạn bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

***(iii) Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

***(n) Bất động sản đầu tư******(i) Bất động sản đầu tư cho thuê******Nguyên giá***

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng của bất động sản đầu tư cho thuê.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là 40 năm.

***(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(o) Các tài sản có khác**

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

MB xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Mức trích dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
*Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
*Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
*Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
*Từ ba (03) năm trở lên	100%

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí dự phòng rủi ro" trong năm.

**(p) Các khoản dự phòng**

**(i) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm**

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài ("Thông tư 125"), Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016 quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm ("Nghị định 73"), Công văn số 17755/BTC-QLBH ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính ("Công văn 17755") (áp dụng cho năm 2015 và các năm trước đó), và Công văn số 1938/BTC-QLBH ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính ("Công văn 1938") (áp dụng cho năm 2016).

**(ii) Các khoản dự phòng khác**

Một khoản dự phòng khác các khoản đã nêu trong các Thuyết minh 3(d), 3(e), 3(f), 3(h), 3(i), 3(j), 3(o) và 3(p) (i) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, MB có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***(q) Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua và sáp nhập một công ty khác. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Ngân hàng trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại sẽ được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

***(r) Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho MB từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho MB.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho MB trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được MB chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

***(s) Các khoản phải trả khác***

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

***(t) Vốn cổ phần******(i) Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

***(ii) Thặng dư vốn cổ phần***

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(u) Các quỹ dự trữ**

**(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng**

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng ("Nghị định 57"), trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc sau:

	<u>Phân phối hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế cho các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, ngoài hai quỹ dự trữ bắt buộc nêu trên, không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

**(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con**

**Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB AMC")**

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được MB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng. Các quỹ dự trữ và các quỹ vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("MBS") và công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("MB Capital")**

MBS và MB Capital trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Tỷ lệ trích lập hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác của MBS và MB Capital thực hiện việc trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**Công ty Tài chính TNHH Một thành viên MB ("MCredit")**

Theo Nghị định 57, MCredit phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội ("MIC") và Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ.



### **Các công ty con khác**

Các công ty con khác trích lập các quỹ dự trữ theo hướng dẫn của Ngân hàng. Các tỷ lệ trích lập thông thường phù hợp với các tỷ lệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Nghị định 57.

### **(v) Doanh thu**

#### **(i) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(h) được ghi nhận khi MB thực sự thu được.

Thu nhập lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của MBS được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

#### **(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng**

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

#### **(iii) Thu nhập từ hoạt động đầu tư**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của MB được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, MB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### **(iv) Doanh thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản**

Thu nhập từ kinh doanh bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **(v) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Nghị định 73, Thông tư 125 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 125. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm, cụ thể như sau:

- \* hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- \* có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; và
- \* hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào thu nhập khoản tiền cho bên mua bảo hiểm nợ mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng đối với mỗi loại sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt khi sản phẩm được phát hành. Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm. Các khoản doanh thu và chi phí liên quan đến các khoản nhận tái bảo hiểm mà bên nhượng tái bảo hiểm chưa gửi bản thanh toán về tái bảo hiểm được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của bên nhượng tái bảo hiểm.

#### **(w) Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

#### **(x) Chi phí hoạt động dịch vụ**

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### **(y) Chi phí cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi MB chấp nhận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho MB và MB chấp nhận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

#### **(z) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(aa) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(bb) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

***(cc) Báo cáo bộ phận***

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của MB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của MB là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

***(dd) Các bên liên quan***

Các bên được coi là bên liên quan của MB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi MB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

***(ee) Các cam kết và nợ tiềm ẩn***

MB có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. MB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh các cam kết chắc chắn về các dòng tiền dự kiến trong tương lai.

***(ff) Các công cụ tài chính***

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của MB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, MB phân loại các công cụ tài chính như sau:

***(i) Tài sản tài chính***

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MB xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà MB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được MB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được MB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà MB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được MB xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được MB xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà MB nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

***(ii) Nợ phải trả tài chính****Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được phát sinh chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, MB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về đo lường giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### 4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	1.161.239	974.289
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	355.432	258.508
Vàng	3.281	2.861
	<b>1.519.952</b>	<b>1.235.658</b>

#### 5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	9.280.759	7.638.016
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	277.966	178.518
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia (iii)	443.753	365.360
	<b>10.002.478</b>	<b>8.181.894</b>

(i) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thừa nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc ("DTBB"). Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2016	31/12/2015
Số dư bình quân tháng trước của:		
<i>Khách hàng</i>		
■ Tiền gửi bằng tiền tệ khác VND có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
■ Tiền gửi bằng tiền tệ khác VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
■ Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
■ Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%
<i>Tổ chức tín dụng nước ngoài</i>		
■ Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00%	1,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Dự trữ bắt buộc bằng VND	1,20%	1,20%
Dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,00%	0,00%

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Kip Lào ("LAK") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi bằng tiền tệ khác LAK có thời hạn dưới 12 tháng	10,00%	10,00%
Tiền gửi bằng tiền tệ khác LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn dưới 12 tháng	5,00%	5,00%
Tiền gửi bằng LAK có thời hạn từ 12 tháng trở lên	0,00%	0,00%

Các khoản tiền gửi ký quỹ tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

(iii) Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ bằng Campuchia Riels ("KHR") và ngoại tệ khác liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày nhận với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi bằng tiền tệ khác KHR	12,50%	12,50%
Tiền gửi bằng KHR	8,00%	8,00%

Khoản dự trữ 8% bằng KHR không được hưởng lãi suất, khoản dự trữ 12,50% bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Ngân hàng Quốc gia Campuchia quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn.



Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Dự trữ bắt buộc bằng USD	0,20% - 0,38%	0,10%
Dự trữ bắt buộc bằng KHR	0,00%	0,00%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,20% - 0,38%	0,50%
Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng KHR	0,00%	0,75%

## 6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	587.283	566.885
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.164.561	6.226.458
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	9.133.249	6.699.790
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	-	4.291.814
<b>Cho vay các TCTD khác</b>		
Cho vay bằng VND	13.678.613	9.617.139
Cho vay bằng ngoại tệ	585.309	1.525.864
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác (i)	(196.216)	(269.000)
	<b>26.952.799</b>	<b>28.658.950</b>

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	26.953.015	28.663.950
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	196.000	264.000
	<b>27.149.015</b>	<b>28.927.950</b>

(i) Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dự phòng cụ thể	196.216	269.000

Biến động dự phòng chung tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
<b>Số dư đầu năm</b>	269.000	442.500
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(72.784)	(173.500)
<b>Số dư cuối năm</b>	196.216	269.000

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,70% - 5,90%	4,70% - 5,40%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,90% - 2,40%	0,10% - 1,00%
Cho vay bằng VND	4,60% - 5,80%	5,00% - 5,20%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,00% - 2,50%	1,20%

## 7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Chứng khoán nợ</b>		
*Trái phiếu Chính phủ	-	1.475.114
*Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh	-	1.379.457
*Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	-	112.159
<b>Chứng khoán vốn</b>		
*Chứng khoán vốn do các TCTD trong nước phát hành	9.273	4.257
*Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	712.595	488.792
*Chứng khoán vốn khác	338.797	154.530
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(134.670)	(145.242)
	<b>925.995</b>	<b>3.469.067</b>

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Chứng khoán nợ</b>		
* Chưa niêm yết	-	2.966.730
<b>Chứng khoán vốn</b>		
* Đã niêm yết	511.805	578.922
* Chưa niêm yết	548.860	68.657
	<b>1.060.665</b>	<b>3.614.309</b>

## 7. Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>145.242</b>	<b>89.198</b>
Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	16.851	-
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	(27.391)	56.044
Sử dụng dự phòng trong năm	(32)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>134.670</b>	<b>145.242</b>

## 8. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)		Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
	Triệu VND	Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	4.931.999	36.636	-	36.636
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	12.378.859	16.783	-	16.783
	<b>17.310.858</b>	<b>53.419</b>	<b>-</b>	<b>53.419</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	7.116.212	33.740	-	33.740
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.748.854	62.697	-	62.697
	<b>12.865.066</b>	<b>96.437</b>	<b>-</b>	<b>96.437</b>

## 9. Cho vay khách hàng

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Cho vay khách hàng của Ngân hàng</b>		
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	144.722.659	116.341.975
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	430.924	432.151
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	484.849	533.357
Các khoản trả thay cho khách hàng	-	19.796
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	2.809.446	2.627.945
<b>Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>		
Các hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán ("REPO"), hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	2.289.824	1.393.406
	<b>150.737.702</b>	<b>121.348.630</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	144.555.920	115.624.100
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	1.904.761	2.381.530
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	896.027	425.343
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	476.547	442.136
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	614.623	1.082.115
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	2.289.824	1.393.406
	<b>150.737.702</b>	<b>121.348.630</b>

## 9. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Phân tích dư nợ theo thời gian như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Cho vay khách hàng của Ngân hàng</b>		
Ngắn hạn	71.772.504	62.310.541
Trung hạn	29.174.292	23.886.445
Dài hạn	47.501.082	33.758.238
<b>Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>		
Các hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán ("REPO"), hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	2.289.824	1.393.406
	150.737.702	121.348.630

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2016 Triệu VND	%	31/12/2015 Triệu VND	%
<b>Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng</b>				
Cho vay các TCKT	99.979.943	66,33	85.429.402	70,39
<i>Công ty Nhà nước</i>	4.047.755	2,70	4.618.039	3,81
<i>Công ty TNHH MTV Vốn Nhà nước 100%</i>	9.137.795	6,06	9.462.984	7,80
<i>Công ty Cổ phần Vốn Nhà nước lớn hơn 50% (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)</i>	275.504	0,18	236.835	0,20
<i>Công ty TNHH khác</i>	34.206.595	22,69	25.657.511	21,14
<i>Công ty Cổ phần Vốn Nhà nước lớn hơn 50% (Nhà nước chiếm cổ phần chi phối)</i>	7.831.438	5,20	9.636.970	7,94
<i>Công ty cổ phần khác</i>	38.933.748	25,83	33.029.850	27,20
<i>Doanh nghiệp tư nhân</i>	2.331.261	1,55	1.884.653	1,55
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>	2.877.505	1,91	713.785	0,59
<i>Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã</i>	338.342	0,21	188.775	0,16
Cho vay cá nhân	45.053.274	29,89	31.279.104	25,78

Hộ kinh doanh, cá nhân	45.053.274	29,89	31.279.104	25,78
Cho vay khác	605.215	0,40	618.773	0,51
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, Đoàn thể và hiệp hội	412.340	0,27	397.121	0,33
Thành phần kinh tế khác	192.875	0,13	221.652	0,18
Cho vay tại các Chi nhánh nước ngoài	2.809.446	1,86	2.627.945	2,17
Cho vay doanh nghiệp	2.206.153	1,46	2.243.608	1,85
Cho vay cá nhân	603.293	0,40	384.337	0,32
	<b>148.447.878</b>	<b>98,48</b>	<b>119.955.224</b>	<b>98,85</b>

**Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB**

Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	2.289.824	1,52	1.393.406	1,15
	<b>150.737.702</b>	<b>100</b>	<b>121.348.630</b>	<b>100</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	<b>31/12/2016</b>	<b>%</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>%</b>
	<b>Triệu VND</b>		<b>Triệu VND</b>	
<b>Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng</b>				
Nông lâm nghiệp, thủy sản	2.054.667	1,36	1.892.700	1,56
Khai khoáng	3.346.030	2,22	3.622.702	2,99
Công nghiệp chế biến, chế tạo	23.770.461	15,76	19.879.561	16,38
SX&PP điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	5.468.420	3,63	4.222.497	3,48
Cung cấp nước, QL&XL rác thải, nước thải	544.159	0,36	251.939	0,21
Xây dựng	14.172.008	9,40	10.600.141	8,74
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	36.893.657	24,48	33.570.465	27,65
Vận tải, kho bãi	11.183.378	7,42	10.353.397	8,53
Dịch vụ lưu trú & ăn uống	1.700.284	1,13	1.046.599	0,86
Thông tin & truyền thông	3.271.982	2,17	2.611.501	2,15



Hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	548.658	0,36	724.406	0,60
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6.435.478	4,27	4.603.442	3,79
Hoạt động chuyên môn, khoa học & công nghệ	243.171	0,16	250.806	0,21
Hoạt động hành chính & dịch vụ hỗ trợ	665.285	0,44	505.878	0,42
Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị xã hội, QLNN, ANQP, Bảo đảm xã hội bắt buộc	-	0,00	52.859	0,04
Giáo dục và đào tạo	242.091	0,16	69.234	0,06
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	277.107	0,18	259.041	0,21
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	74.827	0,05	43.401	0,04
Hoạt động dịch vụ khác	327.264	0,23	275.095	0,23
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	34.419.505	22,84	22.491.615	18,53
Dư nợ tại Chi nhánh nước ngoài	2.809.446	1,86	2.627.945	2,17
	<b>148.447.878</b>	<b>98,48</b>	<b>119.955.224</b>	<b>98,85</b>
<b>Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB</b>				
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng	2.289.824	1,52	1.393.406	1,15
	<b>150.737.702</b>	<b>100</b>	<b>121.348.630</b>	<b>100</b>

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
Cho vay bằng VND	6,50% - 14,50%	6,20% - 10,00%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,65% - 4,75%	2,65% - 4,75%

## 10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	1.097.297	868.954
Dự phòng cụ thể (ii)	953.016	1.107.428
	<b>2.050.313</b>	<b>1.976.382</b>

(i) Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

Năm kết thúc ngày 31/12/2016			
	Tại Việt Nam Triệu VND Kỳ hạn	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND ất năm	Tổng cộng Triệu VND Kỳ hạn
Số dư đầu năm	847.387	21.567	868.954
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	228.175	(394)	227.781
Tăng do sáp nhập SDFC	562	-	562
Số dư cuối năm	1.076.124	21.173	1.097.297

Năm kết thúc ngày 31/12/2015			
	Tại Việt Nam Triệu VND Kỳ hạn	Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND ất năm	Tổng cộng Triệu VND Kỳ hạn
Số dư đầu năm	692.919	14.202	707.121
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm (Thuyết minh 31)	154.468	7.365	161.833
Tăng do sáp nhập SDFC	-	-	-
Số dư cuối năm	847.387	21.567	868.954

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016</b>			
	<b>Tại Việt Nam Triệu VND Kỳ hạn</b>	<b>Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND ất năm</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND Kỳ hạn</b>
Số dư đầu năm	1.017.866	89.562	1.107.428
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 31)	537.171	48.859	586.030
Tăng do sáp nhập SDFC	29.561	-	29.561
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	(689.748)	(80.255)	(770.003)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>894.850</b>	<b>58.166</b>	<b>953.016</b>

<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015</b>			
	<b>Tại Việt Nam Triệu VND Kỳ hạn</b>	<b>Tại chi nhánh nước ngoài Triệu VND ất năm</b>	<b>Tổng cộng Triệu VND Kỳ hạn</b>
Số dư đầu năm	1.704.284	51.336	1.755.620
Trích lập dự phòng rủi ro trong năm (Thuyết minh 31)	1.498.436	48.812	1.547.248
Tăng do sáp nhập SDFC	-	-	-
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	(2.184.854)	(10.586)	(2.195.440)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.017.866</b>	<b>89.562</b>	<b>1.107.428</b>

## 11. Chứng khoán đầu tư

### Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
* Trái phiếu Chính phủ	22.017.624	18.919.916
* Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	17.434.868	18.828.069
* Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	5.863.358	1.280.756
* Trái phiếu do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	100.000	-
<i>Chứng khoán Vốn</i>		
* Cổ phiếu do các TCTD trong nước phát hành	105.000	110.000
* Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành	704.672	374.285
	<b>46.225.522</b>	<b>39.513.026</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	(94.693)	(57.432)
	<b>46.130.829</b>	<b>39.455.594</b>

### Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<i>Chứng khoán Nợ</i>		
* Trái phiếu Chính phủ	-	50.000
* Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	-	40.000
* Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	2.230.000	2.080.000
* Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	3.046.635	1.852.635
* Trái phiếu đặc biệt	3.404.718	4.047.501
	<b>8.681.353</b>	<b>8.070.136</b>

## 11. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	(1.526.262)	(765.532)
	7.155.091	7.304.604
	<b>53.285.920</b>	<b>46.760.198</b>

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>				
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	6 tháng - 15 năm	4,65% - 12,60%	3 tháng - 15 năm	0,00% - 13,20%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	10 tháng - 5 năm	5,56% - 10,35%	6 tháng - 5 năm	7,90% - 10,33%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	5 năm	9,15%	Không áp dụng	Không áp dụng
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh	Không áp dụng	Không áp dụng	5 năm	12,30% - 12,60%
Trái phiếu do các TCTD trong nước phát hành	3 năm - 11 năm	9,00% - 14,00%	3 năm - 11 năm	9,00% - 14,00%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1 năm - 10 năm	0,00% - 11,00%	3 năm - 10 năm	0,00% - 14,40%

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	57.432	96.807
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	37.261	(20.774)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(18.601)
Số dư cuối năm	94.693	57.432

## 11. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

(ii) Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	765.532	227.009
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	34.428	26.081
Tăng do sáp nhập SDFC	271.083	-
- Trong đó: Dự phòng của trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	150.970	-
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro	(545.360)	-
<b>Dự phòng trái phiếu đặc biệt (Thuyết minh 31)</b>	<b>1.000.579</b>	<b>512.442</b>
Số dư cuối năm	1.526.262	765.532

Số dư dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm 1.248.053 triệu VND dự phòng trái phiếu đặc biệt (31/12/2015: 641.864 triệu VND).

Phân tích chất lượng chứng khoán nợ chưa niêm yết (không bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ bảo lãnh và trái phiếu đặc biệt) được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	7.800.941	2.741.181
Nợ cần chú ý	400.000	280.000
	<b>8.200.941</b>	<b>3.021.181</b>

## 12. Đầu tư dài hạn

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	108.761	362.470
Đầu tư dài hạn khác (ii)	866.557	1.464.944
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (iii)	(133.059)	(221.292)
	842.259	1.606.122

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Giá trị ròng theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu VND
Công ty Cổ phần VIETASSET	45,00%	25.000	25.000
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	44,39%	65.675	68.461
Công ty Cổ phần Đầu tư MIC	47,40%	15.300	15.300
		105.975	108.761

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Giá trị ròng theo phương pháp vốn chủ sở hữu Triệu VND
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	49,77%	258.591	268.492
Công ty Cổ phần VIETASSET	45,00%	25.000	25.000
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	44,39%	65.675	68.978
		349.266	362.470



## 12. Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	527.615	718.397
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	-	88.000
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	28.166	35.443
Đầu tư vào các dự án dài hạn	310.776	623.104
	<b>866.557</b>	<b>1.464.944</b>

(iii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	<b>221.292</b>	173.042
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	25.613	48.250
Sử dụng dự phòng trong năm	(117.543)	-
Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	7	-
Tăng do sáp nhập SDFC	3.690	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>133.059</b>	<b>221.292</b>

### 13. Tài sản cố định hữu hình

*Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	483.617	722.027	487.691	126.844	1.820.179
Tăng trong năm	734.299	157.203	68.950	15.252	975.704
Giảm trong năm	(40.989)	(8.813)	(12.018)	(2.020)	(63.840)
Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	56.772	4.866	54.436	-	116.074
Tăng do sáp nhập SDFC	-	1.399	2.514	238	4.151
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.233.699	876.682	601.573	140.314	2.852.268
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	68.355	600.596	335.175	84.968	1.089.094
Khấu hao trong năm	36.604	102.929	68.510	27.701	235.744
Giảm trong năm	(9.603)	(10.188)	(3.703)	(3.306)	(26.800)
Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	6.546	2.769	26.601	-	35.916
Tăng do sáp nhập SDFC	-	1.374	2.514	212	4.100
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	101.902	697.480	429.097	109.575	1.338.054
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	415.262	121.431	152.516	41.876	731.085
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.131.797	179.202	172.476	30.739	1.514.214

### 13. Tài sản cố định hữu hình (TIẾP THEO)

*Biến động của tài sản cố định hữu hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Các tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	428.987	655.434	440.162	119.210	1.643.793
Tăng trong năm	54.630	69.286	47.636	8.835	180.387
Giảm trong năm	-	(2.693)	(107)	(1.201)	(4.001)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	483.617	722.027	487.691	126.844	1.820.179
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	49.477	497.618	258.546	62.982	868.623
Khấu hao trong năm	18.878	106.362	76.629	23.063	224.932
Giảm trong năm	-	(3.384)	-	(1.077)	(4.461)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	68.355	600.596	335.175	84.968	1.089.094
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	379.510	157.816	181.616	56.228	775.170
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	415.262	121.431	152.516	41.876	731.085

## 14. Tài sản cố định vô hình

*Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016*

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Các tài sản vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	933.908	363.495	277.311	1.574.714
Tăng trong năm	13.980	75.806	2.677	92.463
Thanh lý	-	(6.662)	-	(6.662)
Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	17.052	1.902	-	18.954
Tăng do sáp nhập SDFC	-	2.077	-	2.077
Giảm khác	-	(87)	(277.311)	(277.398)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	964.940	436.531	2.677	1.404.148
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	87.506	286.604	-	374.110
Khấu hao trong năm	17.717	71.448	193	89.358
Thanh lý	-	(6.662)	-	(6.662)
Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	-	1.887	-	1.887
Tăng do sáp nhập SDFC	-	1.912	-	1.912
Giảm khác	-	(87)	-	(87)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	105.223	355.102	193	460.518
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	846.402	76.891	277.311	1.200.604
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	859.717	81.429	2.484	943.630

## 14. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

*Biến động của tài sản cố định vô hình cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015*

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Các tài sản vô hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	914.588	266.069	277.311	1.457.968
Tăng trong năm	19.320	97.426	-	116.746
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	933.908	363.495	277.311	1.574.714
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	70.038	235.768	-	305.806
Khấu hao trong năm	17.468	50.836	-	68.304
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	87.506	286.604	-	374.110
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	844.550	30.301	277.311	1.152.162
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	846.402	76.891	277.311	1.200.604

## 15. Bất động sản đầu tư

*Biến động của bất động sản đầu tư cho năm 2016 và cho năm 2015 như sau:*

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	301.988	273.170
Tăng trong năm	-	37.905
Giảm trong năm	(146.260)	(9.087)
Số dư cuối năm	155.728	301.988

## 15. Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

### Hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	3.537	505
Khấu hao trong năm	3.016	3.032
Số dư cuối năm	6.553	3.537

### Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	298.451	272.665
Số dư cuối năm	149.175	298.451

Bao gồm trong nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá với giá trị ghi sổ là 35.078 triệu VND (31/12/2015: 177.695 triệu VND). Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không xác định được một cách đáng tin cậy do không có các giao dịch gần đây trên thị trường cho các bất động sản tương tự và cùng địa điểm.

## 16. Tài sản Có khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Xây dựng cơ bản dở dang	1.725.526	208.818
Các khoản phải thu nội bộ	98.267	84.906
Các khoản tạm ứng và đặt cọc hợp đồng xây dựng	1.766.102	4.067.625
Các khoản đặt cọc hợp đồng đại lý bảo hiểm	-	226.434
Các khoản ký quỹ bảo lãnh tại ngân hàng nước ngoài	57.809	80.551
Dịch vụ thanh toán trước hối phiếu theo LC	1.696.277	-
Phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng (Nhóm 5 * Nợ có khả năng mất vốn)	70.464	-
Các khoản phải thu khách hàng tại các công ty con	687.928	487.371

## 16. Tài sản Có khác (tiếp theo)

Các khoản trả trước cho người bán	66.427	61.106
Phải thu từ dịch vụ Bank Plus	341.265	89.265
Các khoản phải thu khác	891.481	351.090
	7.401.546	5.657.166
Các khoản lãi và phí phải thu	2.929.142	2.865.221
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 32)	1.641	1.805
<b>Tài sản Có khác</b>		
Chi phí chờ phân bổ	554.016	422.544
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 17)	84.835	-
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD	868.737	657.419
Các tài sản có khác	49.018	41.942
	1.556.606	1.121.905
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác (i)	(507.665 )	(214.818)
	11.381.270	9.431.279

(i) Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác:

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số dư đầu năm	214.818	161.774
Trích lập dự phòng thuần trong năm (Thuyết minh 31)	288.498	54.045
Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	5.235	-
Tăng do sáp nhập SDFC	40.621	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(41.507)	(1.001)
Số dư cuối năm	507.665	214.818



## 17. Lợi thế thương mại

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")</b>	<b>94.261</b>	-
Thời gian phân bổ (năm)	10	-
- Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	-	-
- Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	-	-
Lợi thế thương mại tăng trong năm	94.261	-
- LTTM phát sinh trong năm (Thuyết minh 39)	94.261	-
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(9.426)	-
- Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(9.426)	-
Tổng giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	84.835	-

Đây là giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập SDFC trong năm 2016.

## 18. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	28.717	39.439
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	59.691	237.502
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	9.639.384	2.565.142
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.108.859	641.516
	<b>12.836.651</b>	<b>3.483.599</b>

## 18. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác (tiếp theo)

### Tiền vay

Tiền vay bằng VND	8.153.613	3.828.877
Tiền vay bằng ngoại tệ	3.722.712	197.010
	<b>11.876.325</b>	<b>4.025.887</b>
	<b>24.712.976</b>	<b>7.509.486</b>

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi i có kỳ hạn bằng VND	4,10% - 5,30%	4,60% - 5,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,80% - 1,80%	0,10%
Tiền vay bằng VND	4,00% - 5,20%	4,50% - 6,25%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,60% - 2,00%	0,15% - 0,20%

## 19 .Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	41.991.572	33.411.670
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	24.104.557	23.136.215
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	114.494.086	100.830.732
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.040.221	6.081.658

## 19. Tiền gửi của khách hàng (tiếp theo)

### Tiền gửi vốn chuyên dụng

Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	654.655	695.792
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	230.029	40.684

### Tiền ký quỹ

Tiền ký quỹ bằng VND	8.994.851	13.086.294
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	302.426	4.282.339
	<b>194.812.397</b>	<b>181.565.384</b>

### Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>Triệu VND</b>	<b>31/12/2015</b> <b>Triệu VND</b>
Tổ chức kinh tế	110.714.552	108.575.880
Cá nhân	84.097.845	72.989.504
	<b>194.812.397</b>	<b>181.565.384</b>

### Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,30%	0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 7,00%	1,00% - 6,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo chính sách của MB theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của NHNNVN

## 20. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro là vốn nhận từ nguồn vốn viện trợ ODA Nhật Bản với Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) bằng VND thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khuôn khổ Dự án tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thỏa thuận khung được ký kết vào ngày 17 tháng 3 năm 2010. Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư có thời hạn là trung và dài hạn và có lãi suất năm theo kỳ trả nợ đầu tiên là khác nhau cho các lần nhận nợ khác nhau, sau đó được điều chỉnh hàng quý trong suốt thời hạn trả nợ của khoản vay. Lãi suất năm áp dụng cho năm 2016 là 4,92% (2015: từ 4,56% đến 4,92%).

## 21. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2016	31/12/2015
Trái phiếu phổ thông phát hành (i)	2.330.000	2.370.000
Giấy tờ có giá khác	36.953	80.058
	<b>2.366.953</b>	<b>2.450.058</b>

(i) Chi tiết trái phiếu phổ thông phát hành bao gồm:

Ngày phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Giá trị Triệu VND
28 tháng 12 năm 2010	11 năm	12,00%	2.000.000
17 tháng 11 năm 2015	3 năm	8,20%	70.000
15 tháng 6 năm 2015	3 năm	8,20%	100.000
28 tháng 3 năm 2016	3 năm	8,20%	77.000
13 tháng 6 năm 2016	3 năm	8,20%	24.000
25 tháng 10 năm 2016	3 năm	8,20%	59.000
			<b>2.330.000</b>

**22. Các khoản nợ khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>Triệu VND</b>	<b>31/12/2015</b> <b>Triệu VND</b>
Lãi và phí phải trả	2.345.611	1.786.044
Các khoản phải trả và công nợ khác	5.173.947	2.818.510
<i>Các khoản phải trả nội bộ</i>	954.270	386.195
<i>Ký quỹ của nhà đầu tư chứng khoán</i>	648.402	517.594
<i>Các khoản phải trả cho khách hàng</i>	2.204.067	650.544
<i>Các khoản phải trả cổ tức</i>	18.617	18.617
<i>Phải trả liên quan đến dự án bất động sản</i>	3.721	102.996
<i>Các khoản phải trả khác</i>	1.212.984	1.032.152
<i>Thuế phải trả (Thuyết minh 37)</i>	131.886	110.412
	<b>7.519.558</b>	<b>4.604.554</b>

## 23. Vốn chủ sở hữu

### (i) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm 2016 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	16.000.000	718.524	1.337.439	676.274	227.978	3.633.134	589.702	23.183.051
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	311.818	109.673	-	-	-	-	-	421.491
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	815.591	-	-	-	-	(815.591)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.911.803	(28.252)	2.883.551
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2015	-	-	252.206	127.141	188.965	(568.312)	-	-
Tạm trích quỹ cho năm 2016	-	-	-	-	43.536	(43.536)	-	-
Tiền cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(22.185)	(22.185)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(165.843)	-	-	(165.843)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(154.770)	-	(154.770)
Trích quỹ dự trữ bắt buộc của các chi nhánh nước ngoài	-	-	-	-	755	(755)	-	-
Thu hồi tài sản góp vốn tại Công ty Cổ phần Địa ốc MB (*)	-	-	-	-	-	(272.835)	-	(272.835)
Tăng do mua Tổng Công Ty Bảo hiểm Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội	-	-	-	-	10.313	10.199	267.095	287.607
Tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi quyền sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	-	428.379	428.379
(Giảm)/tăng vốn và quỹ cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	(897)	(337)	(530)	-	1.764	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>17.127.409</b>	<b>828.197</b>	<b>1.588.748</b>	<b>803.078</b>	<b>305.174</b>	<b>4.699.337</b>	<b>1.236.503</b>	<b>26.588.446</b>

(\*) Tại ngày 24 tháng 2 năm 2016, Ngân hàng đã thực hiện chuyển 305.000.000.000 VND cho Công ty Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội để thực hiện việc hoán đổi vốn góp tại Công ty Cổ phần Địa ốc MB từ tài sản sang tiền mặt. Theo đó, Ngân hàng đã nhận lại tài sản góp vốn trước đó là quần thể Khách sạn Asean và ghi giảm phần lợi nhuận chưa phân phối hình thành từ quá trình đánh giá lại tài sản tại thời điểm góp vốn tương đương với 272.835.480.399 VND. Việc hoán đổi vốn góp này được phê duyệt theo Quyết nghị của Thường trực Hội đồng Quản trị tại Thông báo số 112.1/TB-MB-HĐQT ngày 3 tháng 2 năm 2016.

## 23. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

### (i) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của MB và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong năm 2015 như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	11.593.938	338.421	1.099.548	556.687	183.500	2.788.992	587.126	17.148.212
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	4.058.244	380.103	-	-	-	-	-	4.438.347
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.495.993	16.141	2.512.134
Tăng vốn do trả cổ tức bằng cổ phiếu	347.818	-	-	-	-	(347.818)	-	-
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2014	-	-	237.053	119.346	172.740	(529.139)	-	-
Tạm trích các quỹ cho năm 2015	-	-	1.187	-	37.763	(38.950)	-	-
Tiền cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(579.697)	(1.475)	(581.172)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(168.288)	-	-	(168.288)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(153.658)	-	(153.658)
Trích quỹ dự trữ bắt buộc của các chi nhánh nước ngoài	-	-	-	-	2.675	(2.675)	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	86	-	86
Tăng lợi ích cổ đông không kiểm soát do thay đổi quyền sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	-	(12.610)	(12.610)
(Giảm)/tăng vốn và quỹ cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	(349)	241	(412)	-	520	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	16.000.000	718.524	1.337.439	676.274	227.978	3.633.134	589.702	23.183.051

## 23. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

### (ii) Vốn điều lệ

<b>31/12/2016</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>1.712.740.909</b>	<b>17.127.409</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.712.740.909	17.127.409
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.712.740.909	17.127.409
<b>31/12/2015</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000.000	16.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000.000	16.000.000

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

### (iii) Cổ tức

Ngày 28 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đã quyết định phân phối khoản cổ tức 815.591 triệu VND thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ phân phối là 100 : 5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận 5 cổ phiếu phát hành thêm) (2015: phân phối 347.818 triệu VND thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ phân phối là 100: 3 và phân phối 579.697 triệu VND bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5% vốn điều lệ).



## 24. Thu nhập lãi thuần

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
<i>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ</i>		
Tiền gửi tại các TCTD	340.619	290.637
Cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác	10.900.297	8.429.873
Các khoản đầu tư chứng khoán nợ	3.321.269	4.077.335
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	792.848	614.513
Các hoạt động tín dụng khác	197.444	125.270
	<b>15.552.477</b>	<b>13.537.628</b>
<i>Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự cho</i>		
Các khoản tiền gửi của các TCTD khác và khách hàng	(6.503.004)	(5.439.621)
Các khoản tiền vay các TCTD khác	<b>(549.251)</b>	<b>(350.064)</b>
Phát hành giấy tờ có giá	(272.412)	(263.710)
Các hoạt động tín dụng khác	(248.866)	(165.703)
	<b>(7.573.533)</b>	<b>(6.219.098)</b>
Thu nhập lãi thuần	7.978.944	7.318.530

## 25. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	411.470	324.555
Dịch vụ chứng khoán	203.605	123.831
Dịch vụ quản lý quỹ	10.579	14.627
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khách sạn	27.056	77.917
Doanh thu từ hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	54.635	61.670
Doanh thu từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	238.923	205.166
Dịch vụ khác	351.622	720.204
	<b>1.297.890</b>	<b>1.527.970</b>
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(290.172)	(94.102)
Chi phí về dịch vụ chứng khoán	(83.494)	(26.016)
Chi phí cho hoạt động kinh doanh khách sạn	(3)	(49.570)
Chi phí cho hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	(28.699)	(40.912)
Chi phí từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	(102.508)	(161.321)
Dịch vụ khác	(110.374)	(612.211)
	<b>(615.250)</b>	<b>(984.132)</b>
<i>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</i>	<b>682.640</b>	<b>543.838</b>

## 26. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
<i>Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	380.809	301.844
Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	259.466	228.054
	640.275	529.898
<i>Chi phí cho kinh doanh ngoại hối và vàng</i>		
Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(226.478)	(227.598)
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(300.443)	(143.252)
	<b>(526.921)</b>	<b>(370.850)</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>113.354</b>	<b>159.048</b>

## 27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn đầu tư dài hạn	530.887	630.468
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn đầu tư dài hạn	(359.533)	(386.833)
	171.354	243.635
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	27.391	(56.044)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 11)	(37.261)	20.774
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11)	(34.428)	(26.081)
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 12)	(25.613)	(48.250)
	<b>(69.911)</b>	<b>(109.601)</b>
	<b>101.443</b>	<b>134.034</b>

## 28. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
<b><i>Thu nhập từ hoạt động khác</i></b>		
Thu từ các khoản nợ đã xử lý	508.786	458.775
Thu từ hoạt động ủy thác	2.305	7.227
Thu từ thanh lý tài sản	345.386	86
Thu từ các hoạt động kinh doanh bất động sản	19.817	34.101
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh khác	42.117	70.153
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	100.962	40.920
	1.019.373	611.262
<b><i>Chi phí hoạt động khác</i></b>		
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(44.735)	(62.893)
Chi cho hoạt động kinh doanh khác khác	(97.819)	(23.630)
	(142.554)	(86.523)
	876.819	524.739

## 29. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Cổ tức năm trước chuyển về từ các công ty liên kết	17.418	-
Cổ tức nhận được từ góp vốn, mua cổ phần	27.135	42.989
Cổ tức nhận được từ chứng khoán kinh doanh	21.040	23.506
Cổ tức/phần chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên kết	36.564	25.184
	<b>102.157</b>	<b>91.679</b>

## 30. Chi phí hoạt động

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	<b>223.794</b>	161.967
Lương và các chi phí liên quan	2.222.110	1.660.746
<i>Chi phí lương và phụ cấp</i>	<i>2.072.052</i>	<i>1.535.745</i>
<i>Các chi phí theo lương</i>	<i>142.287</i>	<i>119.792</i>
<i>Chi trợ cấp thất nghiệp</i>	<i>1.991</i>	<i>1.717</i>
<i>Chi công tác xã hội</i>	<i>5.780</i>	<i>3.492</i>
Chi phí về tài sản	821.682	741.143
Trong đó:		
<i>Chi phí khấu hao</i>	<i>328.118</i>	<i>296.267</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>344.933</i>	<i>303.485</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	557.323	521.690
Trong đó:		
<i>Chi cho hoạt động quản lý công vụ</i>	<i>59.112</i>	<i>56.282</i>
<i>Chi phí quảng cáo, tiếp thị và thông tin liên lạc</i>	<i>254.992</i>	<i>224.499</i>
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	121.902	97.806
Chi phí hoạt động khác	227.857	265.777
	<b>4.174.668</b>	<b>3.449.129</b>

### 31. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Hoàn nhập dự phòng cụ thể tiền gửi và cho vay các TCTD khác	6	(72.784)	(173.500)
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	10	227.781	161.833
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	10	586.030	1.547.248
Trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	16	288.498	54.045
Trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	11	1.000.579	512.442
		<b>2.030.104</b>	<b>2.102.068</b>

### 32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	766.870	707.398
	766.870	707.398
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	164	1.139
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<b>767.034</b>	<b>708.537</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>Triệu VND</b>	<b>2015</b> <b>Triệu VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	3.650.585	3.220.671
Điều chỉnh cho các khoản		
- Thu nhập không chịu thuế	(99.248)	(88.706)
- Các giao dịch nội bộ được miễn trừ khi hợp nhất	202.299	7.964
- Lợi nhuận của các chi nhánh nước ngoài	(30.014)	(23.914)
- Lợi nhuận của các công ty con	(141.493)	(96.059)
- Tài sản thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận	580	20.314
- Các chênh lệch tạm thời	-	(5.175)
- Chi phí không được khấu trừ thuế	51.679	32.465
	<b>3.634.388</b>	<b>3.067.560</b>
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất của Ngân hàng	726.878	674.863
Thuế TNDN của các chi nhánh nước ngoài	9.649	7.579
Thuế TNDN của các công ty con	31.676	21.208
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước tại các công ty con	(1.333)	3.748
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại của các công ty con	164	1.139
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>767.034</b>	<b>708.537</b>

**(c) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Biến động tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	<b>2016</b> <b>Triệu VND</b>	<b>2015</b> <b>Triệu VND</b>
Số dư đầu kỳ	<b>1.805</b>	2.944
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước	(164)	(1.139)
Số dư cuối kỳ	1.641	1.805

**(d) Thuế suất áp dụng**

Ngân hàng và các công ty con, ngoại trừ MB Capital, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận kể từ năm 2016 (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của MB Capital cho năm 2016 được tính theo thuế suất 20% đối với thu nhập trước thuế từ hoạt động kinh doanh chính và 20% đối với thu nhập trước thuế từ các hoạt động kinh doanh khác trong năm (2015: áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với thu nhập trước thuế từ hoạt động kinh doanh chính và 22% đối với thu nhập trước thuế từ các hoạt động kinh doanh khác).

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng là 2.911.803 triệu VND (2015: 2.495.993 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.706.650.993 cổ phiếu (2015: 1.397.590.517 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.911.803	2.495.993

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2016	2015 Trình bày lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.600.000.000	1.159.393.750
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	21.091.902	117.855.864
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành bổ sung cho cổ đông hiện hữu trong năm	4.000.000	4.000.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm	81.559.091	116.340.903
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12	1.706.650.993	1.397.590.517



(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015 Trình bày lại	2015 Như đã trình bày trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.706	1.786 (*)	1.902

(\*) Trình bày lại tính đến ảnh hưởng của việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu bổ sung cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng và trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm.

Ngân hàng không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có ảnh hưởng suy giảm. Do vậy, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**34. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	1.519.952	1.235.658
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	10.002.478	8.181.894
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	11.326.640	16.584.814
	<b>22.849.070</b>	<b>26.002.366</b>

### 35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, MB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của MB.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>Số dư</b>	
	<b>31/12/2016 Triệu VND Phải thu/(Phải trả)</b>	<b>31/12/2015 Triệu VND Phải thu/(Phải trả)</b>
<b>Cổ đông lớn</b>		
Tiền gửi tại Ngân hàng	(9.808.305)	(11.483.885)
Tiền Ngân hàng cho vay	2.377.649	3.247.590
Tiền Ngân hàng vay	(3.700.000)	(2.000.000)
Tiền Ngân hàng gửi	2.603.123	3.017.270
Phát hành giấy tờ có giá	<b>(2.000.000)</b>	<b>(2.000.000)</b>
	<b>Giao dịch</b>	
	<b>2016 Triệu VND</b>	<b>2015 Triệu VND</b>
<b>Cổ đông lớn</b>		
Chi phí lãi tiền gửi	(678.073)	(736.807)
Chi phí lãi tiền vay	(226.230)	(227.536)
Chi phí lãi từ giấy tờ có giá đã phát hành	(238.000)	(238.000)
Thu nhập lãi tiền gửi	10.093	-
Thu nhập lãi tiền vay	304.058	371.997

### 36. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	9.975	7.204
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương và phụ cấp	1.317.368	953.442
2. Thưởng	452.811	346.389
3. Thu nhập khác	301.873	235.914
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>2.072.052</b>	<b>1.535.745</b>
Tiền lương bình quân tháng	11,01	11,03
Thu nhập bình quân tháng	17,31	17,76

### 37. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	1/1/2016 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Tăng do mua Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	50.749	132.123	13.681	(172.338)	24.215
Thuế thu nhập doanh nghiệp	31.286	766.870	15.848	(736.336)	77.668
Các loại thuế khác	28.377	307.566	937	(306.877)	30.003
	<b>110.412</b>	<b>1.206.559</b>	<b>30.466</b>	<b>(1.215.551)</b>	<b>131.886</b>

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	1/1/2015 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.520	108.570	(65.341)	50.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	158.280	707.398	(834.392)	31.286
Các loại thuế khác	48.469	240.474	(260.566)	28.377
	<b>214.269</b>	<b>1.056.442</b>	<b>(1.160.299)</b>	<b>110.412</b>

### 38. Báo cáo bộ phận

Mức độ tập trung của tài sản, nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng theo khu vực địa lý

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho vay khách hàng gộp Triệu VND	Tiền gửi của khách hàng Triệu VND	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng Triệu VND	Công cụ tài chính phái sinh Triệu VND	Đầu tư chứng khoán - gộp Triệu VND
Trong nước	147.928.256	194.027.056	74.161.541	17.310.858	55.967.540
Nước ngoài	2.809.446	785.341	-	-	-
	150.737.702	194.812.397	74.161.541	17.310.858	55.967.540

Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Cho vay khách hàng - gộp Triệu VND	Tiền gửi của khách hàng Triệu VND	Nợ tiềm tàng và các cam kết tín dụng Triệu VND	Công cụ tài chính phái sinh Triệu VND	Đầu tư chứng khoán - gộp Triệu VND
Trong nước	118.720.685	181.024.833	70.423.537	12.865.066	51.197.471
Nước ngoài	2.627.945	540.551	-	-	-
	121.348.630	181.565.384	70.423.537	12.865.066	51.197.471

Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý

MB theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	185.330.754	16.159.939	51.037.528	3.730.279	256.258.500
Nợ phải trả	160.752.310	15.818.111	49.421.248	3.678.385	229.670.054
Tài sản cố định - thuần	2.097.785	87.299	243.535	29.225	2.457.844
<b>2016</b>					
Doanh thu	9.369.652	1.976.536	6.450.438	288.625	18.085.251
Chi phí	7.144.931	1.762.029	5.269.095	258.611	14.434.666
Lợi nhuận trước thuế	2.224.721	214.507	1.181.343	30.014	3.650.585

31 tháng 12 năm 2015	Miền Bắc Triệu VND	Miền Trung Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	159.993.011	11.642.655	45.962.472	3.443.855	221.041.993
Nợ phải trả	139.791.213	11.542.763	43.118.652	3.406.314	197.858.942
Tài sản cố định - thuần	1.646.611	65.452	192.905	26.721	1.931.689
<b>2015</b>					
Doanh thu	8.877.886	1.459.155	5.516.080	208.500	16.061.621
Chi phí	6.312.729	1.324.200	5.019.435	184.586	12.840.950
Lợi nhuận trước thuế	2.565.157	134.955	496.645	23.914	3.220.671

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực hoạt động*

Cho mục đích quản lý, MB được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực như sau:

■ **Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp:**

Các dịch vụ, sản phẩm cung cấp cho các khách hàng cá nhân bao gồm:

- tiền gửi khách hàng
- tín dụng;
- dịch vụ thẻ và dịch vụ chuyển tiền;

Các dịch vụ cho các khách hàng doanh nghiệp như cung cấp tín dụng, bảo lãnh, tiền gửi...

■ **Đầu tư:**

Đầu tư chứng khoán và bất động sản.

■ **Hoạt động liên ngân hàng:**

Các hoạt động huy động, cho vay và các hoạt động khác liên ngân hàng.

■ **Khối quản lý tài sản:**

Các quỹ đầu tư tại Ngân hàng và hoạt động của MB AMC

■ **Các hoạt động chung không phân bổ:**

Các hoạt động chung không phân bổ tại Ngân hàng và hoạt động của các công ty con khác MB AMC

### 38. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

MB hoạt động trong lĩnh vực khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, đầu tư, hoạt động liên ngân hàng, khối quản lý tài sản và hoạt động không phân bổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp Triệu VND	Đầu tư Triệu VND	Hoạt động liên ngân hàng Triệu VND	Khối quản lý tài sản Triệu VND	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm Triệu VND	Hoạt động chung không phân bổ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	152.434.049	51.939.271	24.554.912	2.145.154	<b>4.020.337</b>	21.164.777	256.258.500
Nợ phải trả	197.421.284	2.000.000	24.140.703	932.115	<b>2.100.129</b>	3.075.823	229.670.054
Tài sản cố định - thuần	-	-	-	35.536	<b>137.314</b>	2.284.994	2.457.844
<b>2016</b>							
Doanh thu	5.467.195	2.444.694	1.107.884	519.855	<b>270.576</b>	8.275.047	18.085.251
Chi phí	247.020	313.249	585.055	475.833	<b>287.691</b>	12.525.818	14.434.666
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	5.220.175	2.131.445	522.829	44.022	<b>(17.115)</b>	(4.250.771)	3.650.585
Tại 31 tháng 12 năm 2015	Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp Triệu VND	Đầu tư Triệu VND	Hoạt động liên ngân hàng Triệu VND	Khối quản lý tài sản Triệu VND	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm Triệu VND	Hoạt động chung không phân bổ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản	122.008.388	47.721.041	28.428.691	2.202.717	-	20.681.156	221.041.993
Nợ phải trả	185.201.860	2.000.000	7.173.104	1.025.062	-	2.458.916	197.858.942
Tài sản cố định - thuần	-	-	-	2.200	-	1.929.489	1.931.689
<b>2015</b>							
Doanh thu	9.460.818	4.138.993	278.998	366.299	-	<b>1.816.513</b>	16.061.621
Chi phí	7.318.795	857.028	283.078	356.726	-	<b>4.025.323</b>	12.840.950
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	2.142.023	3.281.965	(4.080)	9.573	-	<b>(2.208.810)</b>	3.220.671

### 39. Hợp nhất kinh doanh

Như được trình bày tại Thuyết minh 1, trong năm 2016 Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục để sáp nhập SDFC, một công ty tài chính được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của SDFC là cung cấp các dịch vụ tài chính đã đăng ký theo quy định của pháp luật.

Ngày 17 tháng 3 năm 2016, Ngân hàng hoàn thành việc phát hành 31.181.818 cổ phiếu, tương đương với 461.490.906.400 VND, để hoán đổi với 68.600.000 cổ phiếu của SDFC, tương đương với 100% vốn điều lệ của SDFC. Giấy phép thành lập và hoạt động số 137/GP-NHNN do Thống đốc NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 cho SDFC, đã được thu hồi theo Quyết định số 145/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 4 tháng 2 năm 2016, chính thức hết hiệu lực từ ngày 18 tháng 3 năm 2016.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN	41	-	41
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	12.824	-	12.824
Cho vay khách hàng	100.488	-	100.488
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(30.123)	-	(30.123)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.090	-	9.090
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	566.344	-	566.344
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(274.773)	-	(274.773)
Đầu tư dài hạn khác	3.000	-	3.000
Tài sản cố định hữu hình	51	-	51
Tài sản cố định vô hình	165	-	165
Tài sản Có khác – gộp	124.549	-	124.549
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(40.621)	-	(40.621)
Vay các tổ chức tín dụng khác	(68.000)	-	(68.000)
Các khoản nợ khác	(35.805)	-	(35.805)
Tài sản thuần có thể xác định được của SDFC	367.230	-	367.230
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua SDFC			94.261
			461.491

### 39. Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 3 tháng 11 năm 2016, Ngân hàng hoàn tất việc thêm lại 23.186.425 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội, bao gồm 14.183.381 cổ phiếu mua trong đợt Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên để tăng vốn và 9.003.044 cổ phiếu mua trong đợt Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội chào bán ra công chúng đối với số cổ phần chào bán không hết cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên. Tổng số tiền thanh toán là 231.864.250.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội tăng từ 49,77% lên thành 60,09% và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội trở thành Công ty con của Ngân hàng từ ngày 3 tháng 11 năm 2016. Ngày 21 tháng 11 năm 2016, Ngân hàng hoàn tất việc mua thêm 7.598.375 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội từ các cổ đông khác, theo đó, tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội tăng lên 69,58%.

### 40. Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp thông tin về các rủi ro mà MB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Điều hành MB sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà MB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

#### (i) Chính sách quản lý rủi ro

Định hướng của MB là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp MB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, MB phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, MB thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của MB có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, MB cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, MB đã áp dụng Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. MB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.



## (ii) Rủi ro tín dụng

MB chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi MB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi MB cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà MB gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của MB. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra MB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

MB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- \*Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- \*Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- \*Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- \*Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

MB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được NHNNVN chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

### **Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá**

Các tài sản tài chính không quá hạn hay không bị giảm giá trị của MB bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89. MB đánh giá rằng MB hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

#### 40. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

##### *Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá*

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày dưới đây:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	-	196.000	196.000
Cho vay khách hàng - gộp	1.904.761	896.027	476.547	885.071	4.162.406
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	400.000	400.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	400.000	400.000
Tài sản Có khác - gộp	-	150.000	-	931.295	1.081.295
	1.904.761	1.046.027	476.547	2.412.366	5.839.701

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Quá hạn dưới 90 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày Triệu VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày Triệu VND	Quá hạn trên 360 ngày Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	2.500	-	-	264.000	266.500
Cho vay khách hàng - gộp	2.381.530	425.343	442.136	1.377.636	4.626.645
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	280.000	280.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	280.000	280.000
Tài sản Có khác - gộp	-	-	34.552	594.821	629.373
	2.384.030	425.343	476.688	2.516.457	5.802.518

#### 40. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Chi tiết về các tài sản đảm bảo MB nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Bất động sản	118.026.326	94.111.046
Động sản	247.546.673	98.260.814
Giấy tờ có giá	22.502.024	16.693.296
Các khoản phải thu	45.975.439	125.340.841
Các tài sản đảm bảo khác	50.382.274	57.816.971
	484.432.736	392.222.968

MB chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản đảm bảo này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này có thể khác với giá trị ghi sổ. Giá trị của tài sản đảm bảo được định giá hàng năm hoặc tại thời điểm cho vay theo ước tính của MB và người đi vay.

##### (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình MB huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của MB. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động và sự sẵn có của hệ thống thông tin, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảm thiểu rủi ro. Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của MB. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những có cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của MB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.519.952	-	-	-	-	1.519.952
Tiền gửi tại NHNN	-	-	10.002.478	-	-	-	-	10.002.478
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	196.000	7.266.384	10.538.710	7.147.921	2.000.000	-	27.149.015
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	1.060.665	-	-	-	-	1.060.665
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	53.419	-	-	-	-	53.419
Cho vay khách hàng - gộp	1.904.761	2.257.645	9.043.719	27.803.139	35.802.374	31.601.677	42.324.387	150.737.702
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	400.000	3.753.482	4.468.104	4.633.903	39.757.412	1.893.974	54.906.875
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	32.530	-	-	-	437.451	505.337	975.318
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	95.960	2.361.884	2.457.844
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	149.175	149.175
Tài sản Có khác - gộp	-	1.081.295	7.770.481	538.499	1.198.494	1.300.166	-	11.888.935
	1.904.761	3.967.470	40.470.580	43.348.452	48.782.692	75.192.666	47.234.757	260.901.378
<b>Nợ phải trả</b>								
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác	-	-	15.973.756	6.884.032	1.612.542	242.646	-	24.712.976

Tiền gửi của khách hàng	-	-	73.861.162	45.807.401	49.968.160	25.171.590	4.084	194.812.397
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	211	15.060	242.899	-	258.170
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	36.953	-	-	2.330.000	-	2.366.953
Các khoản nợ phải trả khác	-	-	4.936.333	1.222.906	1.275.580	84.739	-	7.519.558
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.904.761	3.967.470	(54.337.624)	(10.566.098)	(4.088.650)	47.120.792	47.230.673	31.231.324
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Triệu VND)</b>								
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt và vàng	-	-	1.235.658	-	-	-	-	1.235.658
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.181.894	-	-	-	-	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	2.500	264.000	15.550.118	7.405.648	3.705.684	-	2.000.000	28.927.950
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	1.809.280	447.830	646.155	560.193	150.851	3.614.309
Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	96.437	-	-	-	-	96.437
Cho vay khách hàng - gộp	2.381.530	2.245.115	8.289.612	26.811.358	35.091.563	31.703.848	14.825.604	121.348.630

Chứng khoán đầu tư - góp	-	280.000	2.183.010	4.081.485	5.401.685	32.321.551	3.315.431	47.583.162
Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	32.530	-	-	626.004	9.900	1.158.980	1.827.414
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	295.325	1.636.364	1.931.689
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	298.451	298.451
Tài sản có khác - góp	-	629.373	8.513.786	74.285	334.843	49.017	44.793	9.646.097
	2.384.030	3.451.018	45.859.795	38.820.606	45.805.934	64.939.834	23.430.474	224.691.691
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Triệu VND)</b>	<b>Quá hạn dưới 3 tháng</b>	<b>Quá hạn trên 3 tháng</b>	<b>Đến 1 tháng</b>	<b>Từ 1 đến 3 tháng</b>	<b>Từ 3 đến 12 tháng</b>	<b>Từ 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	1.411.502	-	-	-	-	1.411.502
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.908.377	68.544	497.010	35.555	2.000.000	7.509.486
Tiền gửi của khách hàng	-	-	59.545.671	48.515.230	55.256.313	8.974.687	9.273.483	181.565.384
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	767	7.871	309.320	-	317.958
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	80.058	-	-	370.000	2.000.000	2.450.058
<b>Nợ phải trả khác</b>	-	-	2.369.389	211.207	2.021.179	2.779	-	4.604.554
	-	-	68.314.997	48.795.748	57.782.373	9.692.341	13.273.483	197.858.942
Mức chênh thanh khoản ròng	2.384.030	3.451.018	(22.455.202)	(9.975.142)	(11.976.439)	55.247.493	10.156.991	26.832.749

#### (iv) Rủi ro thị trường

##### *Rủi ro lãi suất*

Các hoạt động của MB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

MB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng, đánh giá mức độ tác động của lãi suất tới thu nhập MB dựa trên các kịch bản giả định về biến động của lãi suất. Ngoài ra, MB cũng có các bộ phận chuyên trách cập nhật các thông tin kinh tế trong và ngoài nước có ảnh hưởng trực tiếp tới Sổ kinh doanh (Trading book) và chiến lược kinh doanh của MB cũng như dự báo biến động của các yếu tố thị trường: tỷ giá, lãi suất, giá vàng để có những cảnh báo rủi ro kịp thời. MB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của MB được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Đến 1 tháng	Từ trên 1 đến 3 tháng	Từ trên 3 đến 6 tháng	Từ trên 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt và vàng	-	1.519.952	-	-	-	-	-	1.519.952
Tiền gửi tại NHNN	-	-	10.002.478	-	-	-	-	10.002.478
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	196.000	406.294	6.860.090	10.538.710	6.626.085	521.836	2.000.000	27.149.015
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	1.060.665	-	-	-	-	-	1.060.665
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	53.419	-	-	-	-	53.419
Cho vay khách hàng - gộp	4.162.406	-	25.945.818	61.850.922	37.276.376	14.840.639	6.661.541	150.737.702
Chứng khoán đầu tư - gộp	400.000	498.757	3.344.725	4.598.104	1.430.482	3.073.421	41.561.386	54.906.875
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	32.530	942.788	-	-	-	-	-	975.318
Tài sản cố định	-	2.457.844	-	-	-	-	-	2.457.844
Bất động sản đầu tư	-	149.175	-	-	-	-	-	149.175
Tài sản Có khác - gộp	1.081.295	10.807.640	-	-	-	-	-	11.888.935
<b>Nợ phải trả</b>	<b>5.872.231</b>	<b>17.843.115</b>	<b>46.206.530</b>	<b>76.987.736</b>	<b>45.332.943</b>	<b>18.435.896</b>	<b>50.222.927</b>	<b>260.901.378</b>



Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	59.546	15.914.210	6.884.032	1.207.234	405.308	242.646	24.712.976
Tiền gửi của khách hàng	-	3.638.230	44.457.613	42.010.166	24.187.692	18.366.146	62.152.550	194.812.397
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	211	703	14.357	242.899	258.170
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	36.953	-	-	-	2.330.000	2.366.953
Các khoản nợ khác	-	7.519.558	-	-	-	-	-	7.519.558
	-	11.217.334	60.408.776	48.894.409	25.395.629	18.785.811	64.968.095	229.670.054
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất</b>	5.872.231	6.625.781	(14.202.246)	28.093.327	19.937.314	(349.915)	(14.745.168)	31.231.324
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Triệu VND)</b>								
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt và vàng	-	1.235.658	-	-	-	-	-	1.235.658
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.181.894	-	-	-	-	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	266.500	-	15.705.281	7.250.485	3.046.364	659.320	2.000.000	28.927.950
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	647.578	1.161.701	447.831	590.619	55.536	711.044	3.614.309

Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	-	96.437	-	-	-	-	-	96.437
Cho vay khách hàng -gộp	4.626.645	-	10.434.072	62.781.377	24.984.144	12.371.592	6.150.800	121.348.630	
Chứng khoán đầu tư -gộp	280.000	484.285	1.978.730	4.081.485	3.147.938	2.053.850	35.556.874	47.583.162	
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	32.530	1.794.884	-	-	-	-	-	1.827.414	
Tài sản cố định	-	1.931.689	-	-	-	-	-	1.931.689	
Bất động sản đầu tư	-	298.451	-	-	-	-	-	298.451	
Tài sản có khác - gộp	629.373	9.016.724	-	-	-	-	-	9.646.097	
	<b>5.835.048</b>	<b>15.409.269</b>	<b>37.558.115</b>	<b>74.561.178</b>	<b>31.769.065</b>	<b>15.140.298</b>	<b>44.418.718</b>	<b>224.691.691</b>	
<b>Nợ phải trả</b>									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.411.502	-	-	-	-	1.411.502	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.908.377	68.544	50.000	497.010	1.985.555	7.509.486	
Tiền gửi của khách hàng	-	586.752	55.477.340	55.633.550	26.841.168	29.142.493	13.884.081	181.565.384	
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	767	3.165	4.706	309.320	317.958	
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	80.058	-	-	-	2.370.000	2.450.058	
<b>Nợ phải trả khác</b>	-	4.604.554	-	-	-	-	-	4.604.554	
	-	5.191.306	61.877.277	55.702.861	26.894.333	29.644.209	18.548.956	197.858.942	
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất</b>	<b>5.835.048</b>	<b>10.217.963</b>	<b>(24.319.162)</b>	<b>18.858.317</b>	<b>4.874.732</b>	<b>(14.503.911)</b>	<b>25.869.762</b>	<b>26.832.749</b>	

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của MB với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 31/12/2016	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế 31/12/2016 Triệu VND
VND	2,00%	399.752
USD	1,00%	(4.971)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Loại tiền	Mức tăng lãi suất 31/12/2015	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế 31/12/2015 Triệu VND
VND	2,00%	286.006
USD	1,00%	(15.800)

#### Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. MB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của MB cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của MB chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ ("USD"). Một số tài sản khác của MB bằng ngoại tệ khác ngoài VND và USD. MB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của MB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được MB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
<b>Tài sản</b>						
Tiền mặt và vàng	1.161.239	267.655	58.288	3.281	29.489	1.519.952
Tiền gửi tại NHNN	6.846.150	3.068.777	-	-	87.551	10.002.478
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	23.399.145	992.451	2.717.570	-	39.849	27.149.015
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.060.665	-	-	-	-	1.060.665
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.102.414	(1.026.180)	(332)	-	(22.483)	53.419
Cho vay khách hàng - gộp	129.231.439	21.081.174	28.354	-	396.735	150.737.702
Chứng khoán đầu tư - gộp	50.475.075	4.431.800	-	-	-	54.906.875
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	974.688	-	630	-	-	975.318
Tài sản cố định	2.444.377	8.563	-	-	4.904	2.457.844
Bất động sản đầu tư	149.175	-	-	-	-	149.175
Tài sản Có khác - gộp	9.873.857	1.938.489	12.375	-	64.214	11.888.935
	<b>226.718.224</b>	<b>30.762.729</b>	<b>2.816.885</b>	<b>3.281</b>	<b>600.259</b>	<b>260.901.378</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17.821.714	6.883.351	18	-	7.893	24.712.976
Tiền gửi của khách hàng	166.135.164	25.489.764	2.826.031	-	361.438	194.812.397
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	258.170	-	-	-	-	258.170
Phát hành giấy tờ có giá	2.366.953	-	-	-	-	2.366.953
Các khoản nợ khác	7.344.845	159.363	1.775	-	13.575	7.519.558
	<b>193.926.846</b>	<b>32.532.478</b>	<b>2.827.824</b>	<b>-</b>	<b>382.906</b>	<b>229.670.054</b>
Trạng thái tiền tệ nội bảng	32.791.378	(1.769.749)	(10.939)	3.281	217.353	31.231.324

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Triệu VND)</b>	<b>VND</b>	<b>USD</b>	<b>EUR</b>	<b>Vàng</b>	<b>Tiền tệ khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>						
Tiền mặt và vàng	974.289	208.535	36.086	2.861	13.887	1.235.658
Tiền gửi tại NHNN	3.485.774	4.603.657	-	-	92.463	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	16.883.814	10.506.452	1.338.555	-	199.129	28.927.950
Chứng khoán kinh doanh - gộp	3.614.309	-	-	-	-	3.614.309
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	2.008.950	(1.891.396)	703	-	(21.820)	96.437
Cho vay khách hàng - gộp	103.279.005	17.816.350	29.850	-	223.425	121.348.630
Chứng khoán đầu tư - gộp	47.583.162	-	-	-	-	47.583.162
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	1.826.769	-	645	-	-	1.827.414
Tài sản cố định	1.838.511	8.123	-	-	85.055	1.931.689
Bất động sản đầu tư	298.451	-	-	-	-	298.451
Tài sản có khác - gộp	9.376.744	206.120	183	-	63.050	9.646.097
	<b>191.169.778</b>	<b>31.457.841</b>	<b>1.406.022</b>	<b>2.861</b>	<b>655.189</b>	<b>224.691.691</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.411.502	-	-	-	-	1.411.502
Tiền gửi và vay các TCTD khác	6.433.459	1.066.717	29	-	9.281	7.509.486
Tiền gửi của khách hàng	148.065.173	31.982.869	1.405.039	-	112.303	181.565.384
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	317.958	-	-	-	-	317.958

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
<b>Nợ phải trả</b>						
Phát hành giấy tờ có giá	2.450.058	-	-	-	-	2.450.058
Nợ phải trả khác	4.274.004	214.398	153	-	115.999	4.604.554
	162.952.154	33.263.984	1.405.221	-	237.583	197.858.942
Trạng thái tiền tệ nội bảng	28.217.624	(1.806.143)	801	2.861	417.606	26.832.749

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu của MB trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Loại tiền tệ	VND tăng giá 1% so với USD và EUR Triệu VND	VND giảm giá 1% so với USD và EUR Triệu VND
VND	14.158	(14.158)
USD	<b>87</b>	<b>(87)</b>
	<b>14.245</b>	<b>(14.245)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Loại tiền tệ	VND tăng giá 1% so với USD và EUR Triệu VND	VND giảm giá 1% so với USD và EUR Triệu VND
VND	14.407	(14.407)
USD	<b>(6)</b>	<b>6</b>
	<b>14.401</b>	<b>(14.401)</b>

## 41. Cam kết

### Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Dưới 01 năm	198.064	64.654
Từ 01 đến 05 năm	749.062	385.219
Trên 05 năm	353.980	1.085.031
	1.320.671	1.534.904

## 42. Thuyết minh công cụ tài chính

### Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2012/TT-BTC yêu cầu thuyết minh về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của MB:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016						Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu VND	Triệu VND	
<b>Tài sản tài chính</b>								
Tiền mặt và vàng	1.519.952	-	-	-	-	1.519.952	1.519.952	
Tiền gửi tại NHNN	-	-	10.002.478	-	-	10.002.478	10.002.478	
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	26.952.799	-	-	26.952.799	(*)	

## 42. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	53.419	-	-	-	-	53.419	(*)
Chứng khoán kinh doanh - gộp	925.995	-	-	-	-	925.995	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	925.995	-	-	150.737.702	(*)
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	7.304.604	-	39.455.594	-	46.760.198	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	842.259	-	842.259	(*)
Tài sản tài chính khác - gộp	-	-	6.336.396	-	-	6.844.061	(*)
	2.499.366	7.304.604	191.979.062	40.297.853	-	242.080.885	(*)
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	24.712.976	24.712.976	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	194.812.397	194.812.397	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	258.170	258.170	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.366.953	2.366.953	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	6.555.975	6.555.975	(*)
	-	-	-	-	228.706.471	228.706.471	(*)

(\*) MB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



## 42. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi số					Giá trị hợp lý	
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng cộng giá trị ghi số Triệu VND	Triệu VND
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền mặt và vàng	1.235.658	-	-	-	-	1.235.658	1.235.658
Tiền gửi tại NHNN	-	-	8.181.894	-	-	8.181.894	8.181.894
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	28.658.950	-	-	28.658.950	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	3.469.067	-	-	-	-	3.469.067	(*)
Chứng khoán kinh doanh - gộp	96.437	-	-	-	-	96.437	(*)
Cho vay khách hàng - gộp	-	-	119.372.248	-	-	119.372.248	(*)
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	7.304.604	-	39.455.594	-	46.760.198	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	1.606.122	-	1.606.122	(*)
Tài sản tài chính khác - gộp	-	-	4.037.208	-	-	4.037.208	(*)
	4.801.162	7.304.604	160.250.300	41.061.716	-	213.417.782	(*)
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	1.411.502	1.411.502	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	7.509.486	7.509.486	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	181.565.384	181.565.384	(*)

## 42. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	317.958	317.958	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.450.058	2.450.058	(*)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	3.981.181	3.981.181	(*)
	-	-	-	-	197.235.569	197.235.569	(*)

(\*) MB chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## 43. Giao dịch phi tiền tệ trọng yếu

	2016 Triệu VND	2015 Triệu VND
Phát hành cổ phiếu để mua SDFC (Thuyết minh 39)	461.491	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 23(iii))	815.591	347.818
	1.277.082	347.818

#### 44. Tỷ giá một số loại ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được MB áp dụng:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
USD	22.159	21.890
EUR	23.846	24.426
GBP	27.755	33.120
CHF	21.910	22.188
JPY	195	186
SGD	15.609	15.801
CAD	16.771	16.099
AUD	16.303	16.254

Người lập:

**Bà Lê Khánh Hằng**  
PT. Phòng Kế toán

Người soát xét:

**Bà Lê Thị Lợi**  
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

**Ông Lưu Trung Thái**  
Tổng Giám đốc

Xác nhận của người đại diện theo pháp luật  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lưu Trung Thái  
Tổng Giám đốc

